

ĐỀ CƯƠNG

Tuyên truyền trả lời câu hỏi cuộc thi tìm hiểu “Lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Lạng Giang từ năm 1930 đến nay”

Câu 1: Tên huyện Lạng Giang có từ khi nào? Từ đó đến nay huyện đã trải qua bao nhiêu lần điều chỉnh về địa giới hành chính? Nêu thời gian, nội dung các lần điều chỉnh đó? Trả lời: Ngày 25/3/1948, Chính phủ ra Sắc lệnh số 148SL quy định bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận cấp trên xã và dưới tỉnh, gọi là cấp huyện, cũng từ đó có tên huyện Lạng Giang.

thành lập tỉnh Lục chính quyền Pháp, 1889 (thị trấn Vôi ngày nay). Năm Chu Nguyên chính là đất Lạng Giang ngày nay và một phần của huyện Lục Nam; trụ sở đặt tại làng Bảo Lộc, cai quản 10 huyện, trong đó có huyện Thương Hồng, châu Lạng đổi thành phủ Lạng Giang, gồm 02 châu: Châu Lạng Giang và châu 1407. Năm Bắc Giang, được đổi là châu Lạng thuộc lộ thế kỷ 11. Tên Kê Từ tồn tại suốt gần một nghìn năm Bắc thuộc; đến Vũ Ninh ngày nay) nằm trong lộ Lục Ngạn, Lục Nam Kê Từ (bao gồm địa giới hành chính các huyện Lạng Giang, Từ những ngày đầu triều các vua Hùng, Lạng Giang chưa thành tên gọi. Địa phận của huyện thuộc đất Nam, huyện Bảo Lộc thuộc tỉnh Lục Nam. Ngày 8-9-1891, tỉnh Lục Nam giải thể, huyện Bảo Lộc trả về tỉnh Bắc Ninh.

Dưới triều Thành Thái nhà Nguyễn (1889-1907), huyện Bảo Lộc đổi thành huyện Phát Lộc. Năm 1924, chính quyền Pháp đổi huyện Phát Lộc thành phủ Lạng Giang, gồm 13 tổng: Cần Đình, Đa Mai, Thọ Xương, Đào Quán, Dĩnh Kế, Thịnh Liệt, Lan Mẫu, Trí Yên, Mỹ Cầu, Phi Mô, Mỹ Thái, Thái Đào, Xuân Đám. Phủ lỵ đặt tại phủ Lạng Thương (phố Tiền Giang, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang ngày nay). Phủ Lạng Giang bao gồm toàn bộ lãnh thổ huyện Lạng Giang ngày nay cùng các xã: Lan Mẫu của huyện Lục Nam; Lão Hộ, Song Khê, Tân Mỹ, Hương Gián, Lãng Sơn, Trí Yên, Đức La, Tam Kỳ, Tân An, Xuân Phú, Tân Tiến của huyện Yên Dũng; Thọ Xương, Dĩnh Kế, Mỹ Độ, Song Mai, Đa Mai của thành phố Bắc Giang ngày nay...

Ngày 25-3-1948, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra Sắc lệnh số 148-SL, bãi bỏ các danh từ, phủ, châu, quận để thống nhất gọi là huyện. Thực hiện Sắc Lệnh của Chủ tịch nước, phủ Lạng Giang gọi là huyện Lạng Giang. Huyện Lạng Giang khi đó có 29 xã: An Hà, Bảo Đài, Bảo Sơn, Đại Lâm, Đào Mỹ, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, Dương Đức, Hòa Bình A, Hương Lạc, Hương Sơn, Mỹ Hà, Mỹ Thái, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Phi Mô, Quang Thịnh, Tam Dị, Tân Dĩnh, Tân Hưng, Tân Lập, Tân Thanh, Tân Thịnh, Thái Đào, Tiên Hưng, Tiên Lục, Xuân Hương, Xương Lâm, Yên Mỹ.

Ngày 21-1-1957 điều chỉnh địa giới tách 6 xã: Hòa Bình A, Tam Dị, Tân Lập, Tiên Hưng, Bảo Đài, Bảo Sơn để thành lập huyện Lục Nam. Huyện còn lại 23 xã: An Hà, Đại Lâm, Đào Mỹ, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, Dương Đức, Hương Lạc, Hương Sơn, Mỹ Hà, Mỹ Thái, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Phi Mô, Quang Thịnh, Tân Dĩnh, Tân Hưng, Tân Thanh, Tân Thịnh, Thái Đào, Tiên Lục, Xuân Hương, Xương Lâm, Yên Mỹ.

Ngày 19/10/1959, thành lập thị trấn Kép trên cơ sở tách đất xã Tân Thịnh.

Ngày 8-3-1967, thành lập thị trấn nông trường Cam Bó Hạ.

Ngày 3-5-1985 điều chỉnh địa giới hành chính xã Dĩnh Kế được sáp nhập vào thị xã Bắc Giang. Huyện Lạng Giang còn lại thị trấn Kép, thị trấn nông trường Cam Bó Hạ và 22 xã: An Hà, Đại Lâm, Đào Mỹ, Dĩnh Trì, Dương Đức, Hương Lạc, Hương Sơn, Mỹ Hà, Mỹ Thái, Nghĩa Hòa, Nghĩa Hưng, Phi Mô, Quang Thịnh, Tân Dĩnh, Tân Hưng, Tân Thanh, Tân Thịnh, Thái Đào, Tiên Lục, Xuân Hương, Xương Lâm, Yên Mỹ.

Ngày 22-12-1997, thành lập thị trấn Vôi - thị trấn huyện lỵ huyện Lạng Giang trên cơ sở 335,87 ha diện tích tự nhiên và 4560 nhân khẩu của xã Yên Mỹ.

Ngày 12-7-2007 điều chỉnh địa giới hành chính giải thể thị trấn nông trường Cam Bó Hạ, địa bàn nhập vào xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang và các xã Đông Sơn, Đồng Hưu, huyện Yên Thế.

Từ 27/9/2010 điều chỉnh địa giới hành chính tách xã Dĩnh Trì được sáp nhập vào thành phố Bắc Giang theo Nghị quyết số 36/NQ-CP của Chính phủ.

Dự kiến trong năm 2018, các xã Thái Đào, Tân Dĩnh, Xuân Hương sẽ được sáp nhập vào thành phố Bắc Giang.

Câu 2: Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Lạng Giang (Chi bộ Phủ Lạng Thương) được thành lập khi nào? Ở đâu? Chi bộ có bao nhiêu đảng viên? Bí thư chi bộ là ai? Đến nay Đảng bộ huyện Lạng Giang có bao nhiêu Chi, Đảng bộ cơ sở?

- Từ giữa năm 1938, đồng chí Hoàng Quốc Việt lên hoạt động ở Bắc Ninh, Bắc Giang. Đồng chí chấp mối liên lạc và gây cơ sở ở thị xã Phủ Lạng Thương, ấp Tam Sơn. Đồng chí Hoàng Quốc Việt bắt liên lạc với những đồng chí vừa thoát khỏi nhà tù đế quốc hoặc mất liên lạc với Đảng từ những năm 1930-1931 đang hoạt động ở Bắc Giang và lập ra Chi bộ phủ Lạng Thương vào cuối năm 1938.

- Chi bộ phủ Lạng Thương được thành lập cuối năm 1938, tại ấp Tam Sơn, thị xã Phủ Lạng Thương (thuộc Tam Sơn Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang ngày nay). Việc thành lập chi bộ Phủ Lạng Thương là kết quả của 10 năm đấu tranh kiên trì, gian khổ của nhân dân Lạng Giang (Trích trong cuốn Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Lạng Giang tập I xuất bản năm 1987). Chi bộ khi thành lập có 05 đảng viên, gồm các đồng chí: Vương Văn Trà, Mai Thị Vũ Trang, Nguyễn Văn Giảng, Nguyễn Văn Lung, Ngô Văn Hiệp (tức Ngô Tuấn Tùng) sau đó chi bộ được phát triển thêm 12 đồng chí. Bí thư chi bộ: Đồng chí Vương Văn Trà.

- Chi bộ Phủ Lạng Thương có vai trò như một Ban cán sự Đảng của tỉnh Bắc Giang, lãnh đạo phong trào cách mạng tỉnh Bắc Giang trong những năm cuối của thời kỳ vận động dân chủ. Nhiều đảng viên của Chi bộ đã đi xây dựng cơ sở ở Đại Từ, Thép Thượng (Lục Nam), An Tràng, Đào Tràng, ấp Tam Sơn...

- Đến nay Đảng bộ huyện Lạng Giang có 48 chi, đảng bộ cơ sở (29 đảng bộ, 19 chi bộ); 428 chi bộ trực thuộc các đảng ủy cơ sở.

Câu 3: Nêu hoàn cảnh ra đời và thời gian thành lập Đảng bộ huyện Lạng Giang? Ai là Bí thư Huyện ủy? Khi thành lập Đảng bộ huyện có những tổ chức cơ sở đảng nào?

* Hoàn cảnh ra đời: Trước tình hình thực tế diễn ra phức tạp, ngày 11/11/1945, Đảng ta tuyên bố tự giải tán, thực chất là rút vào hoạt động bí mật, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc và không ngừng củng cố, phát triển Đảng. Các tổ chức đảng ở Lạng Giang rút vào hoạt động bí mật.

- Tháng 10- 1945, Hội nghị đại biểu đảng bộ tỉnh Bắc Giang họp ở đình Địa Đông (thuộc xã Dĩnh Trì). Hội nghị nêu rõ công tác củng cố và phát triển Đảng phải được tiến hành thường xuyên. Lúc này, cả huyện mới có một chi bộ đảng.

- Phong trào cách mạng trên địa bàn Lạng Giang do một chi bộ đảng lãnh đạo. Từ tháng 02/1946- 7/1946 đồng chí Hồ Quang Thành (Thành Quán) làm bí thư chi bộ; từ tháng 12/1946 đồng chí Hải Oanh thay đồng chí Hồ Quang Thành. Chi bộ chú trọng công tác phát triển đảng viên mới; trong đợt kết nạp đầu tiên tháng 4/1946, Chi bộ đã kết nạp được 05 đảng viên. Từ cuối năm 1946 trở đi, các chi bộ xã Đào Quán, Cần Dinh, Dĩnh Trì, Phi Mô, Tân Dĩnh, Mỹ Thái, Tân Hưng...lần lượt được thành lập...

* Thời gian thành lập: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lạng Giang được thành lập **cuối năm 1946**. Huyện ủy gồm 07 ủy viên, 03 đồng chí trong Ban Thường vụ. Đến quý I năm 1947, đảng bộ Lạng Giang đã có 13 chi bộ với 134 đảng viên. Khoảng giữa năm 1947, đồng chí Nguyễn Thương được tỉnh ủy cử về làm Bí thư huyện ủy Lạng Giang. Số lượng đảng viên trong đảng bộ đã lên tới 230 đồng chí, sinh hoạt ở 18 chi bộ.

* Bí thư Huyện ủy: Đồng chí Dương Quốc Cầm. Chủ tịch: đồng chí Nguyễn Trọng Hoa. Chủ nhiệm Việt Minh: đồng chí Ngô Duy Phương.

* Khi thành lập Đảng bộ huyện Lạng Giang có 07 tổ chức cơ sở đảng, gồm các chi bộ: xã Đào Quán, Cần Dinh, Dĩnh Trì, Phi Mô, Tân Dĩnh, Mỹ Thái, Tân Hưng.

* Những năm 1947-1949 Đảng bộ có sự trưởng thành nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chú trọng xây dựng Đảng về tổ chức, tăng cường công tác tư tưởng, tuyên truyền sâu rộng đường lối kháng chiến, bồi dưỡng chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đến Quý I/1947, Đảng bộ huyện đã có 13 chi bộ với tổng số 134 đảng viên. Đến giữa năm 1947, có 18 chi bộ với 230 đảng viên. Tháng 8/1948, lần đầu tiên Đảng bộ huyện tổ chức Hội nghị toàn Đảng bộ; Hội nghị bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 đồng chí, do đồng chí Đỗ Văn Soạn làm Bí thư.

- Nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp kháng chiến, công tác phát triển đảng được đẩy mạnh; đến tháng 12/1948 toàn Đảng bộ huyện đã có 648 đảng viên, sinh hoạt ở 22 chi bộ, trong đó: 16 chi bộ làng, 6 chi bộ thuộc các cơ quan công sở. Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ công tác chính huấn tư tưởng, củng cố tổ chức đảng ở cơ sở; Huyện ủy tổ chức các đội chính huấn, củng cố cơ sở về các chi bộ xã giúp đỡ các chi bộ xây dựng chi bộ tự động công tác và hướng dẫn tự phê bình và phê bình. Qua đó nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, **góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.**

Câu 4: Từ khi thành lập đến nay, Đảng bộ huyện Lạng Giang đã tiến hành bao nhiêu kỳ Đại hội? Nêu thời gian, địa điểm tổ chức các kỳ Đại hội? Nêu họ, tên các đồng chí Bí thư Huyện ủy và Chủ tịch UBND huyện qua các thời kỳ?

ĐẢNG BỘ HUYỆN LẠNG GIANG QUA 21 KỲ ĐẠI HỘI

- Tháng 01-1959, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ Nhất được tổ chức. Dự Đại hội có 100 đại biểu, đại diện cho trên 1.000 đảng viên toàn đảng bộ. Đại hội kiểm điểm, đánh giá hoạt động của Đảng bộ, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1959; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 18 đồng chí (15 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Nguyễn Ninh được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Hoàng Tân được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban hành chính (UBHC) huyện.
- Tháng 5/1960, Đảng bộ huyện Lạng Giang tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ II. Đại hội bầu đồng chí Lưu Đình Khoa làm Bí thư Huyện ủy; Đồng chí Nguyễn Tường Lân làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBHC huyện.
- Tháng 01-1962, Đảng bộ tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III, đồng chí Nguyễn Thanh Quất được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Tường Lân làm Phó Bí thư Huyện ủy.
- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ IV được tổ chức tháng 4/1963, đồng chí Phạm Các được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Tăng làm Phó Bí thư.
- Ngày 02-10-1964, Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ V, có 119 đại biểu, đại diện cho 1.874 đảng viên trong toàn Đảng bộ tham dự. Đại hội đã bàn và đề ra phương hướng kiện toàn các cấp ủy, nâng cao chất lượng, đảm bảo tăng cường năng lực lãnh đạo và uy tín của cấp ủy, đảm bảo lãnh đạo hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước, phát triển kinh tế, văn hóa. Đại hội bầu BCH Đảng bộ khóa V gồm 21 ủy viên (19 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Vũ Quang Cầu được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Tăng làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBHC; đồng chí Nguyễn Văn Nếp làm Phó Bí thư Huyện ủy.
- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI được tổ chức tại rừng xóm Tê, thôn Bùng, xã Tân Thanh. Đại hội diễn ra trong 3 ngày từ 09 đến 11-3-1967, có 135 đại biểu tham dự (124 đại biểu chính thức và 11 đại biểu dự khuyết). Đại hội lần này là "*Đại hội quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*". Đại hội thông qua dự thảo báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa V; tổ chức đón Huân chương Chiến công hạng II về thành tích phục vụ chiến đấu và chiến đấu trong năm 1965-1966. Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ, nhiệm kỳ 1967-1968; bầu BCH Đảng bộ huyện gồm 23 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 9 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Nếp được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Tăng, Phó Bí thư- Chủ tịch UBHC; đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.
- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII tổ chức từ ngày 10- 13/4/1969, tại xóm Thượng (xã Mỹ Thái), tham dự Đại hội có 142 đại biểu chính thức và 10 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã bầu BCH Đảng bộ gồm 21 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Nếp được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn

Nghĩa làm Phó Bí thư- Chủ tịch UBHC; đồng chí Nguyễn Sơ làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

- Từ ngày 19- 23/5/1971, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII được tổ chức tại Hội trường Ủy ban hành chính huyện ở rừng Vôi, làng Chu Nguyên, xã Yên Sơn (nay là Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên). Về dự Đại hội có 150 đại biểu đại diện cho 3.359 đảng viên sinh hoạt ở 36 chi bộ cơ quan, 24 chi bộ xã, thị trấn. Đại hội thảo luận dự thảo nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ II; tập trung thảo luận và bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1971-1972 của Đảng bộ huyện trên các mặt củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu. Đại hội đã bầu BCH khóa VIII gồm 23 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Nếp tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Sơ làm Phó Bí thư Huyện ủy.

- Từ ngày 26/3 đến ngày 30/3/1973, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ IX được tổ chức tại xã Yên Mỹ. Đại hội đánh giá thành tích của huyện trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Đại hội khẳng định quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ II; đề ra nhiệm vụ chủ yếu cho 2 năm 1973-1974; bầu Ban Chấp hành khóa IX, gồm 23 đồng chí (21 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Nguyễn Văn Nếp tiếp tục được tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Sơ làm Phó Bí thư- Chủ tịch UBHC, đồng chí Trịnh Văn Tạo được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (được tổ chức 2 đợt)

Đợt 1: Từ ngày 4 đến 10-4-1976. Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976-1980). Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa X gồm 25 ủy viên chính thức và 2 dự khuyết. Ngày 12-4 Ban Chấp hành Đảng bộ bầu đồng chí Nguyễn Xuân Tổng làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Sơ làm Phó Bí thư-Chủ tịch UBND. Từ ngày 5/7/1976, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Nguyễn Xuân Tổng về tỉnh nhận công tác khác.

Đợt 2: Trong 3 ngày, từ 30/10 đến 01/11/1976. Dự Đại hội có 216 đại biểu thay mặt cho toàn thể đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội thảo luận, đóng góp bổ sung dự thảo các văn kiện của Trung ương Đảng trình Đại hội toàn quốc lần thứ IV; thông qua nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể những tháng cuối năm 1976, đầu năm 1977; chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- Từ ngày 25- 31/5/1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI được tổ chức, dự Đại hội có 191 đại biểu. Đại hội quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng; nghiên cứu dự thảo báo cáo chính trị và phương hướng nhiệm vụ thông qua tại Đại hội Đảng bộ tỉnh; đóng góp ý kiến vào dự thảo báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa XI gồm 27 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa được

bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Sơ làm Phó Bí thư Huyện ủy- chủ tịch UBND huyện.

- Tháng 10-1979 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII được tổ chức. Dự Đại hội có 171 đại biểu và 6 đại biểu của các cơ quan tỉnh về ứng cử đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ V. Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ 2 năm (1980-1981); bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XII gồm 31 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Tân làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Sơ làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIII được tổ chức thành 2 đợt.

Đợt 1: từ ngày 29/12/1981 đến ngày 01/01/1982 tại Hội trường UBND huyện. Dự Đại hội có 184 đại biểu thay mặt cho 4.182 đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đã tập trung thảo luận và quán triệt các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Đại hội nghiêm túc kiểm điểm những khuyết điểm về công tác xây dựng Đảng, quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong những năm tiếp theo.

Đợt 2: từ ngày 05- 08/01/1983 tại hội trường của huyện, có 187 đại biểu đại diện cho 4.439 đảng viên trong Đảng bộ về dự. Đại hội kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, đánh giá mọi mặt công tác 2 năm 1981-1982; thông qua phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu 3 năm (1983-1985). Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 31 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hà Văn Cẩm được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Đức Nhuận làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Bạch Công Hình Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV tổ chức từ ngày 10 đến 14/9/1986. Tham dự Đại hội có 240 đại biểu (218 đại biểu chính thức và 22 đại biểu dự khuyết) thay mặt trên 5000 đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện. Đại hội tập trung nghiên cứu, thảo luận và đóng góp vào các văn kiện: Dự thảo báo cáo chính trị của BCH Trung ương Đảng trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI; báo cáo tổng hợp ý kiến đề nghị bổ sung Điều lệ Đảng; dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VI; dự thảo báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIII trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIV. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 41 ủy viên (33 ủy viên chính thức và 8 ủy viên dự khuyết). Đồng chí Hà Văn Cẩm được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Đức Nhuận làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Bạch Công Hình làm Phó Bí thư- Chủ tịch UBND huyện.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV được tổ chức từ ngày 28 đến ngày 30-11-1988 tại hội trường huyện, có 246 đại biểu đại diện cho trên 5.700 đảng viên trong Đảng bộ huyện tham dự. Đại hội kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, rút kinh nghiệm trên các lĩnh vực công tác và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong nhiệm kỳ mới. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XV gồm 39 ủy viên, trong đó 4 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ bầu đồng chí Hà Văn Cẩm làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Bạch Công

Hình làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND; đồng chí Nguyễn Đức Nhuận làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI được tổ chức từ ngày 24/10 đến 26/10/1991; có 225 đại biểu chính thức đại diện cho 5.237 đảng viên tham dự. Đại hội đã bầu 32 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Đồng chí Hà Văn Cẩm được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Đào Xuân Cẩn làm Phó Bí thư- Chủ tịch UBND huyện, đồng chí Bạch Công Hình làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Đến tháng 3/1993, đồng chí Đào Xuân Cẩn được điều về tỉnh công tác, Huyện ủy bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Liêm làm Phó Bí thư- Chủ tịch UBND huyện. Đầu tháng 11/1993, đồng chí Hà Văn Cẩm nghỉ hưu, Huyện ủy bầu đồng chí Bạch Công Hình làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Thế Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

- Từ ngày 02 đến 04/01/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII được tổ chức. Về dự Đại hội có 231 đại biểu, đại diện cho trên 5.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện. Đại hội tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI. Đại hội khẳng định: Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nỗ lực khắc phục khó khăn, từng bước vận dụng đường lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa XVII gồm 33 đồng chí. Đồng chí Bạch Công Hình được bầu làm Bí thư Huyện ủy; các đồng chí Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Văn Liêm được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy. Đến năm 1997, đồng chí Nguyễn Văn Liêm chuyển công tác về tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Kha được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII được tiến hành từ ngày 27 đến 29/11/2000, với sự tham dự của 178 đại biểu, đại diện cho trên 5.000 đảng viên trong huyện. Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII trong những năm cuối của thế kỷ XX, đề ra phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu cho những năm đầu thế kỷ XXI (giai đoạn 2001-2005). Đại hội đã bầu 33 ủy viên Ban Chấp hành khóa XVIII. Đồng chí Nguyễn Thế Hùng được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Đức Kha được bầu Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện; đồng chí Nguyễn Mạnh Cường được bầu Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

Từ tháng 01/2003 đồng chí Nguyễn Mạnh Cường được bầu làm Chủ tịch UBND huyện; đồng chí Vũ Văn Chính được luân chuyển về huyện Lạng Giang công tác, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy. Tháng 7/2004, đồng chí Nguyễn Thế Hùng- Bí thư Huyện ủy chuyển lên tỉnh công tác. Tháng 8/2004 đồng chí Vũ Văn Chính làm Bí thư Huyện ủy, đến tháng 7/2005 chuyển công tác khác. Tháng 8/2005 đồng chí Nguyễn Mạnh Cường làm Bí thư Huyện ủy.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX, tổ chức ngày 04- 05/10/2005. Đại hội đã chỉ rõ những nguyên nhân chủ yếu của những kết quả đạt được cần tiếp tục phát huy trong những năm tiếp theo; đồng thời chỉ ra những hạn chế khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo

nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng những năm 2001- 2005, xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển của huyện trong những năm 2006-2010. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIX gồm 39 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Mạnh Cường được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Ngô Sách Thực được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện; đồng chí Bùi Ngọc Sơn làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

Tháng 12/2007, đồng chí Ngô Sách Thực lên tỉnh công tác, đồng chí Vũ Văn Hùng được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện.

Đến tháng 6/2008 đồng chí Nguyễn Mạnh Cường chuyển lên tỉnh công tác; tháng 7/2008 Ban chấp hành Đảng bộ huyện bầu đồng chí Bùi Ngọc Sơn làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Phạm Giang- Phó Giám đốc Sở Xây dựng được luân chuyển về huyện công tác, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Thường Trực Huyện ủy.

Tháng 6-2010, đồng chí Phạm Giang chuyển lên tỉnh công tác; tháng 7/2010, đồng chí Tạ Huy Cần- Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ Chức Huyện ủy được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

- Từ ngày 14- 16/7/2010 diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XX; có 251 đại biểu, đại diện cho trên 7.000 đảng viên trong Đảng bộ huyện tham dự. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khoá XX gồm 45 đồng chí. Đồng chí Bùi Ngọc Sơn được bầu làm Bí thư Huyện ủy trực tiếp tại Đại hội; đồng chí Tạ Huy Cần làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Vũ Văn Hùng làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện.

Ngày 01/01/2013, đồng chí Bùi Ngọc Sơn- Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy được điều động về tỉnh công tác, phân công giữ chức Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh; đồng chí Trần Văn Lâm, Tỉnh ủy viên- Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được luân chuyển về huyện Lạng Giang công tác, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Huyện ủy Lạng Giang, nhiệm kỳ 2015-2020.

Ngày 01/7/2013, đồng chí Tạ Huy Cần- Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được bầu làm Chủ tịch HĐND huyện.

Tháng 12/2014, đồng chí Vũ Văn Hùng, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện được nghỉ hưu và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa- Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND huyện được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện.

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XXI được tổ chức từ ngày 24-26/6/2015 tại Trung tâm Hội nghị huyện; có 268 đại biểu chính thức đại diện cho trên 7.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện tham dự Đại hội. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa XXI gồm 43 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Lâm được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Tạ Huy Cần được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch UBND huyện.

Từ ngày 01/7/2016, đồng chí Trần Văn Lâm- Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy được điều động, phân công giữ chức Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang; đồng chí Tạ Huy Cần- Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Tháng 11/2016, đồng chí Nguyễn Việt Oanh- Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang được luân chuyển về huyện Lạng Giang công tác, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy, giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy.

Câu 5: Ông (bà), anh (chị) hãy cho biết những nhiệm vụ trọng tâm, vai trò lãnh đạo của Đảng và những thành quả (kết quả) đạt được trong các giai đoạn lịch sử sau đây của huyện mà ông (bà), anh (chị) tâm đắc:

(1) Lạng Giang dưới ách áp bức của thực dân phong kiến và phong trào đấu tranh tiên tới khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945?

KHÁI QUÁT VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN LẠNG GIANG QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

Huyện Lạng Giang nằm ở phía bắc tỉnh Bắc Giang, trên quốc lộ 1A, trục đường nối từ biên giới về thành phố Bắc Giang và xuống đồng bằng Bắc Bộ. Huyện Lạng Giang có diện tích tự nhiên 246,06 km². Phía Bắc giáp huyện Hữu Lũng (Lạng Sơn) và huyện Yên Thế (Bắc Giang). Phía Đông giáp huyện Lục Nam, phía Tây giáp huyện Tân Yên, phía Tây Nam và Nam là thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng. Huyện có 23 xã, thị trấn, đến cuối năm 2009, dân số của huyện là 196.406 người gồm 9 dân tộc.

Lạng Giang có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng, phen dậu của kinh thành Thăng Long xưa- thủ đô Hà Nội ngày nay. Tuy không có núi rừng hiểm trở, song với một địa hình tự nhiên sẵn có ba bề bốn mặt sông núi bao che, rừng đồi, đồng ruộng, khe lũng dựng nên thành lũy, Lạng Giang tự tạo cho mình một địa thế chiến lược phòng thủ vững chắc, sẵn sàng đánh bại mọi mưu đồ xâm lược của kẻ thù khi chúng đặt chân đến mảnh đất này.

Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng với vùng núi, Lạng Giang có cảnh quan khá sinh động với địa hình tự nhiên rừng đồi, đồng ruộng, khe lũng xen lẫn. Tuy vậy nơi đây cũng là vùng đất có điều kiện tự nhiên khí hậu khá khắc nghiệt, trải qua bao thế hệ với bàn tay lao động cần cù và sự sáng tạo nhân dân Lạng Giang đã khai phá đất rừng, bãi hoang thành đồng ruộng màu mỡ phì nhiêu, diện mạo tự nhiên của huyện ngày một đổi thay. Các hệ thống kênh mương dẫn nước từ đầu nguồn sông Thương tạo nên một hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, đủ sức tưới tiêu cho hầu hết diện tích cây trồng. Lạng Giang có hệ thống giao thông đa dạng, phân bố đều, tạo thuận lợi cho hoạt động thông thương, giao lưu với các địa phương trong tỉnh, cả nước.

Lạng Giang nằm trên vùng đất cổ, quá trình hình thành, phát triển gắn với lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trải qua những biến cố của lịch sử, với những đổi thay do sự biến đổi của dân cư trong các chặng đường lịch sử phát triển của đất nước, dân tộc, ranh giới, tên gọi hành chính của vùng đất Lạng Giang cũng nhiều lần thay đổi. Tên Châu Lạng có từ thế kỷ XI, đến cuối đời Trần, đổi thành lộ Lạng Giang, gồm 7 huyện: Long Nhõn, Cổ Dũng, Phượng Sơn, Na Ngạn, Yên Thế, Yên Ninh và Bảo

Lộc. Địa giới Bảo Lộc gồm Lạng Giang ngày nay và một phần Lục Nam. Trụ sở huyện Bảo Lộc ở làng Chu Nguyên (nay thuộc thị trấn Vôi). Năm 1895, tỉnh Bắc Giang được thành lập, huyện Bảo Lộc, sau đổi thành huyện Phát Lộc, thuộc Bắc Giang. Năm 1924 huyện Phát Lộc đổi thành phủ Lạng Giang, bao gồm Lạng Giang ngày nay và một số xã của huyện Lục Nam, một số xã phía Bắc sông Thương của huyện Yên Dũng, một số xã của huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang ngày nay. Phủ Lý đóng tại phủ Lạng Thương. Ngày 25-3-1948, Chính phủ ra Sắc lệnh số 148/SL quy định bãi bỏ các danh từ như phủ, quận, cấp trên xã và cấp dưới tỉnh thống nhất gọi là cấp huyện.

Với vị trí địa lý thuận lợi hiện nay, Lạng Giang là một trong bốn huyện, thành phố (Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang và TP Bắc Giang) được xác định là vùng trọng điểm phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Bắc Giang. Trong tiến trình đổi mới và hội nhập, nhiều cụm công nghiệp của huyện được thành lập, nhanh chóng thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế. Một số cụm công nghiệp và một số vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến nông sản hình thành. Đây là những yếu tố tích cực tạo tiền đề để huyện phát huy tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển.

II. TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA- LỊCH SỬ CỦA NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

1. Nhân dân Lạng Giang có truyền thống yêu nước và cách mạng chống giặc ngoại xâm kiên cường bất khuất

Truyền thống yêu nước và cách mạng kiên cường, bất khuất, tự lực tự cường, can trường trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm sớm thể hiện trong việc nhân dân các dân tộc Lạng Giang cùng nhân dân Bắc Giang tham gia cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ quê hương. Trong suốt hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, vùng đất Bắc Giang nói chung và Lạng Giang nói riêng được coi là phen dậu của kinh thành Thăng Long nên đã trở thành chiến trường của quân và dân cả nước ta chống lại sự xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc. Điển hình là trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075- 1077), cuộc kháng chiến chống quân Nguyên- Mông (1258- 1288), nhân dân các dân tộc Lạng Giang đã có nhiều đóng góp trong việc chặn đánh địch khi chúng qua đây. Trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỷ XV, nhân dân Lạng Giang đã đóng góp vào các trận đánh Cần Trạm, Hố Cát góp phần tạo nên chiến thắng Chi Lăng- Xương Giang. Không đầy một tháng (15-10 đến 3-11-1427), trên các trận địa Cần Trạm, Hố Cát, Xương Giang nghĩa quân Lam Sơn có nhân dân Lạng Giang ủng hộ đã tiêu diệt hoàn toàn 9 vạn viện binh địch. Thắng lợi này đã góp phần cùng quân dân cả nước chấm dứt 20 năm đô hộ tàn bạo của nhà Minh (1407-1427), mở ra một trang sử mới trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh (1789) quân dân Lạng Giang cũng đã góp phần cùng quân dân cả nước đánh bại 29 vạn quân Thanh, giành lại độc lập cho đất nước. Sự đóng góp của nhân dân Lạng Giang bằng việc gom góp, tiếp tế bảo đảm nguồn lương ăn cho quân sỹ trong suốt thời gian chiến đấu; lực lượng dân binh các làng xã kề vai sát cánh cùng nghĩa quân bao vây đánh giặc cũng như trong các trận tiến công...Tiếp nối những trang sử hào hùng chống kẻ thù xâm lược

phương Bắc, nhân dân Lạng Giang lại cùng cả dân tộc kiên quyết đứng lên đấu tranh chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

* Trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược:

Ngày 15-3-1884 quân Pháp đánh chiếm phủ Lạng Thương. Sáng ngày 16-3-1884 quân Pháp đánh chiếm Kép.

Với truyền thống yêu nước kiên cường nhân dân các dân tộc Lạng Giang đã đứng lên khởi nghĩa, sớm tham gia hưởng ứng các cuộc khởi nghĩa nông dân và phong trào Cần Vương dưới cờ tự nghĩa của các thổ hào địa phương dấy binh chống Pháp, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bảo Lộc do Cai Biều- tổng Bưởi lãnh đạo (1884-1891) (huyện Bảo Lộc lúc đó thuộc phủ Lạng Giang); khởi nghĩa Hoàng Hoa Thám cũng tiến hành nhiều hoạt động trên địa bàn Lạng Giang (hoạt động của Cai Kinh (1882-1888); hoạt động của nghĩa quân Yên Thế trên đất Lạng Giang (1894-1896); khởi nghĩa Yên Bái do Nguyễn Khắc Nhu lãnh đạo ở xã Tân Thịnh).

Trong thời kỳ tổng khởi nghĩa, Bắc Giang là một trong bốn tỉnh tiên hành cuộc cách mạng tháng tám năm 1945 thành công sớm nhất trong toàn quốc. Bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm chống thực dân Pháp, đáp lại lời kêu gọi thiêng liêng của thủ tịch Hồ Chí Minh “Thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, quân và dân Lạng Giang đã cùng với quân dân cả nước vượt lên muôn vàn khó khăn gian khổ hi sinh và đã giành thắng lợi vẻ vang góp phần ghi tiếp những chiến công chói lọi vào trang sử vàng chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

* Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hàng nghìn lượt người trong huyện đã lên đường nhập ngũ để “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”. Ở tiền tuyến nhiều người con của Lạng Giang đã lập công xuất sắc, ở hậu phương, nhân dân thi đua thực hiện thắng lợi khẩu hiệu “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Trong cuộc chiến đấu ấy, hàng nghìn người con của Lạng Giang đã hi sinh anh dũng, biết bao tấm gương tiêu biểu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã trở thành biểu tượng của lẽ sống, niềm tin của nhân dân ta; nhiều tên đất, tên người đã mãi mãi tạc vào lịch sử.

2. Nhân dân Lạng Giang có tinh thần đoàn kết cộng đồng, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm sâu đậm, hoà đồng bao dung

Vốn là vùng quê thuần nông với điều kiện tự nhiên nhiều khó khăn, thường xuyên phải khắc phục hậu quả thiên tai lũ lụt từ thượng nguồn sông Thương dồn về, nắng hạn thường xuyên, dịch bệnh nhiều đòi hỏi người dân phải tập hợp lại để đắp đê bảo vệ làng xóm, ruộng đồng. Nằm ở vị trí chiến lược quan trọng của đất nước là phen dậu của kinh thành Thăng Long, ngay từ buổi đầu dựng nước, nhân dân Lạng Giang đã cùng nhân dân cả nước chống lại các cuộc xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc. Sống trong hoàn cảnh như vậy, người dân Lạng Giang sớm đoàn kết, gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh chống chọi với thiên nhiên và giặc ngoại xâm để sinh tồn. Vì thế tinh thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống thường ngày sớm hình thành trong mỗi người dân. Do những đặc điểm về vị trí, địa hình và do những biến cố lịch sử đất Bắc Giang nói chung và Lạng Giang nói riêng, dân cư được hình thành bởi quá trình định cư lâu dài, kết quả của nhiều đợt thiên di cư của nhiều nhóm cư dân từ nhiều vùng miền tới,

nơi quy tụ của nhiều tộc người, dòng họ, tôn giáo, tín ngưỡng, nghề nghiệp trở thành một trong những nơi tụ hội của nhiều luồng dân cư đến sinh sống lập nghiệp. Nhưng dù đến Lạng Giang trong hoàn cảnh nào, họ đều sớm hòa nhập vào một cộng đồng đoàn kết, bao dung, cùng nhau chung lưng đấu cật, đề cao tính cộng đồng xây dựng xóm làng hợp tác tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và trong cuộc sống, trở thành giá trị truyền thống và đạo lý sống của nhân dân.

Cộng đồng dân cư ở Lạng Giang gồm 9 dân tộc anh em. Giữa các dân tộc có bản sắc riêng nhưng có nhiều phong tục tập quán chung, một số làng có chung đình chùa, thờ chung Thành Hoàng... Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, nhân dân các dân tộc đã đùm bọc nuôi giấu và giúp đỡ cán bộ cách mạng. Nhiều phong trào đấu tranh, phong trào tương thân tương ái do Đảng lãnh đạo được nhân dân ra sức ủng hộ. Ngày nay truyền thống đoàn kết quý báu đó tiếp tục được phát huy, phát triển ngày càng phong phú, rực rỡ hơn.

3. Nhân dân Lạng Giang có truyền thống lao động cần cù và sáng tạo

Từ xa xưa sống trong điều kiện tự nhiên còn nhiều khó khăn; để mưu sinh, người dân nơi đây phải vật lộn với thiên tai, kiên trì bền bỉ lao động phát triển sản xuất. Từ đó sớm rèn đúc nên đức tính cần cù chịu thương, chịu khó, cần cơ và lạc quan trong lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống. Quá trình đó để lại nhiều dấu ấn trong các câu chuyện mở làng, lập ấp và tạo nên những xóm làng trù phú. Mặt khác, do sống trên địa bàn trung du, vừa có núi đồi, vừa có đồng bằng, người dân Lạng Giang từ đời này sang đời khác cần mẫn lao động, cải tạo đồi bãi, chế ngự thiên tai đã tạo nên những cánh đồng màu mỡ để cấy lúa, trồng hoa màu và các loại cây ăn quả, cây đặc sản nổi tiếng như cam Bó Hạ, cam Cổ Trang. Ngoài nghề nông, người dân Lạng Giang còn làm một số nghề thủ công như mở lò rèn, sản xuất vũ khí và công cụ lao động, đúc xoong nồi, đan lát rổ rá, làm nón lá... Tuy chưa phát triển thành làng nghề lớn nhưng đã cung cấp được những vật dụng cần thiết cho sản xuất và cuộc sống. Người Lạng Giang không chỉ giỏi làm ruộng mà còn thạo buôn bán. Trên đất Lạng Giang đã xuất hiện những trung tâm buôn bán. Vào thời Lê, chợ Phú Xuyên cũng được xếp vào hàng những chợ lớn như chợ Đức Thắng (Hiệp Hòa), chợ Vô Tranh (Lục Nam) của tỉnh Bắc Giang. Cần Dinh (Lạng Giang) là một điểm thu thuế thời Lê, Nguyễn. Sách *Lê triều hội điển* cho biết: Tuần Cần Dinh thuộc Kinh Bắc hàng năm thu được 4551 quan 5 tiền quý, so với 9 xứ khác ở đồng bằng sông Hồng thì trạm thuế này có số thu nhiều nhất, điều này chứng tỏ việc sản xuất buôn bán trong vùng đã khá tập nập.

Ngày nay phát huy truyền thống cần cù, sáng tạo của cha ông ta, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền nhân dân đã hăng hái phát triển sản xuất hàng hoá và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp; phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, từng bước hình thành các vùng chuyên canh như sản xuất hàng hoá, chuyển đổi kinh tế hộ sang kinh tế trang trại; xuất hiện nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả. Sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp phát triển, sản phẩm ngày càng đa dạng về chủng loại, chất lượng tốt hơn, hình thành quy hoạch một số khu cụm công nghiệp, đã thu hút được các doanh nghiệp đầu tư vào, bước đầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo thêm việc làm

cho lao động nông nghiệp. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ngày càng đa dạng, phong phú; các thị trấn, thị tứ, chợ nông thôn phát triển nhanh tạo thị trường ngày càng mở rộng và hoạt động thương mại- dịch vụ sôi động, bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

4. Nhân dân Lạng Giang có truyền thống văn hóa và hiếu học

Lạng Giang nằm trên vùng đất cổ sớm có con người đến định cư, có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời, có đời sống văn hóa dân gian phong phú, thống nhất trong đa dạng, được hình thành qua các thế hệ. Lạng Giang có nhiều danh thắng, di tích lịch sử văn hóa với hàng trăm ngôi đình, đền, chùa lớn nhỏ. Nhiều làng cổ có lai lịch lâu đời nằm trên trục đường thiên lý cổ như làng Chu Nguyên, làng Đại Phú... Nhiều di tích lịch sử gắn với lịch sử chống giặc ngoại xâm như: thành Cần Trạm-Hố Cát-Xương Giang... Nhiều làng có đình, chùa với quy mô và niên đại, kiến trúc, điêu khắc khác nhau. Gắn với hệ thống văn hoá vật thể là các giá trị văn hoá phi vật thể phong phú, với nhiều phường hát, phường chèo, phường tuồng ở các thôn xóm. Nhiều lễ hội được bảo tồn, điển hình như các lễ hội: Hội Đình Sơn (Mỹ Hà), Hội Làng Bùng (Tân Thanh), Hội Cổ Chu Nguyên (thị trấn Vôi), Hội Dương Quan Hạ (Dương Đức), Hội Làng Đại Giáp (Đại Lâm), Hội Làng Đại Phú (Phi Mô), Hội Phù Lão (Đào Mỹ), Hội Tiên Lục bên đình cây Dã Hương cổ thụ nghìn tuổi... Trong hệ thống các di sản văn hoá vật thể phong phú, có nhiều công trình được xếp hạng di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia, cấp tỉnh. Đến nay có 16 công trình được xếp hạng di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia.

Đình đền nói chung đề thờ Thành hoàng, phần lớn là những người có công với dân với nước, các anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm hoặc những người sáng lập ra làng xã. Vì vậy lễ hội truyền thống của các làng, xã tổ chức hàng năm nhằm ghi nhận, kỷ niệm công trạng của các vị thần, đồng thời thể hiện ước muốn mãnh liệt về một sự trợ giúp siêu nhiên để mỗi vùng, mỗi cộng đồng ngày càng an khang thịnh vượng. Phần lễ được tổ chức theo các nghi lễ truyền thống như rước kiệu Thành hoàng, phần hội thường tổ chức các trò chơi dân gian như chơi gà, thi cờ người, cướp cầu, nấu cỗ...

Truyền thống khoa bảng của Bắc Giang cũng nổi danh trong cả nước. Trải qua 844 năm khoa cử của các triều đại phong kiến (1075- 1919) Bắc Giang có 66 người đỗ từ tiến sĩ đến trạng nguyên, xếp thứ 8 trong các tỉnh thành có người đỗ tiến sĩ trong cả nước. Đối với huyện Lạng Giang cũng có nhiều người đỗ đạt, trong đó có hai ông cháu là người xã Đức Mại (nay là Dương Đức) đỗ tiến sĩ; ông là Nguyễn Xuân Lan sinh năm Canh Dần (1470) đời vua Lê Thánh Tông, đỗ tam giáp; đồng tiến sĩ xuất thân, cháu nội Nguyễn Tảo sinh năm Ất Mão (1555) đời vua Lê Trang Tông. Nguyễn Tảo thi đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), được nhà Mạc trọng dụng làm quan tới chức Thị lang. Cũng ở thời Mạc còn có Trạng nguyên Giáp Hải (1507- 1586) người Dĩnh Kế (nay thuộc thành phố Bắc Giang) đỗ Trạng Nguyên năm 1538 làm quan đến chức Lục bộ Thượng thư tước sách quận công.

Phát huy truyền thống khoa bảng của ông cha, ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, hưởng ứng lời kêu gọi chống thất học của Hồ Chủ tịch, chính quyền và Mặt trận Việt Minh các cấp đã phát động một cao trào bình dân học vụ với nhiều hình thức phong

phú, sinh động, khích lệ tinh thần học tập. Vì vậy đến năm 1949 hầu hết nhân dân lao động các xã đều biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Ngày nay, sự nghiệp giáo dục tiếp tục được duy trì và phát triển với các phong trào thi đua “đạy tốt, học tốt”, nhiều học sinh của huyện Lạng Giang đã thi đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, đạt điểm cao trong các kỳ thi đại học. Lạng Giang có nhiều tiên sĩ, nhà giáo ưu tú, hàng ngàn người có trình độ thạc sĩ, đại học đã làm rạng rỡ, tô thắm thêm truyền thống văn hiến của quê hương.

Truyền thống văn hóa của nhân dân các dân tộc Lạng Giang là thành quả hàng ngàn năm lao động sáng tạo đấu tranh kiên cường xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, là kết quả giao lưu và hội tụ bởi văn hóa của nhiều dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và trong cộng đồng dân tộc Việt. Truyền thống văn hóa của nhân dân Lạng Giang không ngừng phát huy, phát triển, góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ chính trị và nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và có chuyển biến trên nhiều mặt. Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước, nhân dân Lạng Giang đã và đang ra sức quyết tâm xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

CHƯƠNG I. LẠNG GIANG DƯỚI ÁCH ÁP BỨC BÓC LỘT CỦA THỰC DÂN PHONG KIẾN VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

I. Chế độ bóc lột tàn khốc của thực dân Pháp và phong trào yêu nước chống Pháp trước khi có Đảng ở Lạng Giang

Là một vùng đất có bề dày truyền thống bất khuất, kiên cường chống ngoại xâm, ngay khi thực dân Pháp xâm lược, nơi đây đã là một trong những địa phương chống Pháp quyết liệt. Đặc biệt là phong trào nông dân do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.

Sau khi nhà Nguyễn ký điều ước cuối cùng trao quyền thống trị cho thực dân Pháp(1884), ngày 10-10-1895, thực dân Pháp chia Bắc Ninh thành 2 tỉnh: Bắc Ninh và Bắc Giang. Tỉnh Bắc Giang thành lập, lấy phủ lý Lạng Giang (phủ Lạng Thương) để đặt tỉnh lý. Đến trước cách mạng tháng 8-1945, phủ Lạng Giang gồm 13 tổng: Cần Đình, Đa Mai, Thọ Xương, Đào Quán, Dĩnh Kế, Thịnh Liệt, Lan Mẫu, Trí Yên, Mỹ Cầu, Phi Mô, Mỹ Thái, Thái Đào, Xuân Đám. Cùng với việc điều chỉnh về địa giới và đơn vị hành chính, thực dân Pháp từng bước hoàn thiện bộ máy thống trị. Ở cấp xã, chính quyền thực dân duy trì thiết chế phong kiến, nhằm cai trị người dân và huy động thuế, phu...Do ở vị trí chiến lược quan trọng lại có nhiều thành lũy, phủ Lạng Giang có nhiều quân đội đồn trú. Phủ Lạng Giang là một trong những nơi thực dân Pháp triển khai những hoạt động khai thác thuộc địa sớm nhất ở Bắc Kỳ. Tuyến đường sắt phủ Lạng Thương- Lạng Sơn và tuyến đường thuộc địa số 1 (Quốc lộ 1) được xây dựng.

Chúng còn cướp đất lập đồn điền, chúng lập được trên 3.000 ha ruộng đất trên huyện. Để mở rộng đồn điền, từ năm 1902, thực dân Pháp bắt dân đi phu, tạp dịch để xây dựng công trình thủy nông Kép. Năm 1908, công trình hoàn thành, đến năm 1913 được mở rộng và năm 1914 hoàn chỉnh với hệ thống đập Cầu Sơn và gần 33km kênh đào chính, 32km mương và khoảng 300km kênh dẫn nước nhỏ, tưới cho 7.500ha. Người đi phu trên các công trường bị cưỡng bức lao động quá sức, bị hành hạ vô cùng tàn nhẫn.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp làm biến đổi xã hội Việt Nam. Từ một xã hội phong kiến trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Đời sống kinh tế, văn hoá có những thay đổi sâu sắc. Nông dân mất ruộng đất họ tới các công trường làm việc bán sức lao động, trở thành những “cu li” làm đường, đời sống hết sức khó khăn. Các thứ thuế đánh vào người dân (thuế đinh, thuế điền, sưu dịch và binh dịch...) ngày càng khắc nghiệt hơn và bằng những thủ đoạn thâm hiểm hơn. Thuế điền thổ mỗi năm một tăng. Số thuế của phủ Lạng Giang qua các năm chứng minh điều đó:

(Đơn vị tính: kilôgram)

1937	1938	1939	1940	1941	1942	1943	1944
94.743,63	96.394	97.942	105.128	101.684	106.451	152.178	240.398

Qua bảng thống kê trên cho thấy, số thuế điền thổ năm 1944 so với năm 1937 của phủ Lạng Giang tăng 2,5 lần.

Về văn hoá, thực dân Pháp thực hiện chính sách ngu dân làm cho 90% dân số mù chữ; số trường mở trong huyện không quá 10 trường với số học sinh gần 1.000 người. Do hậu quả của chính sách vơ vét bóc lột của thực dân Pháp và tay sai cùng với thiên tai liên tiếp, đời sống của nhân dân Lạng Giang đã khổ lại khổ hơn, vì vậy họ đã đứng lên đấu tranh.

Ngày 03-4-1892, công nhân công trường đường sắt Lạng Sơn cùng với nghĩa quân tập kích đội quân do tên đội Môeixơ chỉ huy trên đường Suối Ghènh đi Bắc Lệ. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Lạng Giang và phong trào đấu tranh cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là mảnh đất tốt để chủ nghĩa Mác -Lênin rơi chiếu vào, nhanh chóng nảy mầm và khai hoa kết trái.

II. Tổ chức Đảng ra đời lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương

1. Hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

Giữa lúc dân tộc Việt Nam đang chìm đắm trong đêm dài nô lệ thì lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã xác định con đường cứu nước chân chính của cách mạng Việt Nam, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6-1925, Người lập ra Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên nhằm tập hợp, mở các lớp huấn luyện cho thanh niên từ trong nước gửi sang để giác ngộ chủ nghĩa cộng sản rồi đưa về nước hoạt động. Từ cuối năm 1926 đầu năm 1927, một số thanh niên yêu nước ở Bắc Giang đã sang dự học các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc). Cuối năm 1927, đồng chí Ngô Gia Tự- Bí thư Tỉnh hội Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Bắc Ninh- Bắc Giang lên phủ Lạng Thương gây dựng cơ sở. Đầu năm 1928, Chi hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đầu tiên của tỉnh Bắc Giang ra đời tại phủ Lạng Thương. Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hoá” đồng chí Nguyễn Văn Mẫn đi vào vùng mỏ than Mạo Khê, Ngô Gia Chinh vào nhà máy gạch Hưng Ký (Yên Viên)... Cuối năm 1929, phong trào cách mạng trong tỉnh bị địch khủng bố, cán bộ đảng viên trong đó toàn bộ Ban Tỉnh uỷ sa vào tay địch.

Ngày 03-02-1930, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ngay sau khi thành lập, Đảng lãnh đạo cao trào cách mạng trong toàn quốc, mà đỉnh cao là Xô Viết- Nghệ Tĩnh. Nhưng sau đó bị địch khủng bố. Năm 1935, Đảng tổ chức đại hội lần thứ nhất. Khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, Hội nghị Ban chấp

hành Trung ương đảng (7-1936) vạch rõ mục tiêu trước mắt là chống chủ nghĩa đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình...

Năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử, thi hành nhiều chính sách tiến bộ ở thuộc địa. Nhiều cán bộ, đảng viên ra khỏi ngục tù đế quốc. Trong thời kỳ mặt trận dân chủ nhân dân Lạng Giang tích cực tham gia vào các hoạt động chung do Đảng phát động. Cử đại biểu đi Hà Nội dự mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1938.

Tháng 7-1938, diễn ra cuộc vận động tranh cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ. Ta đưa Nguyễn Trung Tảo- một công chức cấp tiến có cảm tình với cách mạng ra tranh cử với Ngô Tiến Cảnh- một tư sản mại bản. Mặc dù không giành thắng lợi, nhưng ta đã tranh thủ giới thiệu trước quần chúng chương trình hành động của Mặt trận Dân chủ và đường lối cách mạng của Đảng.

Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí được tổ chức ở ấp Tam Sơn, nhiều tờ báo của Đảng được phổ biến rộng rãi. Để chống lại chính sách văn hoá nô dịch của thực dân Pháp, nâng cao dân trí cho nhân dân lao động, ở Bắc Giang phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh. Nhất là ở phủ Lạng Thương sau đó lan ra nhiều xã ở Lạng Giang, Lục Nam, Hiệp Hoà, Yên Thế... Qua phong trào, đã có hàng trăm người ở Lạng Giang biết đọc, biết viết.

Cuối năm 1938, Chi bộ phủ Lạng Thương thành lập do đồng chí Vương Văn Trà làm Bí thư. Chi bộ có vai trò như một Ban cán sự Đảng của tỉnh Bắc Giang, lãnh đạo phong trào cách mạng tỉnh Bắc Giang trong những năm cuối của thời kỳ vận động dân chủ. Nhiều đảng viên của Chi bộ đã đi xây dựng cơ sở ở Đại Từ, Thép Thượng (Lục Nam), An Tràng, Đào Tràng, ấp Tam Sơn...

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 9-1940, Nhật vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật. Nhân dân Việt Nam phải sống trong cảnh “một cổ hai tròng”. Trước những chuyển biến mới, Trung ương Đảng kịp thời thay đổi chiến lược cách mạng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương (11-1939) về quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. Từ giữa năm 1940, tổ chức thanh niên phản đế được xây dựng ở An Tràng, Đào Tràng... phụ nữ phản đế được xây dựng ở Hương Gián, nông dân phản đế ở Hương Gián, Phi Mô...

Đề ủng hộ cho khởi nghĩa Bắc Sơn, tháng 10-1940, Ban cán sự tỉnh Bắc Giang họp Hội nghị. Sau Hội nghị, truyền đơn, áp phích hô hào ủng hộ khởi nghĩa Bắc Sơn được rải từ Hương Gián đến chợ Sần, chợ Quất Lâm. Nhiều cuộc mít tinh nhỏ được tổ chức ở phố Giỏ, phố Kép, Xuân Phú... để quyên góp tiền, gạo, quần áo cho du kích Bắc Sơn. Trong những năm 1938-1940, phong trào cách mạng Bắc Giang nói chung, Lạng Giang nói riêng được cấp trên quan tâm chỉ đạo. Hệ thống cơ sở vì vậy được xây dựng khá rộng. Đầu năm 1941, hệ thống cơ sở cách mạng ở Lạng Giang có bước phát triển thúc đẩy sự hình thành phong trào cách mạng ở ấp Tam Sơn, Phi Mô, Quảng Mô, Làng Bùng Tân Thanh...

Sau khi xâm chiếm Việt Nam, phát xít Nhật nắm mọi quyền hành nhưng vẫn sử dụng Pháp làm tay sai để cai trị Đông Dương. Nắm được hoạt động cách mạng ở Lạng Giang, cuối năm 1941, chính quyền Pháp- Nhật tiến hành đàn áp ấp Tam Sơn. Chúng tìm thấy súng, lựu đạn và bắt nhiều cán bộ, đảng viên, nhiều cơ sở bị địch phá.

Tháng 9-1941, Hội nghị Trung ương 8 được triệu tập do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự tỉnh Bắc Giang, nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 sớm về tới địa phương và được tăng cường cán bộ, cơ sở cách mạng ở Lạng Giang từng bước được khôi phục.

Từ cuối năm 1943, ban cán sự tỉnh Bắc Giang chủ trương mở rộng cơ sở theo 2 hướng:

(1) Từ thị xã Phủ Lạng Thương theo quốc lộ 13B(nay là đường 31), đi Lục Ngạn, Sơn động.(2) Theo quốc lộ 1A lên Kép. Ở hướng đường 13B, cơ sở phát triển lên Thái Đào, Quất Lâm...Ở hướng đường 1A, cơ sở đã có ở Mỹ Thái, Quảng Mô, Kép, Bùng..Ở khu vực này một số cán bộ hoạt động ở Yên Thế đã sang đây bắt mối, gây dựng cơ sở, như các đồng chí Hà Thị Quế, Hoàng Hải, Hoàng Quốc Thịnh...Năm 1943, các xã Phi Mô, Tân Đình (gồm 3 xã là Đình Xuyên, Đình Lục, Đình Cầu), Xương Lâm (gồm 2 xã cũ là Lễ Nhượng, Liên Xương) thành lập Chi bộ đảng, gồm 9 đảng viên. Đồng chí Hoàng Quốc Việt thường xuyên đi lại chỉ đạo phong trào, gây dựng cơ sở cách mạng.

Vào Đông Dương, phát xít Nhật cùng với thực dân Pháp ra sức áp bức bóc lột nhân dân ta. Từ năm 1943, chúng huy động hàng nghìn phu để xây dựng khu quân sự Cầu Lồ (nay thuộc Lục Nam) và xây dựng sân bay Kép, hai nơi này rộng tới 796ha; trong đó có gần 300ha ruộng của 9 xã. Do vậy nhiều nơi quần chúng nhân dân đã đứng lên đấu tranh. Năm 1943, ở Lạng Giang đã có hàng chục cuộc đấu tranh với những hình thức rất phong phú.

Năm 1944, số cuộc đấu tranh tăng hơn năm 1943, mức độ quyết liệt hơn, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nhân dân khu vực Kép và Cầu Lồ chống Nhật cướp đất xây dựng sân bay Kép và khu quân sự Cầu Lồ. Tháng 8-1944, nhân dân đấu tranh chống Nhật cấm đất để xây dựng sân bay Kép và khu quân sự Cầu Lồ. Ban cán sự tỉnh Bắc Giang cho rải truyền đơn kêu gọi nhân dân chống Nhật chiếm ruộng đất, bồi thường thiệt hại về nhà cửa, hoa màu, không đi làm phu cho Nhật. Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban cán sự tỉnh, nhân dân các làng Má, Ngang, Đình, Nội thuộc tổng Cần Đình ở gần sân bay Kép và một số làng ở gần khu quân sự Cầu Lồ kiên quyết giữ làng, giữ đất. Thực hiện chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh, phong trào cách mạng Lạng Giang đã trưởng thành thêm một bước, tạo điều kiện tiến lên cao trào kháng Nhật, cứu nước, khởi nghĩa giành chính quyền.

2. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong cao trào kháng Nhật, cứu nước và tiến lên giành chính quyền

Cuối năm 1944 đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ 2 bước vào giai đoạn chót. Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Hội nghị phát động một cao trào kháng nhật cứu nước. Chỉ thị của trung ương đã nhanh chóng về đến Lạng Giang.

Trận đánh ở ngã ba miếu Thị Trinh (xã Thái Đào) ngày 01-7-1945 của tự vệ tổng Lan Mẫu phối hợp với tự vệ tổng Sơn Đình (phủ Lục Ngạn) và cứu quốc quân đã bắn hỏng một xe ô tô, tiêu diệt một số quân Nhật đi trên xe. Đây là trận tấn công đầu tiên của ta vào lực lượng quân đội Nhật ở Bắc Giang.

Đến giữa tháng 8-1945, chính quyền địch bị thủ tiêu ở các xã, toàn thể nhân dân Lạng Giang cùng với nhân dân trong tỉnh gấp rút chuẩn bị vùng dậy giành chính quyền ở tỉnh.

Ngày 14-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ “ngàn năm có một” đã đến. Đêm ngày 17-8-1945, đồng chí Hà Thị Quế, Ủy viên Ban cán sự tỉnh, trực tiếp chỉ đạo một lực lượng vũ trang đột nhập làng Gai thuyết phục Chánh Triệu theo cách mạng, ta tịch thu 20 khẩu súng.

Rạng sáng ngày 18-8-1945, Tỉnh trưởng Nguyễn Ngọc Đình phải đầu hàng. Phối hợp với cuộc khởi nghĩa ở tỉnh, cán bộ phụ trách các khu vực Lạng Giang, Việt Yên, Yên Thế, Yên Dũng đã huy động tự vệ chiến đấu và quần chúng tiến về phủ Lạng Thương hỗ trợ. Ngày 18-8-1945, chính quyền địch ở Lạng Giang sụp đổ. Cuối tháng 8-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Lạng Giang ra đời; đồng chí Ngô Văn Chát làm Chủ tịch.

Nhân dân Lạng Giang đã hòa cùng toàn dân tộc trong cuộc cách mạng “long trời lở đất”, đập tan xiềng xích của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đưa nước ta bước vào kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

(2) Lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chế độ mới, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1949)?

CHƯƠNG II. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHẾ ĐỘ MỚI, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945- 1949)

I. Lãnh đạo công cuộc xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền (1945-1946)

Sau cách mạng tháng Tám, nhân dân huyện Lạng Giang cùng cả nước thực sự được sống trong nền độc lập, tự do. Nhưng nền độc lập còn trong trứng nước, nhân dân lại phải đương đầu với bao khó khăn: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm và bọn phản động. Vận mệnh tổ quốc trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Tại Bắc Giang, có khoảng 2.000 quân Tưởng đóng. Trên địa bàn Lạng Giang, quân Tưởng đóng ở Kép và Vôi. Theo sau Tưởng là bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách chúng ra sức chống phá ta, gây rối trật tự an ninh. Tại những phiên chợ Vôi, chợ Giỏ...quân Tưởng kéo đến tung tiền mất giá (Quan Kim) ra mua hàng. Do hậu quả của chính sách vơ vét, bóc lột của thực dân, phát xít nên đời sống nhân dân Lạng Giang vô cùng khó khăn, thiếu đói thường xuyên xảy ra. Về văn hóa: 90% dân số Lạng Giang bị mù chữ, tệ nạn xã hội tràn lan.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ Bắc Giang, chính quyền và nhân dân Lạng Giang nhận thấy rõ nhiệm vụ cấp bách sau độc lập: chống giặc ngoại xâm, giặc đói, giặc dốt, xây dựng chế độ mới, bảo vệ thành quả cách mạng giành được. Tháng 10-1945, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang họp ở đình làng Địa Đông (Dĩnh Trì) chủ trương: đấu tranh hợp pháp với Tưởng, dẹp bọn Việt Quốc, tiểu trừ thổ phỉ. Chính quyền cách mạng vừa lo chỗ ở cho quân Tưởng, động viên nhân dân bán lương thực, thực phẩm để cung cấp cho chúng. Mặc dù ta tỏ rõ thiện chí, thân thiện với Tưởng nhưng ý thế Đồng minh, chúng vẫn kiên cố gây sự với ta. Chúng kiên cố bắt giam đồng chí Hùng Sơn (Đại đội trưởng vệ quốc đoàn) và đồng chí Nguyễn Văn Ái (còn gọi là Quản Ái, người Đào Quán, nay là Đào Mỹ) chỉ huy tự vệ. Đối với bọn phản động, ta phân hóa để có biện pháp xử trí phù hợp, vừa tuyên truyền thuyết phục những người nhẹ dạ bị mua chuộc. Ở Cần Đình, 20

gia đình bị cưỡng ép theo phi đã trở về quê cũ làm ăn. Những tên ngoan cố chống lại nhân dân, ta kiên quyết trừng trị. Ngày 28-1-1946, tự vệ Tiên Lục, Đào Quán, Cần Dinh phối hợp với Vệ quốc đoàn bao vây tiêu diệt bọn phi ở Hồ Cao do tên Tàu Đeng cầm đầu, tiêu diệt 13 tên và thu 13 khẩu súng các loại. Cũng trong thời gian này, tại Bến Lường, 10 tự vệ đã đánh tan một toán phi 49 tên, tiêu diệt tại chỗ một số tên.

Với sách lược đấu tranh khôn khéo, các tổ chức Đảng và nhân dân Lạng Giang đã giành thắng lợi trên mặt trận chống giặc ngoài, thù trong, đánh bại âm mưu đánh phá cách mạng của quân Tưởng và tay sai.

Đầu năm 1946, Chi bộ Đảng chỉ đạo các xã thành lập đội tự vệ. Nhiều tự vệ đã xung phong vào đoàn quân đi chiến đấu ở miền Nam, trong quá trình chiến đấu nhiều đồng chí đã trưởng thành.

Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa- Pháp được ký kết ở Trùng Khánh, quân Pháp thay thế Tưởng ra miền Bắc, quân Tưởng rút về nước. Trước tình thế đó ta thực hiện chủ trương “Hoà để tiến” bằng việc ký Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946). Theo hiệp định, ngày 7-6-1946, quân Tưởng rút khỏi Bắc Giang. Để giải quyết khó khăn tài chính, chính phủ kêu gọi tinh thần đóng góp tự nguyện, tổ chức “Quỹ độc lập” và phát động “Tuần lễ vàng”. Hưởng ứng chủ trương trên nhân dân Lạng Giang tự nguyện đem vàng, bạc, đồ dùng quý đến trụ sở uỷ ban hành chính địa phương ủng hộ chính phủ. Hưởng ứng chủ trương này, nhân dân có câu ca dao:

“Người còn thì của cũng còn; Nhà tan, nước mất vàng son làm gì...”

1. Lãnh đạo công tác cứu đói, tăng gia sản xuất

Ủy ban hành chính và mặt trận Việt Minh Lạng Giang vận động nhân dân tham gia phong trào “Ngày đồng tâm” và “Hũ gạo cứu đói”. Chính quyền còn phát động phong trào tăng gia sản xuất. Diệt giặc đói, nâng cao đời sống văn hoá xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Để xoá mù chữ có phong trào Bình dân học vụ, trường học ở nhiều xã được hình thành. Một số nơi còn xuất hiện ca dao, bài vè như:

“Lấy chồng biết chữ là tiên; Lấy chồng mù chữ là duyên con bò”

Công tác xây dựng đời sống văn hoá mới được chú trọng. Phong trào văn hoá, văn nghệ phát triển, góp phần xây dựng đời sống văn hoá mới. Xã Phi Mô, làng nào cũng có đội văn nghệ, nhiều xã còn thành lập ban văn hoá. Công tác y tế được đẩy mạnh. Do làm tốt công tác vệ sinh phòng bệnh, các dịch đau mắt hột, tả, sốt rét... bị đẩy lùi.

2. Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân

Ngày 6-1-1946, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước. Sau bầu cử Quốc hội, ngày 5-7-1946, nhân dân Lạng Giang bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu hội đồng nhân dân xã. Đảng bộ Lạng Giang thành lập, đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển đảng, lãnh đạo công tác vận động quần chúng. **Cuối năm 1946, Ban chấp hành Đảng bộ Lạng Giang thành lập do đồng chí Dương Quốc Cầm làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Trọng Hoa làm Chủ tịch, đồng chí Ngô Duy Phương làm chủ nhiệm Việt Minh. Đảng bộ tiếp tục tăng cường xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên mới, qua đó góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.**

Đảng bộ lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đẩy mạnh hoạt động: Đầu năm 1946, Liên hiệp công đoàn Lạng Giang được thành lập. Công nhân viên chức và công đoàn Lạng Giang đã thể hiện là lực lượng tiên phong có ý thức tổ chức kỷ luật cao, sẵn sàng hy sinh vì quyền lợi của đất nước. Đoàn thanh niên cứu quốc có bước trưởng thành. Đội ngũ đoàn viên đông đảo, xung phong đi đầu trong các phong trào thi đua lao động sản xuất, dân quân du kích xung phong lên đường vào Nam chiến đấu. Đầu năm 1946, Ban chấp hành Phụ nữ Lạng Giang hình thành. Hội Phụ nữ làm tốt công tác hội, tập hợp đông đảo chị em vào hội, đẩy mạnh phong trào phụ nữ. Tổ chức Nông hội có bước phát triển về tổ chức. Đến đầu năm 1949, tổ chức Nông hội có hàng nghìn hội viên.

II. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất và tiết kiệm, đóng góp sức người sức của cho kháng chiến (1947-1949)

Thực hiện đường lối xây dựng nền kinh tế kháng chiến của Đảng: vừa kháng chiến vừa kiến quốc, coi trọng sản xuất nông nghiệp và thực hành tiết kiệm, tự cung, tự cấp, đảng bộ chủ trương động viên, khuyến khích các ngành, các giới, các gia đình, đơn vị bộ đội tăng gia sản xuất và tiết kiệm. Ngay sau cách mạng Tháng Tám, chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất của chủ đồn điền Hoàng Tôn Vinh (tức Lý Ma), Đỗ Thúc Phách... để chia cho nông dân. Năm 1948, hội nghị tá điền đấu tranh với điền chủ Ngô Thế Loan và Vương Đình Châu được tổ chức, yêu cầu điền chủ phải triệt để giảm tô 25% cho tá điền. Ở Cần Đình, Ban chấp hành Nông hội đã vận động Đặng Đình Thiềm bỏ ra 10 mẫu ruộng để chia cho nông dân thiếu ruộng. Nông dân được chia ruộng đất, được giảm tô, được miễn giảm nhiều loại thuế nên phấn khởi, ra sức tăng gia sản xuất. Năm 1947-1948, các xã được mùa lớn là Tiên Lục, Mỹ Thái, Tân Hưng, Đào Quán. Diện tích lúa và hoa màu của Lạng Giang tăng, sớm đầy lùi được nạn đói, từng bước đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò, lợn...

Ngày 25-3-1948, Chính phủ ra Sắc lệnh số 148/SL quy định bãi bỏ các danh từ phủ, châu, quận cấp trên xã và dưới tỉnh, gọi là cấp huyện, cũng từ đó có tên huyện Lạng Giang.

Chấp hành Chỉ thị ngày 22-12-1948 của Ban thường vụ trung ương Đảng về động viên nhân lực, vật lực, tài lực, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện. Từ năm 1947-1949, nhiều xã nhân dân vừa bán thóc quân lương vừa ủng hộ bộ đội được một khối lượng khá lớn: xã An Hà (Bình An, Liệt Hạ) 268.704kg, Dĩnh Trì: 3.680kg. Đại Lâm: khoảng 3 tấn. năm 1948, 1949, Chính phủ phát động Công phiếu kháng chiến, nhân dân Lạng Giang đã hăng hái mua với số tiền hàng trăm vạn đồng.

1. Xây dựng lực lượng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương

Ngày 19-12-1946, quân dân phủ Lạng Thương đã nổ súng kiên cường đánh địch. Hưởng ứng Lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Lạng Giang đã đoàn kết đứng lên chống Pháp. Địch ngoan cố chống lại nhưng không thể kháng cự nổi trước sức chiến đấu quyết liệt của quân và dân ta, sáng 24-12-1946, quân Pháp buộc phải rút chạy.

2. Thực hiện tiêu thổ kháng chiến

Thực hiện “Lời kêu gọi phá hoại để kháng chiến” ngày 6-2-1947 của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chủ trương tiêu thổ kháng chiến của tỉnh Bắc Giang, nhân dân Lạng Giang ra sức phá cầu cống, đường sá, đóng cọc, đắp ụ đất có cọc sắt trên đường... cản bước tiến của quân thù, tự nguyện phá đình, chùa, nhà thờ, nhà ở nhằm làm cho địch không có nơi để trú quân, tạo điều kiện cho quân ta tiêu diệt địch. Thực hiện Sắc lệnh số 47/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân dân du kích được thành lập, hằng hái luyện tập, sẵn sàng chiến đấu và tích cực tuần tra canh gác bảo vệ trật tự trị an. Thực hiện sắc lệnh ngày 20-12-1946, về việc thành lập uỷ ban kháng chiến, đầu năm 1947, Lạng Giang thành lập Uỷ ban kháng chiến làm việc bên cạnh uỷ ban hành chính. Cuối năm 1947, hai uỷ ban này sáp nhập thành uỷ ban kháng chiến- hành chính do đồng chí Nguyễn Trọng Hoa làm chủ tịch.

Nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, lực lượng công an huyện Lạng Giang ra đời, quận công an huyện thành lập gồm 23 cán bộ, chiến sỹ.

Tháng 8-1948, lần đầu tiên Đảng bộ Lạng Giang tổ chức Hội nghị toàn Đảng bộ tại xóm Nguộn, xã Dĩnh Trì. Hội nghị phát động toàn dân tăng gia sản xuất và tích cực đóng góp cho kháng chiến. Tăng cường củng cố và phát triển lực lượng vũ trang nhân dân. Lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu trong dân quân, du kích và tiếp tục công tác củng cố và phát triển Đảng...Cùng với việc xây dựng Đảng về tổ chức, Đảng bộ Lạng Giang tăng cường công tác tư tưởng, tuyên truyền sâu rộng đường lối kháng chiến, bồi dưỡng chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

(3) Thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, giải phóng quê hương (1949- 1954)

CHƯƠNG III. THỰC HIỆN KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1949- 1954)

Tháng 5-1949, được sự giúp đỡ của Mỹ, Pháp thực hiện kế hoạch Ronevơ. Tháng 7-1949, Pháp chiếm huyện Việt Yên và thị xã Phủ Lạng Thương (thuộc huyện Lạng Giang). Đảng bộ, quân và dân Lạng Giang đã đem hết tinh thần, nghị lực, vượt lên tất cả mọi gian nan, thử thách và hy sinh, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ giữa tháng 7 đến tháng 12-1949, sau các trận càn quét địch đã đóng chốt trên địa phận phía Nam huyện Lạng Giang. Ngoài ra địch còn tiến hành bắn giết trâu, bò, vơ vét, đốt phá thóc lúa và dụng cụ sản xuất, ra sức tuyên truyền, lừa bịp, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân. Cuộc đấu tranh trên mặt trận kinh tế giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Quân và dân Lạng Giang đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế kháng chiến, tự túc các nhu cầu thiết yếu, vừa đánh địch, vừa sản xuất.

Trước tình hình cuộc kháng chiến diễn ra quyết liệt, trung tuần tháng 7-1949, đảng bộ tỉnh Bắc Giang tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ II tại đình Cổ Trang (Bo Giàu, nay thuộc xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang). Ngay sau ngày quân Pháp tiến công chiếm đóng thị xã Phủ Lạng Thương, Huyện uỷ Lạng Giang đã họp Hội nghị khẩn cấp tại làng Bùng, xã Tân Ái (nay là xã Tân Thanh). Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, bộ đội địa phương quân huyện và du kích các xã lân cận thị xã đã bao vây, quấy rối và đột nhập vào vị trí của địch, đốt phá và tiêu hao sinh lực địch.

Trong những ngày 30, 31-7 và ngày 01, 02-8-1949, địch càn lớn vào các xã trong huyện, quân và dân Lạng Giang chiến đấu anh dũng và giành thắng lợi. Để tăng cường lãnh đạo

cuộc kháng chiến toàn diện, Huyện uỷ chỉ đạo các chi bộ đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Đảng bộ Lạng Giang có bước phát triển mới. Cuối năm 1949, Đảng bộ huyện tổ chức Hội nghị tại Ao Gáo (Bến Trăm) trong 2 ngày, tập trung lãnh đạo nhân dân ra sức đánh địch, đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh cấp dưỡng cho bộ đội, tổ chức việc học bình dân ban đêm...Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ, nhân dân tích cực đóng góp tiền, gạo, quần áo...để cấp dưỡng cho bộ đội địa phương và trung đội du kích. Cuối năm 1949, toàn huyện có trên 90% số người đi học được công nhận thoát mù chữ.

Ngày 14-7-1949, chính phủ ra sắc lệnh quy định giảm tô, xoá bỏ các loại địa tô phụ, thủ tiêu chế độ quá điền và lập hội đồng giảm tô cấp tỉnh. Đến năm 1949, toàn huyện đã có 90% địa chủ thực hiện giảm tô. Phong trào “rèn cán chỉnh quân” dưới sự chỉ đạo của Huyện uỷ cũng được tiến hành khẩn trương. Lực lượng du kích và bộ đội địa phương phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Bước sang năm 1950, chiến sự diễn ra ác liệt. Ta và địch giằng co, địch càn quét, ta chống càn quét, địch lập tề và bảo an, ta phá tề và bảo an.

Ngay từ ngày 01-01-1950, Huyện uỷ thành lập ban lãnh đạo phá tề diệt bảo an. Ngày 03-02-1950, huyện phát động chiến dịch phá tề, diệt bảo an. Các xã trong huyện vùng tự do cũng như vùng sát địch đều tổ chức mít tinh hưởng ứng, khí thế của chiến dịch rất sôi nổi. Du kích nhiều xã đã anh dũng đánh địch như: du kích xã Tân Thái, Mỹ Thái, Phi Mô. Sáu tháng cuối năm 1950, nhất là từ tháng 9, địch bị thất bại liên tiếp trên các mặt trận. Đặc biệt là với chiến thắng biên giới, quân và dân ta đẩy Pháp lún sâu vào thế bị động. Ở Bắc Giang, địch điều thêm quân cơ động, nhưng vì ở thế bị động, tinh thần binh lính hoang mang, nên ở Lạng Giang địch phòng thủ, co cụm. Trên địa bàn Lạng Giang, địch lập nhiều tháp canh, trạm gác và hoạt động mạnh dọc đường 13B. Đường 13 có vị trí hết sức quan trọng, nếu đường 13 bị vít chặt là cắt đứt sự lãnh đạo và sự chi viện giữa hậu phương và tiền tuyến.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ Bắc Giang, thi đua giết giặc lập công chào mừng ngày cách mạng tháng Tám và ngày Quốc khánh 2-9, Huyện uỷ Lạng Giang phát động chiến dịch tổng phá tề, diệt bảo an ở toàn bộ các xã vùng tạm bị địch chiếm. Ngày 23-8, 12 du kích xã Tân Dân đột nhập thôn Thượng Đào Tràng, diệt và làm bị thương nặng 14 tên tề phản động. Ngày 24-9, trung đội du kích xã Tân Thái chống càn thắng lợi, chặn đánh quyết liệt 120 tên địch, bắn bị thương 3 tên, buộc địch phải rút chạy. Đêm cùng ngày, Đại đội 533 bộ đội địa phương quân huyện phối hợp với du kích các xã Phi Mô, Mỹ Thái phá tề, diệt, làm bị thương và bắt sống một số tên nguy quyền phản động. Tháng 11, bộ đội địa phương huyện và du kích các xã ven đường 13B tổ chức nhiều đợt phục kích tuần tiễu trên đường và quấy rối các chốt, tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, bảo vệ đường giao thông của ta, bảo vệ dân. Ngày 12-11, du kích xã Tân Thái chiến đấu dũng cảm, chống càn thắng lợi, đánh lui nhiều đợt tấn công của địch có đại bác yểm trợ, bảo vệ được xóm làng. Thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong chiến dịch Biên giới thu- đông 1950 mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến, ta chủ động tiến công địch.

Tháng 12-1950, chính phủ Pháp phái Đờlát Đờ Tatxinhi làm tổng chỉ huy quân viễn chinh kiêm cao uỷ Pháp ở Đông Dương. Đờlát Đờ Tatxinhi thực hiện chiến lược “chiến tranh tổng lực, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, hòng đè bẹp lực lượng của ta, nhanh

chóng kết thúc chiến tranh. Giữa năm 1951, Hội nghị đại biểu Đảng bộ huyện được tiến hành ở làng Phan, xã Thịnh Liệt, đề ra nhiệm vụ về quân sự, kinh tế, hành chính, văn hoá... động viên nhân dân toàn huyện, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc. Từ tháng 7-1951, tại nhiều vùng tạm chiếm, địch lập “vành đai trắng”. Ở Lạng Giang, “vành đai trắng” làm cho hàng chục nghìn mẫu ruộng bị bỏ hoang thuộc các xã dọc đường 13B. Địch còn ra sức càn quét vào vùng tự do Vôi, Kép, Chuông Vàng, Bến Tuần và vùng du kích phía Nam huyện, khủng bố, cướp phá thóc lúa, tài sản của nhân dân. Thực hiện quyết tâm phá “vành đai trắng”, Huyện uỷ thành lập các đội vũ trang tuyên truyền, lặn sâu vào các xã vùng địch tạm chiếm, để tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ âm mưu của địch. Để gỡ thế bị động sau thất bại liên tiếp ở Biên giới, trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tháng 11-1951, quân Pháp huy động lực lượng đánh chiếm Hoà Bình, Tu Vũ. Đồi phó lại ta quyết định mở chiến dịch Hoà Bình và chỉ thị cho các địa phương đẩy mạnh hoạt động phối hợp với chiến trường chính. Thực hiện phối hợp hoạt động ở vùng sau lưng địch, trong chiến dịch Hoà Bình, Huyện uỷ Lạng Giang họp Hội nghị bàn biện pháp chỉ đạo quân và dân đẩy mạnh mọi hoạt động đánh địch. Quân và dân Lạng Giang đã góp một phần xứng đáng vào thắng lợi ở mặt trận Hoà Bình. Phong trào đòi hỏi lương, đòi giải ngũ trong binh lính ngày càng lên cao. Ba trận đánh nổi bật của bộ đội và du kích huyện là các trận ngày 03-3, ngày 07-4, ngày 02-5-1952.

Trong 6 tháng đầu năm 1952, trên địa bàn huyện Lạng Giang địch co cụm trong các vị trí, không mở các cuộc càn quét lớn, chỉ mở các cuộc càn quét nhỏ và phần lớn các trận càn đều bị quân ta chặn đánh. Tháng 7-1952, Trung ương Đảng và Tổng Quân uỷ mở Hội nghị rút kinh nghiệm chiến tranh du kích Bắc Bộ. Tại Hội nghị, quân và dân Lạng Giang được biểu dương và tặng thưởng nhiều huân chương. Thực hiện nhiệm vụ đánh địch phối hợp với chiến dịch Tây Bắc, thu đông 1952, quân và dân Lạng Giang, Tiểu đoàn 61 chủ lực tỉnh tích cực đánh địch trên vành đai.

Cuối tháng 3-1953, địch điều một lực lượng lớn, mở cuộc càn quét vào xã Tân Hưng và Cần Dinh, nhưng bị chặn đánh gây thiệt hại lớn phải rút lui. Ngày 24-7-1953, chính phủ Pháp thông qua kế hoạch quân sự Nava soạn thảo nhằm kết thúc chiến tranh trong danh dự. Tháng 9-1953, Bộ chính trị Trung ương đảng họp và quyết định nhiệm vụ đông- xuân 1953-1954, tập trung sức phá tan kế hoạch Nava. Thực hiện chiến lược của Bộ chính trị, các chiến trường toàn quốc quân chủ lực liên tiếp mở những cuộc tấn công. Tại Lạng Giang địch phải rút vào thế bị động.

Thực hiện chiến đấu phối hợp với chiến trường chính trong chiến dịch Điện Biên Phủ, quân và dân Lạng Giang đã ra sức thi đua giết giặc lập công. Sau 55 ngày đêm “khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt” chiến đấu dũng cảm, ngoan cường quân và dân ta tiêu diệt toàn bộ cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 21-7-1954, thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Thi hành Hiệp định Giơnevơ, từ ngày 27-7 đến ngày 4-8-1954, toàn bộ lính viễn chinh Pháp lần lượt rút khỏi Bắc Giang. Ngày 4-8-1954, quê hương Lạng Giang sạch bóng quân xâm lược Pháp.

Trong 9 năm chiến đấu gian khổ và đầy hy sinh, vô cùng anh dũng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang đã phát huy truyền thống yêu nước kiên cường,

góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đưa địa phương cùng với miền Bắc bước sang một trang sử mới- vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tiến hành kháng chiến chống đế quốc Mỹ bảo vệ quê hương.

(4) Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế- xã hội, cải tạo xã hội chủ nghĩa và thực hiện kế hoạch giai đoạn 1954- 1965?

CHƯƠNG IV. LÃNH ĐẠO KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI, CẢI TẠO XHCN VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 1954-1965

I. Cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế (1954-1957)

Sau ngày 04-8-1954, quê hương hoàn toàn giải phóng. Ủy ban quân quản các cấp kịp thời tiếp quản những vị trí địch vừa rút khỏi. Đảng bộ tiến hành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin phát huy tinh thần chiến thắng của 9 năm kháng chiến gian khổ trong thực hiện nhiệm vụ mới. Căn cứ vào nghị quyết của Bộ Chính trị, chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Lạng Giang đã xác định hai nhiệm vụ trước mắt trong thời kỳ này là:

* Hoàn thành cải cách ruộng đất.

* Phục hồi kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân Lạng Giang ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn để hoàn thành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế quốc dân, góp phần đưa miền Bắc chuyển lên giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đến mùa hè năm 1955, cuộc cải cách ruộng đất ở Lạng Giang đã hoàn thành. Cải cách ruộng đất đã đem lại những kết quả to lớn và căn bản: Đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến (gồm 706 địa chủ). Thực hiện “Người cày có ruộng”. Hoàn toàn giải phóng người nông dân trong huyện khỏi ách áp bức bóc lột của phong kiến, đưa họ lên địa vị người chủ thực sự. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác ở tỉnh Bắc Giang và miền Bắc nước ta, quá trình cải cách và chỉnh đốn tổ chức ở Lạng Giang cũng phạm phải những sai lầm nghiêm trọng như: quy thành phần theo định mức, quy tội trạng oan sai, sử dụng các hình thức đấu tố nhục mạ, trái với đạo lý truyền thống... gây tổn hại đến tổ chức Đảng, chính quyền, tác động tiêu cực tới khối đại đoàn kết toàn dân, tạo không khí nặng nề căng thẳng trong nhân dân.

Cuối năm 1956 Đảng ta phát hiện những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. Hội nghị Trung ương (TW) lần thứ 10 đã tạo nên sự thống nhất tư tưởng và tổ chức, Đảng ta đã kịp thời khắc phục, nhanh chóng củng cố tổ chức, lấy lại được lòng tin trong quần chúng. Qua hơn một năm đấu tranh phân biệt đúng sai, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang đã hoàn thành thắng lợi công tác sửa chữa sai lầm trong công cuộc cải cách và chỉnh đốn tổ chức. Hàng chục đảng viên được trả lại đảng tịch, chức vụ. Ủy ban hành chính huyện xã được kiện toàn... 80 ủy viên ủy ban hành chính xã được đề bạt, phục hồi 36 ủy viên bị xử lý, 447 địa chủ bị quy oan (trong tổng số 706 địa chủ). Tình hình nông thôn được ổn định, nông dân lao động làm chủ làng xóm vươn lên; bọn phản cách mạng bị trấn áp. Thắng lợi to lớn của cuộc cải cách ruộng đất được ổn định.

Tháng 3 năm 1955, Ban chấp hành TW Đảng họp hội nghị lần thứ 7. Hội nghị xác định phục hồi sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ then chốt, là cơ sở để cải thiện đời sống nhân dân, giải quyết nạn đói trước mắt và phát triển mọi ngành kinh tế.

Bước vào nhiệm vụ này, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang gặp không ít khó khăn: Hơn 2.000 ha ruộng đất bị bỏ hoang, đập Cầu Sơn bị hư hại nặng. Trong suốt 3 năm (1955, 1956, 1957) huyện luôn bị bão lụt, hạn hán, gây thiệt hại nghiêm trọng. Cuối năm 1956 đầu năm 1957; 2.120 ha lúa chiêm bị hạn, trong đó có 1.163 ha bị hạn nặng, 108 ha không có nước cấy phải chuyển sang trồng màu. Trận bão ngày 08-7-1956 đã làm 2.962 gian nhà bị đổ, 583 ha lúa bị thiệt hại, 24 người bị thương. Thực hiện nhiệm vụ khai hoang phục hoá, từ đầu năm 1955, hàng ngàn nông dân với dụng cụ thô sơ, chủ yếu là cuốc, phát cỏ dại, vỡ được hàng trăm ha ruộng để cấy cây. Cuối năm 1957, hầu hết ruộng đất hoang hoá đã được khai phá. Hệ thống đê điều, nông giang được tu bổ và củng cố. Năm 1956 huyện đã tổ chức 37 đội xung kích gồm 357 người, 38 đội canh phòng gồm 434 người, 126 đội dự bị gồm 2.235 người và 16 đội bảo vệ gồm 100 người tham gia tu bổ đê. Chỉ trong một thời gian ngắn, toàn huyện đã nạo vét 34 con mương chân rết dài 11.402 m, đắp 6 đập giữ nước, 44 bờ khuyến nông. Phong trào cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp được nông dân trong huyện hưởng ứng rầm rộ. Làm thử ngâm mạ “3 sôi 2 lạnh”, đóng bừa cỏ Nghệ An, điển hình là xã Tân Thanh đã đóng được hàng trăm chiếc.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, sự nỗ lực của nhân dân trong huyện, sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần hoàn thành lợi kế hoạch 3 năm 1955- 1957. Trong 3 năm đã đóng thuế nông nghiệp và bán cho nhà nước hàng nghìn tấn thóc. Vụ mùa năm 1956, nông dân vừa bán vừa đóng thuế 3.176 tấn, vụ chiêm xuân năm 1957 là 2.156 tấn. Cuối năm 1957, toàn huyện có 7.761 con trâu, 3.938 con bò và 15.330 con lợn. Về cơ bản giải quyết được sức kéo cho nông nghiệp. Công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân được đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Năm 1957 ngành y tế đã khám bệnh cho 8.935 lượt người, phát thuốc cho 30.245 lượt người, tiêm phòng cho 29.557 người. Xây dựng 10 tủ thuốc xã, 944 túi thuốc xóm trị giá trên 3 triệu đồng. Công tác bình dân học vụ góp phần thanh toán nạn mù chữ.

Thắng lợi vô cùng quan trọng của Đảng bộ và nhân dân huyện tạo điều kiện thuận lợi bước vào kế hoạch 3 năm phát triển và cải tạo kinh tế, phát triển văn hoá.

II. Thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế và văn hoá (1958- 1960)

Hội nghị lần thứ 14 của BCH TW Đảng (11-1958) đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là: Đẩy mạnh công cuộc cải tạo XHCN đối với những thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và thành phần kinh tế tư bản tư doanh. Đồng thời, phải ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc dân.

Huyện uỷ đã tổ chức cho toàn thể các đảng viên của Đảng bộ học tập nghị quyết 14 của TW. Đến hết năm 1959, huyện có 121 hợp tác xã, có 23 hợp tác xã cấp cao, 24 hợp tác xã (HTX) có nghề phụ, 5 hợp tác xã có quy mô lớn là Thống Nhất (176 hộ), Đoàn Kết (93 hộ), Phan Thượng (84 hộ), Trại Nội (85 hộ), Mỹ Sơn (108 hộ). Các xã Yên Sơn và Tân Hưng có trên 80% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Đến cuối năm 1960, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện đưa nông dân vào hợp tác xã đã căn bản hoàn thành. Toàn huyện có 209 HTX, gồm 12.324 hộ chiếm 94,4% tổng số hộ nông dân. Trong 36 HTX, vụ chiêm xuân năm 1959, thu hoạch bình quân 2.671 kg thóc/ha (trong khi đó nông dân cá thể và tổ đổi công thu hoạch 2.421kg thóc/ha). HTX mua bán (thành lập từ năm 1955) được các

cấp uỷ quan tâm, phát triển thu hút đông đảo nhân dân, nhất là nông dân tham gia. Năm 1959 HTX mua bán mở thêm được 3 cửa hàng ở chợ Chiền, Thọ Xương, Dương Đức, 2 cửa hàng thuốc bắc. HTX tín dụng được xây dựng từ đầu năm 1958, đến năm 1959, các xã trong huyện đều xây dựng HTX tín dụng, với 1.966 xã viên. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Huyện uỷ, sự nỗ lực cố gắng của nhân dân, huyện đã giành được thắng lợi lớn trong nông nghiệp: Vụ chiêm 1958 với diện tích 4.194 ha sản lượng 7.242.830 kg; Vụ chiêm 1959 với diện tích 4.061 ha sản lượng 10.274.330 kg; Vụ chiêm 1960 với diện tích 4.025 ha sản lượng 10.062.500 kg.

Với những kết quả trong sản xuất nông nghiệp, huyện Lạng Giang được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, xã Tân Hưng được tặng Huân chương lao động hạng Nhì, HTX Cao Thượng được tặng Huân chương Lao động hạng Ba, xã Hương Sơn được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Phong trào xoá nạn mù chữ phát triển mạnh mẽ. Đến cuối năm 1958, huyện Lạng Giang căn bản hoàn thành thanh toán nạn mù chữ. Các xã Quang Thịnh, Tân Thịnh và Thái Đào được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (1958). Phong trào bồi dưỡng văn hoá được đẩy mạnh ở nông thôn và trong các cơ quan. Năm học 1958-1960 có 10.700 người theo học. Năm học 1959- 1960, các xã đều có trường cấp I, gồm 49 lớp với 2.362 học sinh và 55 lớp dân lập với 2.457 học sinh. Trường cấp II Lạng Giang (đặt tại Kép) có 6 lớp với 357 học sinh.

Ngành y tế triển khai các hoạt động góp phần xây dựng đời sống mới. Phong trào “sạch làng tốt ruộng”, làm nhà vệ sinh hai ngăn, “ba diệt” (diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột) thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Đến cuối năm 1960, gần một nửa số xã trong huyện xây dựng được trạm xá. Hàng vạn nhân dân được cấp phát thuốc, khám bệnh. Trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng các bệnh thông thường.

Tháng 01- 1959, Đại hội Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ nhất được tổ chức. Đại hội kiểm điểm, đánh giá hoạt động của Đảng bộ, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 1959. Đảng bộ đấu tranh khắc phục những nhận thức mơ hồ về mối quan hệ khăng khít giữa nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và nhiệm vụ giải phóng miền Nam; phê phán tư tưởng mệt mỏi, một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trong phong trào xây dựng tổ đổi công tác xây dựng hợp tác xã. Cùng với chú trọng công tác chính trị, tư tưởng, Huyện uỷ đặc biệt coi trọng xây dựng đảng bộ về tổ chức. Đầu năm 1960, Huyện uỷ bồi dưỡng, kết nạp 309 đảng viên mới tổ chức, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào hợp tác hoá ở nông thôn.

Một sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng diễn ra là ngày 15-3-1959, nhân dân đi bầu cử hội đồng nhân dân cấp xã. Trong các ngày 09, 10, 11 tháng 6 năm 1959, tiến hành bầu cử uỷ ban hành chính cấp huyện. Ngày 08-5-1960, nhân dân Lạng Giang cùng nhân dân miền Bắc nô nức đi bầu cử đại biểu Quốc hội khoá II- cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Gần 99% tổng số cử tri (33.285 người) trong huyện đã đi bỏ phiếu.

Huyện căn bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 3 năm 1958-1960. Đảng bộ huyện Lạng Giang tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ II (5-1960). Từ cuối năm 1960, sau khi cơ bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, Đảng bộ đã phấn đấu khắc phục nhiều khó khăn để giữ gìn và từng bước củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới.

Kinh tế bước đầu phát triển, xác lập được quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, các hộ cá thể dần chuyển sang sản xuất tập thể. Những thắng lợi cơ bản đó là tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

III. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965)

Sau khi hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá, miền Bắc nước ta bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng CSVN của chủ nghĩa xã hội. Đảng xác định sản xuất nông nghiệp giữ một vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Chủ trương lấy sản xuất lương thực làm trọng tâm, đồng thời phát triển nông nghiệp một cách toàn diện.

Tháng 01- 1962, Đảng bộ tiến hành Đại hội đại biểu đảng bộ lần thứ III. Đại hội tập trung vào vấn đề trọng tâm là cải tạo và phát triển nông nghiệp, bàn bạc các vấn đề chủ yếu: xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học- kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi. Củng cố cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể, cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh thống nhất đất nước. Đề ra phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng và củng cố tổ đổi công, hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học-kỹ thuật, sử dụng nông cụ cải tiến, phân bón. Phát triển văn hoá, giáo dục, y tế và nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện chủ trương về xây dựng hợp tác xã bậc cao, Huyện uỷ chỉ đạo hợp nhất những hợp tác xã có đủ điều kiện thành những hợp tác xã có quy mô trên dưới 100 hộ, ổn định những hợp tác xã quy mô thôn đã hợp nhất trước đây. Năm 1963, số HTX quy mô dưới 50 hộ còn chiếm tới 31%. Đến cuối năm 1965, quy mô HTX nông nghiệp được điều chỉnh: Dưới 100 hộ có 177 HTX ; từ 101 hộ đến 150 hộ có 37 HTX; 151 đến 200 có 14 HTX; 201 hộ đến 300 hộ có 7 HTX. Bình quân trong toàn huyện là 84 hộ một HTX. Năm 1964 toàn huyện có 177 HTX trong đó, HTX bậc cao là 159 chiếm 78,5%; đến cuối năm 1965, số HTX có 175 trong đó HTX bậc cao là 172 chiếm 96 % tổng số HTX.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV (tháng 4-1963). Đại hội tập trung sự chỉ đạo vào thực hiện Cuộc vận động cải tiến quản lý HTX, cải tiến kỹ thuật. Đến cuối năm 1963, huyện đã tiến hành 2 đợt ở hơn 30 hợp tác xã. Năm 1964 huyện tiến hành tiếp đợt 3, 4, 5 ở 65 HTX; đến hết đợt 6, huyện đã tiến hành được ở 134 HTX, đạt tỷ lệ 75% tổng số HTX. Sản xuất phát triển, giá trị ngày công tăng từ 0,8 đồng lên 1 đồng, bình quân lao động từ 195 công/năm 1963 lên 208 công/năm 1964. Công tác cải tạo đôi với tiểu thương và thợ thủ công tiếp tục được tiến hành. Đến cuối năm 1963, số tiểu thương cải tạo đạt 75%, cải tạo tiểu thủ công đạt 85%, chuyển 40 hộ tiểu thương chuyển sang sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Nhìn chung, công cuộc củng cố và hoàn thiện sản xuất mới có tiến bộ rõ rệt về tư tưởng, tổ chức, quản lý sản xuất. Nhờ những biện pháp tích cực, Đảng bộ và nhân dân huyện đã vượt qua những khó khăn hoàn thành thắng lợi những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Về sản xuất nông nghiệp, năm 1964 gieo cấy được 15.405 ha đạt 100,1% kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực đạt 28.554 tấn, đạt 100,1% kế hoạch, tăng 15,5% so với năm 1961.

Sự nghiệp y tế, giáo dục văn hoá có bước phát triển. Năm học 1964- 1965, toàn huyện có 127 lớp vỡ lòng, gồm 4.725 cháu; 24 trường cấp I với tổng số 244 lớp với gần 11 nghìn học sinh, 10 trường cấp II với 53 lớp trên 2.500 học sinh, tăng 2,9 lần so với năm 1961. Công tác y tế được chú trọng, đến cuối năm 1964, toàn huyện đã có 45 trạm xá xã, 64 giường bệnh, 8 y sỹ, 764 y tá và vệ sinh viên. Công tác tổ chức các tủ sách hợp tác xã, phong trào đọc và làm theo sách được quan tâm. Đến cuối năm 1965, toàn huyện đã có 51 tủ sách của hợp tác xã và đội sản xuất gồm 131 ngàn cuốn các loại; nhiều nhất là tủ sách của hợp tác xã Phúc Mãn.

Ngày 02-10-1964, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ V được tiến hành. Đại hội tập trung bàn bạc và đề ra các phương hướng thực hiện kiện toàn các cấp uỷ, nâng cao chất lượng, bảo đảm tăng cường năng lực lãnh đạo và uy tín của cấp uỷ, bám đảm lãnh đạo hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước, phát triển kinh tế, văn hoá.

Huyện uỷ đã tiến hành đợt chỉnh huấn mùa xuân cho toàn thể cán bộ và đảng viên trong huyện, có 97,6% đảng viên tham gia học tập. Cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở “4 tốt” trong huyện được tiến hành từ cuối năm 1962. Qua 3 năm thực hiện Cuộc vận động, kết quả xếp loại các chi bộ đảng như sau: Năm 1962 có 52 chi bộ đạt khá; năm 1964 có 64 chi bộ đạt khá; 6 tháng đầu năm 1965 số chi bộ đạt khá tăng lên 70. Công tác phát triển đảng được các chi bộ thực hiện thường xuyên. Năm 1964 huyện mở lớp huấn luyện cho 52 đảng viên mới; 4 lớp cho 352 đối tượng cảm tình Đảng. Toàn đảng bộ kết nạp được 187 đảng viên mới, đoàn viên là 113, nữ là 32 đồng chí. Trong 6 tháng đầu năm 1965, toàn đảng bộ kết nạp được 132 đồng chí, trong đó có 12 nữ, 81 quân nhân viên phục vụ và có 1 đồng chí gốc đạo thiên chúa.

Công tác đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ được Huyện uỷ quan tâm. Năm 1964, huyện cử 25 đồng chí đi dự các lớp tập huấn do huyện mở. Năm 1965, 80 đồng chí được cử đi học các lớp ở tỉnh và 70 đồng chí đi dự các lớp bồi dưỡng ở huyện mở.

Ngày 25-6-1961 nhân dân nô nức đi bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện. Tổng số cử tri đi bỏ phiếu là 46.073 người, đạt 94,5%. Cử tri đã bầu 46 đại biểu vào hội đồng nhân dân. Ngày 25-3-1962, nhân dân Lạng Giang đi bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp tỉnh khoá 3; đã bầu 10 trong số 13 ứng cử viên tại khu vực Lạng Giang vào hội đồng nhân tỉnh. Ngày 26-4-1964, nhân dân Lạng Giang cùng nhân dân miền Bắc nô nức đi bầu cử Quốc hội khoá 3.

Qua hơn mười năm nỗ lực khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, cán bộ đảng viên và nhân dân Lạng Giang đã giành được những thắng lợi đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực trong công cuộc khôi phục phát triển kinh tế, văn hoá, tiến hành hợp tác hoá, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

(5) Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang vừa sản xuất vừa chiến đấu, chi viện cho cách mạng miền Nam (1965- 1975)?

CHƯƠNG V. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN LẠNG GIANG VỪA SẢN XUẤT VỪA CHIẾN ĐẤU, CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1965- 1975)

I. Kịp thời chuyển hướng về tư tưởng, tổ chức, chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Đế quốc Mỹ (1965-1968)

Trong phiên họp Quốc hội khoá 3 (8-4-1965), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Nhà nước, phát động cuộc chiến tranh toàn dân chống Mỹ, cứu nước. Người khẳng định: “Lúc này, chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người Việt Nam yêu nước”. Chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân hành chính huyện Lạng Giang ra nghị quyết về phòng không, sơ tán và chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến.

12 giờ 20 phút ngày 23-8-1965, một tốp máy bay Mỹ oanh tạc vào làng Kép (xã Hương Sơn). Tiếp đó 12 giờ 45 phút, 3 tốp gồm 6 chiếc bắn phá đợt 2. Trong vòng 2 giờ địch liên tiếp tấn công 4 đợt, đã sử dụng 24 lần chiếc máy bay bắn phá trên một phạm vi rộng 4 km², vào các xóm Càn, Kép, Thân thuộc các xã Hương Sơn và thị trấn Kép, đánh phá thôn Phú Độ (xã Phi Mô) và thôn Hậu (xã Đại Lâm). Trận đầu tiên này địch đã ném xuống 63 quả bom phá các loại, nhiều bom bi, bom cánh dù và bắn đạn rốc két, làm chết 9 người, bị thương 10 người, phá huỷ 170 gian nhà, 8 gian trường học. Ngay trong trận thử lửa đầu tiên này, dân quân tự vệ Lạng Giang đã hợp đồng cùng các đơn vị bộ đội chủ lực chiến đấu dũng cảm bắn hỏng 2 máy bay Mỹ. Ngày 20-9-1965; 3 máy bay Mỹ bị bắn cháy ghi chiến công đầu tiên của quân và dân Hà Bắc trước sức mạnh của không lực Hoa Kỳ. Huyện uỷ tập trung chỉ đạo chuyển hướng mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, nhanh chóng triển khai làm tốt công tác phòng không nhân dân, giữ gìn trật tự an ninh, tích cực sản xuất, sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt thực hiện mọi yêu cầu chi viện cho tiền tuyến. Khí thế sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ sôi nổi, rộng khắp trong đoàn thể, quần chúng. Phong trào “Ba sẵn sàng” của thanh niên được phát động rộng khắp. Hội Phụ nữ phát động phong trào “Ba đảm đang”... Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang đã đẩy mạnh phong trào thi đua quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ VI- Đại hội chống Mỹ, cứu nước (2- 1967). Đại hội lần này là Đại hội quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Tổ chức đón nhận Huân chương chiến công Hạng 2 về thành tích phục vụ chiến đấu và chiến đấu trong năm 1965- 1966. Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1967-1968.

Năm 1967 địch tăng cường bắn phá, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chiều ngày 20-4-1967 Mỹ sử dụng 6 máy bay đánh phá ga Kép và vùng lân cận. Đồng chí Nguyễn Văn Huy, Bí thư chi bộ thị trấn Kép, đã cùng dân quân tự vệ dũng cảm cứu hàng, cứu toa xe. Với tinh thần dũng cảm của dân quân tự vệ, 17 toa xe hàng được chuyển vào nơi an toàn. Đồng chí Nguyễn Văn Huy đã hy sinh anh dũng trong trận chiến đấu ngày 26-5-1967 và được công nhận là liệt sỹ.

Ngày 01-5-1967, máy bay Mỹ lại đánh phá một số nơi thuộc xã Yên Sơn, sân bay Kép, Mỹ Thái, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì. Trung đội tự vệ của công trường 112 đã bắn rơi 1 máy bay. Ngày 18-01-1968 không quân ta bắn rơi máy bay Mỹ trên bầu trời xã Tân Dĩnh, bắt sống 2 phi công Mỹ.

Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, bên cạnh lực lượng của dân quân tự vệ, các ngành, các giới của các đoàn thể quần chúng cũng tích cực tham gia phục vụ chiến đấu và chiến đấu. Trên 15.000 đoàn viên thanh niên hăng

hái đi đầu trong các phong trào. Huyện đoàn đã thành lập 15 đội thanh niên xung phong, cứu nước gồm 1.256 đoàn viên thanh niên, trong đó có 819 nữ. Toàn huyện có 463 chị em tham gia tổ chức chiến trên các trận địa. Các cụ phụ lão thành lập 12 đội dân quân, 660 cụ tham gia. Ngành y tế tổ chức đào tạo 2.000 y tá, cứu thương cho cơ sở, xây dựng củng cố 24 trạm xá, 4 nhà mổ dưới hầm. Ngành công an nhanh chóng triển khai lực lượng, kịp thời có mặt ở những vùng trọng điểm, những nơi địch đánh phá để làm nhiệm vụ, góp phần đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho nhân dân. Trong những năm chiến tranh khốc liệt, Lạng Giang phải gánh chịu trên 3.000 tấn bom đạn. Thành tích trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu: Hầm 49.476 cái; giao thông hào 104.702 m; công sự trận địa pháo 630.000m³; làm nhà giúp bộ đội 1.620 gian; áo giáp, mũ rơm cho bộ đội 1.686 cái. Trực tiếp tham gia phục vụ chiến đấu 1.062 nghìn lượt người. Máy bay Mỹ bị bắn rơi trên đất Lạng Giang 54 chiếc. Số giặc lái bị bắt và bị chết 12 tên.

Được sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính, trong điều kiện chiến tranh ác liệt, sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển. Năm 1967 cũng là năm địch đánh phá ác liệt, nhưng cũng là năm đầu tiên huyện Lạng Giang có 2 hợp tác xã đạt trên 5 tấn/ha, đó là HTX Tam Sơn (Tân Đình) và HTX Mỹ Sơn (Yên Sơn). Đời sống nhân dân không những được cải thiện mà còn đảm bảo đóng góp đầy đủ nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

II. Khôi phục phát triển kinh tế- văn hoá và góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969- 1972)

Bị thất bại nặng nề trên cả chiến trường miền Nam, Bắc Việt Nam, ngày 01-11-1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn việc ném bom bắn phá và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, chấp nhận ngồi đàm phán tại Pari để giải quyết vấn đề chiến tranh tại Việt Nam. Miền Bắc bước sang giai đoạn khắc phục hậu quả chiến tranh, khắc phục và phát triển kinh tế, tiếp tục chi viện cho các chiến trường chống Mỹ.

Từ ngày 10 đến 13-4-1969, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII được tổ chức tại xóm Thượng (Mỹ Thái). Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1969: “...tăng cường, củng cố xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng thật vững mạnh. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện, tiếp tục thực hiện tốt nhất ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá). Đặc biệt quyết tâm tập trung sức lực xây dựng và phát triển mạnh mẽ kinh tế địa phương; trong bất kỳ tình huống nào cũng đảm bảo sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi, tổ chức đời sống tốt, chi viện đầy đủ, kịp thời sức người, sức của cho tiền tuyến; quyết giành thắng lợi cao nhất trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Trong niềm tiếc thương vô hạn, ngày 06-9-1969, Đảng bộ, quân và dân Lạng Giang cùng nhân dân cả nước tổ chức Lễ truy điệu trọng thể và để tang Chủ tịch Hồ Chí Minh. Biếm đau thương thành hành động cách mạng, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện Lạng Giang tổ chức phát động phong trào thi đua, ra sức học tập và chấp hành đầy đủ những lời dạy bảo của Người. 40 quần chúng ưu tú đã được kết nạp vào Đảng Lao động Việt Nam trong đợt này.

Từ ngày 19 đến 23-5-1971, Đại hội đại biểu Đảng bộ Huyện Lạng Giang lần thứ VIII được tổ chức tại hội trường Ủy ban hành chính huyện ở rừng Vôi, làng Chu Nguyên, xã Yên Sơn (nay là Trung tâm Giáo dục- Thường xuyên và Dạy nghề- thị trấn Vôi). Đại hội tập trung thảo luận và bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1971-1972 của Đảng bộ huyện trên các mặt củng cố hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu. Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ chung về phát triển kinh tế là: phát huy cao độ khả năng tiềm tàng của một huyện trung du, nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, khắc phục thiếu sót nhược điểm, ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, làm tròn nghĩa vụ chi viện nhân tài, vật lực cho tiền tuyến. Tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển toàn diện mạnh mẽ cải tạo, tổ chức xây dựng phát triển tiểu thủ công nghiệp, nhất là ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện nghị quyết Đại hội, Huyện uỷ tập trung chỉ đạo các xã tổ chức cho nông dân học tập điều lệ HTX. Quy mô hợp tác xã được mở rộng, từ 152 HTX nhỏ, hợp nhất thành 67 HTX liên thôn, số hộ nông dân vào HTX (năm 1972) lên tới 17.395 hộ (đạt 98%), gồm 600 đội sản xuất cố định, với 33.787 lao động chính. Phong trào phấn đấu đạt 3 mục tiêu trong nông nghiệp được phát động rộng rãi ở hầu khắp các hợp tác xã. Các HTX Tam Sơn (Tân Đình), Mỹ Sơn (Yên Sơn) đạt trên 5 tấn thóc/ha. Tháng 8-1972, các HTX được phân loại: HTX tiên tiến 02 (Tân Xuyên, Liệt Hạ); HTX khá 19; HTX trung bình 22.

Đồng thời với phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ lãnh đạo phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Xí nghiệp 2- 9 đẩy mạnh sản xuất phục vụ nông nghiệp. Mặc dù cơ sở sản xuất còn thiếu thốn, nhưng ngay năm 1971 là năm có nhiều khó khăn, đội ngũ công nhân vẫn hoàn thành kế hoạch, đã sản xuất: Cày 720 chiếc; bừa 700 chiếc; cuốc liềm trên 12.000 chiếc, xe cải tiến 950 chiếc, 200 bộ đồ nghề dùng trang bị cho mạng lưới sửa chữa công cụ lao động cầm tay ở các HTX nông nghiệp. Các cơ sở lò gạch, ngói, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được củng cố và phát triển. Sản xuất vật liệu xây dựng đạt 130% kế hoạch; khai thác chế biến lâm sản vượt 18% kế hoạch; may mặc vượt 8% kế hoạch. Giá trị tổng sản lượng cả năm là 1.830.000 đồng, đạt 106% kế hoạch và tăng 15% so với năm 1970. Tài chính ngân hàng đã thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển.

Đảng bộ đặc biệt quan tâm công tác văn hoá, giáo dục, y tế. Năm 1969, Lạng Giang có trên 24 ngàn học sinh. Đến năm 1972, số học sinh đã tăng lên 32 ngàn học sinh. Công tác văn hoá thông tin được chú trọng. Công tác phát hành sách được chú ý, phục vụ tốt sản xuất và đời sống. Đời sống tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Năm 1972, Phòng Y tế kết hợp với các trạm xá tiêm và phát thuốc phòng dịch tả cho 80.805 lượt người.

III. Góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ

Ngày 04-4-1972, Nichxơn huy động lực lượng lớn không quân, hải quân ồ ạt đánh phá trở lại miền Bắc với mức độ ác liệt chưa từng có. Trước những yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, đầu năm 1972 BCH TW Đảng họp hội nghị lần thứ 20 thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và xây dựng kinh tế ở miền Bắc là: Tăng cường lực lượng quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu đập tan cuộc phiêu lưu quân sự của địch bằng không quân, biệt kích hoặc bộ binh. Ngày 10-5-1972, trận đầu đánh vào Lạng

Giang, máy bay Mỹ ném bom bắn phá khu vực Kép đã bị các lực vũ trang của ta giáng trả những đòn đích đáng. Máy bay địch rơi trúng vào một gia đình ở Hương Sơn, nhà cửa bị phá huỷ nhưng 11 người trong gia đình ở trong hầm trú ẩn được an toàn. Ngày 29-5-1972 máy bay địch đánh cống Hà Vang, một số đoạn đường sắt, đường 1A bị hỏng nặng. Ban Chỉ huy xã đội Tân Dĩnh đã kịp thời tổ chức lực lượng dân quân du kích và thanh niên ra mặt đường san lấp hố bom, sửa lại cống. Đêm 28 rạng sáng ngày 29-6-1972, máy bay địch ném bom vào xóm Ngang xã Hương Lạc hai quả bom bi mẹ; xóm Kép xã Hương Sơn 12 quả bom phát quang và 2 quả bom bi mẹ. Ở xóm Ngang, 13 gian nhà bị phá huỷ, 5 người chết và 11 người bị thương, phần lớn là trẻ em; 23 gian nhà ở xóm Kép bị đổ nát. Ngày 01-7-1972, máy bay Mỹ lại đánh phá Lạng Giang, các đơn vị tên lửa, không quân, pháo cao xạ và dân quân tự vệ đã phối hợp giăng lưới lửa, bắn rơi máy bay, dân quân xã Tân Thanh bắt sống 2 phi công Mỹ. Bị thất bại ở cả hai chiến trường miền Nam, Bắc, ngày 22-10-1972, Nichxon phải ra lệnh ngừng ném bom, bắn phá từ Bắc vĩ tuyến 20 trở ra. Ngay sau khi trúng cử tổng thống Mỹ, Nichxon đã trắng trợn cho các loại máy bay hiện đại nhất của Mỹ ném bom miền Bắc lần thứ hai. Trong các ngày 18, 24 và 29-12-1972, máy bay B52 và các loại máy bay khác của Mỹ đã thả trên 30.000 quả bom xuống 30 làng, xóm thuộc huyện Lạng Giang. Chúng đã giết hại 92 người, làm bị thương 63 người và nhiều tài sản khác.

Trong 12 ngày đêm từ 18 đến 29-12-1972 đế quốc Mỹ đã bắn phá vào địa bàn huyện có tính chất huỷ diệt: với 22 vệt bom và 66 lần chiếc “pháo đài bay” B52 và “cánh cụp cánh xoè” F.111.A. Chúng đã trút xuống Lạng Giang trên 11 vạn quả bom phá, 3.600 bom bi mẹ, hàng ngàn rốc két, bom xuyên... Bình quân mỗi người dân Lạng Giang chịu một quả bom phá và 128 quả bom bi con. Mảnh đất Lạng Giang đã từng ghi nhiều chiến công hiển hách trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, là niềm tự hào của mỗi người dân. Đến hết năm 1972; 54 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi trên bầu trời Lạng Giang, 12 phi công Mỹ bị tiêu diệt và bị bắt sống. Nhiều anh em ra mặt trận đã được tặng danh hiệu Dũng sĩ, Chiến sĩ thi đua, hai đồng chí Mai Đình và Trần Ngọc Phương được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Với thành tích nổi bật trong công tác tuyển quân, ngày 24-3-1973, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Đã có 8 xã được công nhận danh hiệu xã “Quyết thắng”.

IV. Khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế- xã hội, chi viện chiến trường, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973- 1975)

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IX được tổ chức tại xã Yên Mỹ từ ngày 26 đến 30-3-1973. Đại hội khẳng định quyết tâm thực hiện thắng lợi nghị quyết của BCH TW Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ II. Đại hội đề ra nhiệm vụ chủ yếu cho 2 năm 1973- 1974 là: ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh trên các mặt sản xuất; phát huy tiềm năng của huyện trung du; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp; tập trung phát triển “6 cây, 3 con” nhằm đạt các mục tiêu trong nông nghiệp, tạo ra khối lượng lớn nông sản hàng hoá; phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp và ngành nghề trong các HTX, đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng.

Đảng bộ triển khai sâu rộng Nghị quyết số 228 của Bộ Chính trị và nghị quyết số 22 của TW Đảng, nhằm ổn định quy mô, củng cố HTX, đồng thời củng cố quan hệ sản xuất, thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng kỹ thuật. Toàn huyện có 67 HTX, riêng Mỹ Hà là HTX toàn xã. Đến hết năm 1974 có 98,5% số hộ nông dân vào HTX. Các HTX đều thực hiện “3 khoán, 3 quản”. Năm 1974 học tập Điều lệ HTX bậc cao, các mặt công tác tiến bộ hơn, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Công tác thủy lợi kết hợp giao thông được triển khai mạnh mẽ, là một trong những biện pháp lớn của cách mạng kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển. Nhờ ứng dụng các tiến bộ vào sản xuất, năm 1973 năng suất đạt 41 tạ thóc/ha, 8 HTX đạt 5 tấn. Đến năm 1974, huyện đã đạt 48 tạ/ha và “lá cờ 5 tấn” đã cắm ở 18 HTX. Kinh tế vườn đồi cũng phát triển, hai năm 1973-1974, toàn huyện đã trồng 122 ngàn cây các loại và 17 ngàn khóm tre bao đồi; nhân dân trồng được 6.500 cây ăn quả.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được duy trì và phát triển. Năm học 1974- 1975 có 32.586 học sinh từ mẫu giáo đến cấp II và trên 700 học viên bổ túc văn hoá.

Công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền, đoàn thể: Đảng bộ thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đảng như Nghị quyết 228, 195, 22, các Chỉ thị 192, 209... Tập trung củng cố phát triển các tổ chức Đảng, phát huy vai trò của đảng viên trên các lĩnh vực hoạt động. Đặc biệt là nhiệm vụ củng cố quan hệ sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp, khôi phục và phát triển kinh tế. Năm 1974, qua phân loại 23 đảng bộ nông thôn, có 8 đảng bộ đạt tiêu chuẩn phân đấu tốt, trong đó An Hà là đảng bộ xuất sắc; 18 trong số 66 chi bộ đạt tiêu chuẩn phân đấu tốt, trong đó 3 chi bộ xuất sắc là Tân Lộc, Tân Trung (xã Tân Hưng), Liệt Hạ (xã An Hà).

Xuyên suốt chặng đường kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, truyền thống cần cù trong sản xuất và anh dũng trong chiến đấu đã được các tầng lớp nhân dân, các giới, các ngành phát huy cao độ, làm nên mọi thắng lợi của phong trào cách mạng địa phương. Người ra tiền tuyến chiến đấu anh dũng, người ở nhà xây dựng quê hương hậu phương, chắt chiu tảo, xây dựng những công trình cho hiện tại và tương lai. Những chiến công, những thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội đạt được trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cơ sở quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang đi tới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(6) Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975- 1985)?

CHƯƠNG VI: ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN LẠNG GIANG CÙNG CẢ NƯỚC XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975- 1985)

I. LÃNH ĐẠO VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ 2 (1975- 1980)

Bước vào thời kỳ mới, xây dựng đất nước trong hoà bình, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang có những thuận lợi cơ bản. Đó là, vị thế của một dân tộc chiến thắng; truyền thống đoàn kết, anh hùng trong chiến đấu, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Bên cạnh những thuận lợi, Lạng Giang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Khó khăn bởi hậu quả chiến tranh và âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; mô hình kinh tế thời chiến phát huy tác dụng ở miền Bắc hơn 20 năm nay không còn phù hợp; Lạng Giang vẫn là huyện nghèo, kinh tế nông nghiệp

là chủ yếu, sản lượng thấp; công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn.

1. Kế hoạch, định hướng chỉ đạo chung

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (Đợt 1: Từ 4- 10/4/ 1976) thông qua phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976- 1980). Đại hội đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong nông nghiệp: Phần đầu đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha; đẩy mạnh công tác thủy nông; củng cố các cơ sở yếu kém trên cơ sở quản lý chặt chẽ tư liệu sản xuất, đồng thời hoàn chỉnh quy mô hợp tác xã toàn xã; thực hiện tốt phong trào thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hoá, xây dựng con người mới XHCN.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X (Đợt 2: Từ 30/10- 1/11/1976) đề ra một số biện pháp chủ yếu, công tác thủy lợi và hoàn chỉnh thủy nông được đặt lên vị trí số một; tăng cường đưa giống lúa mới và các loại giống cây trồng có năng suất cao thay thế các giống năng suất thấp; đẩy mạnh các biện pháp làm phân bón, tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất đi đôi việc tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh việc hợp nhất hợp tác xã toàn xã và liên thôn; kiên quyết cải tạo tiểu thương đưa sang sản xuất; xoá bỏ thị trường tự do về lương thực, nông sản, thực phẩm...

2. Lãnh đạo phát triển kinh tế- xã hội

Trong điều kiện phải đối phó với khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp, Đảng bộ huyện tập trung nỗ lực phát triển sản xuất nông nghiệp. Cuối năm 1975, nắng hạn gay gắt, thiếu nước, tiến độ làm mùa chậm. Thực hiện tháng thi đua “Hai mũi tiến công mừng miền Nam toàn thắng”; ngày 20/6/1975, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện phát động cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tham gia thực hiện tạo nên phong trào cách mạng mạnh mẽ sâu rộng. Số lượng lao động hàng ngày tới gần 85% tổng số lao động toàn huyện. Nhiều địa phương tổ chức tát nước chống hạn suốt ngày đêm; các xã Hương Lạc, Đào Mỹ, Mỹ Hà... có nơi phải tát nước qua 9 bậc cho một diện tích. Do vậy, so với vụ mùa trước, tốc độ cày bừa tăng nhanh gấp 2 lần; đắp bờ vùng bờ thửa cho 5.082 ha ruộng, với khối lượng đào đắp 31.508 m³ đất. Lực lượng xung kích là thanh niên và dân quân tự vệ. Kết quả: cày được 8.029 ha lúa, đạt 96,7% kế hoạch (KH) đề ra.

Năm 1976, toàn huyện đạt năng suất 5,1 tấn/ha trên chân ruộng 2 vụ lúa, đánh dấu kết quả của một hướng đi mới. Tổng sản lượng lúa là 31.874 tấn, bằng 93,9% KH. Đây là năm đạt tổng sản lượng lúa cao nhất trong vòng 17 năm. Tổng sản lượng lương thực (gồm cả màu quy thóc) năm 1976 đạt 36.650 tấn, tăng 2.960 tấn so với năm 1975. Đạt bình quân 360 kg thóc/người.

Đảng bộ huyện chú trọng phát triển diện tích trồng màu. Năm 1975, toàn huyện trồng được 961 ha cây màu thực phẩm, trong đó diện tích đỗ các loại phát triển nhanh, tăng 315% so với năm 1974. Diện tích trồng vụ đông đạt 1.506,3 ha, tăng 4% so với năm 1974. Xã trồng cây vụ đông đạt hiệu quả là Tiên Giang, Liệt Hạ, Mỹ Quang, Vĩnh Ninh, Tiến Mỹ, Tân Trung. Cây khoai tây được phát triển nhanh nhất; từ 68,4 ha năm 1974, tăng lên 168,7 ha. Diện tích khoai lang đông đã đạt 997,6 ha. Năm 1976, diện tích trồng màu lương thực tiếp tục tăng. Khoai đạt 105,3% KH, tăng 12% so với năm 1975; ngô đạt 123% KH (tăng 27%), sắn đạt 93,5% KH (tăng 3,6%)... Tổng sản lượng màu lương thực 13.933 tấn.

Cây công nghiệp phát triển theo hướng tập trung chuyên canh. Năm 1975 trồng được 1.475,9 ha so với năm 1974 tăng 38,9 ha. Tổng sản lượng tăng lên 957,7 tấn; trong đó lạc chiếm 57%, thuốc lá 33%, đậu tương 10%. Năm 1976, đậu tương, thuốc lá, ngô tăng gấp 2 lần; lạc tăng 1,5 lần. Diện tích lạc là 322,5 ha; đậu tương 139,7 ha; ngô 119,8 ha. Thuốc lá trồng được 463,5 ha, 7 hợp tác xã hoàn thành kế hoạch là Liệt Hạ, Tiên Sơn, Trường Giang, Bình An, Phúc Mãn, Mãn Triều, Tân Hoa. Lạng Giang mở thêm vụ đậu tương hè để tăng nguồn nông sản xuất khẩu và cải tạo đất. Năm 1976, trồng được 105 ha đậu tương hè, trở thành huyện trồng nhiều nhất tỉnh.

Năm 1977, trên cơ sở những kết quả đạt được trong trồng đậu tương hè, Ty Nông nghiệp tiến hành thực nghiệm cây đậu tương hè ở 6 cơ sở trong tỉnh với tổng diện tích 124 ha, riêng Lạng Giang trồng thực nghiệm 82 ha tại Tiên Lục và hai phụ điểm Tân Hưng, An Hà. Vụ đậu tương hè 1977 đạt 236 ha (gấp 2 lần 1976), giữ vững là huyện trồng đậu tương hè nhiều nhất tỉnh. Tính cả đậu tương vụ xuân, Lạng Giang trồng được 465 ha. Phong trào làm phân bón phát triển, năm 1976 toàn huyện đã làm được hàng trăm tấn phân bón các loại. Phân hữu cơ bón cho lúa đạt bình quân 6 tấn/1ha.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XI (Từ ngày 25- 31/5/1977) phân đầu thực hiện mục tiêu lương thực năm 1977 đạt sản lượng 4 vạn tấn; làm nghĩa vụ với Nhà nước 6.500 tấn, đảm bảo bình quân 25 kg/người/tháng; năm 1978 đạt 4,4 vạn tấn và năm 1980 đạt 5 vạn tấn. Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, các tổ chức Đảng, chính quyền, hợp tác xã và nhân dân trong huyện tập trung mọi nỗ lực vào phát triển sản xuất nông nghiệp. Vụ lúa chiêm năm 1977, năng suất bình quân chỉ đạt 18,71 tạ/ha. Có 8 hợp tác xã đạt năng suất 20 tạ/ha trở lên; xã Tân Dĩnh đạt năng suất cao nhất (23,66 tạ/ha).

Trước tình hình khó khăn (vụ mùa sớm bị hạn hán và sâu phá hoại mạ nghiêm trọng), huyện chỉ đạo các đơn vị bằng mọi cách phải đảm bảo được nước cho cây trồng; đưa 1,7 tấn phân bón lót cho 1 ha và cấy đúng kỹ thuật. Đồng thời, tổ chức 3 hợp tác xã Tiên Lục, Mỹ Thái, Tân Thanh đưa 2.500 lao động, 500 trâu bò đến giúp xã Phi Mô- đơn vị làm mùa chậm nhất huyện. Lần đầu tiên Lạng Giang đã thực hiện việc điều hành lao động trên phạm vi toàn huyện thu được kết quả tốt. Do sự chỉ đạo sâu sát, đến giữa tháng 8, toàn huyện đã cấy được 8.251,8 ha lúa mùa, bằng 100,6% chỉ tiêu KH.

Cùng với chiến dịch chống hạn cứu lúa, huyện phát động đợt thi đua đồng khởi diệt sâu, bảo vệ mùa màng. Trong 1 tuần giữa tháng 9, đã có 92.000 lượt người làm 1.138 lượt ngọn đèn bẫy, diệt 12 triệu lượt bướm, bảo vệ mùa màng. Trước tình hình 6 xã vùng cao của huyện bị dịch bọ xít phá lúa nghiêm trọng trên diện tích 509 ha, có những thửa ruộng phải cắt bỏ lúa, huyện lập Ban Chỉ huy chiến dịch diệt bọ xít. Trong chiến dịch đã huy động 18.000 lượt người (cả nhân dân và bộ đội) ra quân bắt được 7 tấn bọ xít. Đồng thời, huyện tập trung 53 bình bơm thuốc trừ sâu với gần 100 công nhân phun liên tục trong nhiều ngày. Do vậy, đã đẩy lùi nạn sâu bướm và bọ xít phá hoại lúa.

Với tinh thần trách nhiệm, hưởng ứng cuộc vận động “Vì cả nước, với cả nước”, Lạng Giang đã làm nghĩa vụ lương thực năm 1977 là 5.050 tấn, vượt 4% KH; thực phẩm 451 tấn, đạt 100% KH. Với tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, Lạng Giang tiết kiệm được 59 tấn thóc, 5

tấn gạo giúp đỡ đồng bào bị lũ lụt. Thực hiện cuộc vận động “Vì cả nước, với cả nước”, năm 1978, Lạng Giang đã đưa hàng ngàn lao động đi xây dựng biên giới phía Bắc; đưa 2.000 người vào trung đoàn cơ động của huyện, đồng thời vẫn hoàn thành kênh đào Bảo Sơn.

Lực lượng lao động trong nông nghiệp được phân loại A, B, C; từng loại được sắp xếp công việc hợp lý. Các ngành nghề được tổ chức theo hướng chuyên môn hóa. Mỗi công việc đều có định mức công điểm, chi phí, kỹ thuật và được nghiệm thu hàng ngày.

Tổ chức lại sản xuất: triển khai giao đất, giao rừng cho hợp tác xã sản xuất- kinh doanh; kinh tế đôi rừng được tổ chức kinh doanh theo hướng nông- lâm kết hợp. Thực hiện cải tiến quản lý tài vụ, các hợp tác xã tiến hành lập kế hoạch tài chính, có nội dung chi tiêu, thực hành tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả đồng vốn; các chứng từ thu chi thực hiện ghi chép, vào sổ nhật ký; kế hoạch tài chính này được thông qua đại hội xã viên. Các hợp tác xã tổ chức các cơ sở kỹ thuật, đội ngũ cán bộ khoa học- kỹ thuật được sử dụng hợp lý; nhiều hợp tác xã cử người về trường Trung cấp Nông nghiệp tỉnh để đào tạo nâng cao trình độ. Ngành tài chính tích cực khai thác và quản lý nguồn thu, điều tiết kịp thời ngân sách cho cơ sở. Năm 1979, năm đầu tiên Lạng Giang thực hiện cân bằng thu chi ngân sách...

Kết quả cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến lao động và quản lý hợp tác xã: 17 hợp tác xã xây dựng được định mức lao động, 18 hợp tác xã xác định được phương hướng sản xuất, 19 hợp tác xã thực hiện tốt công tác tài chính kế toán. Trong đó, các hợp tác xã quy mô toàn xã có giá trị ngày công năm 1978 đều cao hơn những năm trước từ 3% đến 180%. Hợp tác xã An Hà là *Lá cờ đầu* về công tác quản lý, đơn vị duy nhất của huyện đạt “3 mục tiêu” trong quản lý nông nghiệp năm 1978.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII (Tháng 10/1979) xác định phương hướng nhiệm vụ 2 năm 1980- 1981 là: “Ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tận dụng mọi tiềm năng đất đai, mở rộng diện tích gieo trồng; phân đầu tăng nhanh sản lượng lương thực, phát triển chăn nuôi và làm hàng xuất khẩu. Nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng. Tích cực cải tiến công tác quản lý hợp tác xã. Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội”.

3. Một số kết quả phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 1976- 1980

Tổng diện tích gieo trồng tăng hơn 5 năm trước 14.646 ha; trong đó lúa tăng 3.582 ha. Giá trị tổng sản lượng lương thực 5 năm tăng 3,6%; sản lượng lương thực tăng 26.336 tấn, màu quy thóc tăng 18.229 tấn. Bình quân lương thực đầu người năm 1980 đạt 280 kg (bình quân chung của tỉnh là 264 kg). Từ năm 1979, Lạng Giang đã có hàng nông sản, thực phẩm xuất khẩu; hai năm 1979- 1980 đạt 1 triệu 557 nghìn đồng. Chăn nuôi có những bước tiến mới. Trong 5 năm, đàn lợn tăng từ 6.494 con (năm 1975) lên 41.894 con (năm 1980), tăng bình quân hàng năm là 4%; bình quân mỗi năm tăng 284 tấn lợn thịt. Đàn trâu tăng từ 9.604 con lên 9.951 con. Đàn gia cầm từ 249.000 con lên 251.000 con. Diện tích nuôi thả cá từ 395 ha lên 453 ha. Huyện tập trung khai thác diện tích đồi trọc, phát triển cây đặc sản. Năm 1975, toàn huyện trồng được 378,3 ha dứa, trong đó diện tích được thu hoạch là 260 ha. Những hợp tác xã đạt năng suất dứa cao là Bắc Thịnh, Mỹ Quang, Tân Trung (đạt 1,2 tấn/ha). Tiếp tục xây dựng hợp tác xã. Năm

1975, toàn huyện kết nạp thêm 616 hộ vào hợp tác xã, đưa số hộ làm ăn tập thể lên 98,9% tổng số hộ nông nghiệp; 80% số hợp tác xã có từ 100 ha đất canh tác trở lên.

Triển khai Nghị quyết số 03/NQ-UB, ngày 11/8/1976 của UBND tỉnh Hà Bắc về chỉ đạo tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 61- CP của Hội đồng Chính phủ, về việc “Tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn XHCN”. Kết quả bước đầu của phong trào hợp tác hoá là năm 1976, Lạng Giang đã đạt mục tiêu 5,1 tấn thóc/ha ở chân ruộng 2 vụ, đánh dấu kết quả của một hướng đi mới. Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất làm điểm ở xã An Hà đạt hiệu quả. Nhờ làm tốt công tác quản lý, sản lượng lương thực tăng từ 695 tấn (năm 1965) lên 1.713 tấn; bình quân lương thực đầu người từ 260 kg lên 532 kg.

Sản xuất cây công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; phong trào làm thủy lợi, hoàn chỉnh thủy nông; công tác tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải; công tác văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao; an ninh chính trị thường xuyên được Đảng bộ huyện quan tâm, không ngừng phát triển nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, giáo dục và đời sống nhân dân.

Huyện thường xuyên chú trọng công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Quan tâm công tác xây dựng Đảng về ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; đổi mới lề lối, phong cách làm việc, thống nhất ý chí trên cơ sở đường lối chính trị, nhất là sau khi thực hiện tự phê bình và phê bình trong học tập Nghị quyết số 23 của Trung ương Đảng. Do làm tốt công tác cán bộ, gắn công tác tổ chức với thực hiện nhiệm vụ chính trị nên đến năm 1977 trong các hợp tác xã nông nghiệp, đảng viên giữ các vị trí quyết định: Chủ nhiệm (100%), kế toán trưởng (80%), phó chủ nhiệm (82%) và đội trưởng sản xuất (39%) là đảng viên.

II. ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO TOÀN DÂN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ 3, TỪNG BƯỚC TÌM TÒI KHẢO NGHIỆM ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ NÔNG NGHIỆP (1981- 1985)

1. Lãnh đạo phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 1981- 1982

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XIII (Đợt 1: Từ 29/12/1981- 1/1/1982); trong hai năm đầu thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm, nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang là phát triển sản xuất nông nghiệp đã giành được những kết quả tích cực. Diện tích gieo trồng năm 1981 đạt 21.553,4 ha; trong đó cây lúa 14.026,3 ha; màu lương thực 4.180,4 ha; cây công nghiệp 1.983,4 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 41.000 tấn và sản lượng các loại cây công nghiệp đều tăng hơn so với năm 1980.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư trung ương Đảng, Huyện uỷ đã tổ chức quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng bộ huyện về mục đích nguyên tắc, phương hướng cải tiến công tác khoán; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã thực hiện ngay trong vụ chiêm xuân. Đầu vụ mùa năm 1981, 100% các hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm đến người lao động. Năm 1982, năng suất và sản lượng lúa đạt cao nhất trong vòng 5 năm trở lại.

Công tác khoán ngày càng được mở rộng, huyện huy động được tiềm năng của hàng vạn nhân dân, tạo ra bước phát triển mới trong nông nghiệp. Mức thu nhập hàng năm của mỗi

hợp tác xã là 3.864.000 đồng; cao nhất là An Hà đạt tới 9.455.000 đồng. Đời sống của nhân dân được cải thiện. Vốn tích lũy bình quân từ năm 1981- 1983 của 25 hợp tác xã là 16.458.807 đồng. Có vốn tích lũy hàng năm cao nhất là hợp tác xã Phi Mô: 97.723 đồng và thấp nhất là Dương Đức: 81.000 đồng. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã được tăng cường. Đến năm 1983, đảng viên chiếm 80% cán bộ quản lý các hợp tác xã, trong đó 38% là đảng ủy viên, 192 cán bộ kỹ thuật ở các hợp tác xã có trình độ từ trung cấp đến đại học. Tuy nhiên, khoán sản phẩm tới nhóm và người lao động cũng bộc lộ nhiều nhược điểm: ruộng đất bị chia nhỏ, nhiều hợp tác xã, đội sản xuất và xã viên muốn khoán thấp, chưa có sự tính toán sát với thực tế, phần lớn nông dân tập trung vào cây lúa nên hạn chế phát triển các ngành nghề và cây công nghiệp.

2. Lãnh đạo phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 1983- 1985

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XIII (Đợt 2: Từ ngày 5-8/1/1983) kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, đánh giá kết quả mọi mặt công tác 2 năm 1981- 1982; thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu 3 năm (1983- 1985).

Thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp 3 năm (1983- 1985), Lạng Giang gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp: năm 1983 liên tiếp xảy ra những trận mưa lớn, nước dâng cao làm ngập hàng ngàn ha lúa; năm 1984, rét đậm kéo dài gây thiệt hại hàng trăm tấn thóc mạ và gần 2.000 ha lúa, vụ mùa sâu bệnh lan rộng tới 50% diện tích. Huyện ủy lãnh đạo tập trung giải quyết về giống, vận động nhân dân cấy lại diện tích lúa chết, thâm canh tăng vụ; quan tâm cây đậu tương hè, lập quy trình kỹ thuật sản xuất từ khâu làm đất và phổ biến rộng rãi trong các hợp tác xã và gia đình xã viên, hoàn thành 1.500 ha đậu tương hè.

Với những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân, sản xuất nông nghiệp thu được kết quả tích cực, hệ số sử dụng ruộng đất gần 2 lần/năm; năng suất, sản lượng nhiều cây trồng vượt kế hoạch. Năm 1984, huyện Lạng Giang được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua khá nhất vùng trung du.

Tiếp tục chỉ đạo củng cố quan hệ sản xuất, hầu hết các hợp tác xã điều chỉnh lại đội sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế. 24 hợp tác xã đều thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong vụ chiêm xuân năm 1983. Tiếp tục phong trào củng cố hợp tác xã bậc cao, theo hướng xây dựng các đội chuyên. Về quản lý ruộng đất, huyện đã cho chỉnh lý bản đồ ruộng đất, kiên quyết thu hồi ruộng đất bị lấn chiếm trái phép.

Đảng bộ quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất thủ công nghiệp. Trước tình hình sản xuất thủ công nghiệp gặp khó khăn, tiền vốn và nguyên vật liệu được đầu tư quá ít, lương thực, thực phẩm do Nhà nước cung cấp không đảm bảo, các hợp tác xã đã có nhiều cố gắng giải quyết việc làm, giữ vững sản xuất. Nhiều sản phẩm như cày bừa, cuốc bàn, liềm... đều đạt từ 101%-180%, phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tài chính, ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo quản lý kinh tế và góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Huyện chỉ đạo tiến hành thường xuyên công tác vận động nhân dân giữ tiền tiết kiệm. Năm 1981, tổng thu ngân sách trên 12,2 triệu, đạt 104,4% kế hoạch; thu tiền mặt 20,6 triệu, tăng 72% so với năm 1980; năm 1982, số dư tiết kiệm lên tới 4 triệu đồng.

Công tác xây dựng cơ bản tập trung vào các công trình trọng điểm; ngành giao thông vận tải thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường, tổng khối lượng đào đắp được 342.576 m³,

đạt 103% KH. Lực lượng vận tải của huyện tuy còn mỏng, thiếu phương tiện, nhưng vẫn tích cực phục vụ sản xuất, xây dựng và đời sống. Phong trào “giải phóng đôi vai” ở nông thôn đến năm 1982 cơ bản đã được thực hiện. Nhiều hộ xã viên đã có xe gia súc kéo, bình quân 2 hộ có một xe cải tiến.

Đảng bộ đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng. Trong những năm 1981- 1982, Đảng bộ tích cực triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ xuống cơ sở. Trường Đảng huyện đào tạo hàng trăm cán bộ cho cơ sở. Chú trọng công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên, Huyện uỷ thường xuyên cử tổ công tác xuống các cơ sở yếu kém để củng cố, chỉ đạo đấu tranh phê bình, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Ở những nơi khó khăn, các đồng chí Thường vụ Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo. Qua kiểm điểm phân loại đảng viên năm 1981, có 3.644 đảng viên đủ tư cách, đạt 88,8%. Số đảng viên này đã được phát thẻ đảng. Qua quá trình rèn luyện, thử thách trong lao động sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, Đảng bộ đã kết nạp được 216 đảng viên mới (năm 1981: 96 đồng chí, năm 1982: 120 đồng chí). Năm 1985, Huyện uỷ chỉ đạo đại hội chi, đảng bộ cơ sở, kiện toàn và nâng cao một bước chất lượng các đảng uỷ, chi uỷ. Sau đại hội, các đảng bộ cơ sở và phong trào ở đại phương có chuyển biến tích cực. Trong Đảng bộ không còn chi bộ yếu kém, số đảng viên đủ tư cách chiếm trên 81%.

Với những kết quả đạt được trong công tác xây dựng Đảng, trong dịp kỷ niệm 75 năm ngày sinh đồng chí Ngô Gia Tự (1908- 1983), Đảng bộ huyện Lạng Giang vinh dự được BCH Đảng bộ tỉnh Hà Bắc tặng Cờ Đơn vị thi đua xuất sắc. Năm 1984 được nhận cờ Thi đua xuất sắc tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc lần thứ VI. Năm 1985, Đảng bộ huyện được Ban Bí thư tặng cờ Đảng bộ huyện vững mạnh.

Nhằm tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, năm 1981, UBND huyện tổ chức đợt học tập Hiến pháp mới, Pháp lệnh bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp. Ngày 26/4/1981; 98,2% cử tri Lạng Giang tham gia bầu cử Quốc hội và HĐND tỉnh. Ngày 01/11/1981; 98,1% cử tri (78.365 người) đi bầu cử HĐND huyện, xã.

Năm 1984, Huyện uỷ tổ chức thực hiện cuộc bầu cử HĐND hai cấp. Tổng số cử tri đi bầu là 88.817 người, tổng số đại biểu trúng cử vào HĐND huyện là 55, HĐND xã là 845. Huyện đã cử các đồng chí là chủ tịch xã, phó chủ tịch, uỷ viên thư ký UBND xã, thị trấn đi học trường hành chính của tỉnh, nhằm nâng cao trình độ và năng lực quản lý Nhà nước. Năm 1985, công tác xây dựng chính quyền của huyện được tỉnh xếp loại khá, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của huyện. Ngày 03/5/1985, xã Đình Kế tách khỏi Lạng Giang để nhập vào thị xã Bắc Giang.

Đảng bộ lãnh đạo phát huy vai trò các đoàn thể trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện. Các đoàn thể nhân dân huyện tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào thi đua, phát triển kinh tế- xã hội.

Mặt trận Tổ quốc phát động phong trào thi đua “Tuổi già tham gia làm giàu đất nước”, phong trào tiết kiệm. Toàn huyện tập hợp được 64,6% các cụ phụ lão tham gia vào hoạt động trong 296 tổ. Trong đó, 670 cụ tham gia vào 21 trung đội bạch đầu quân, sẵn sàng

chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Các cụ còn lại tham gia vào tổ hoà giải, tổ vận động tiết kiệm, hưởng ứng phong trào trồng cây và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Năm 1985, Đảng bộ Lạng Giang hỗ trợ nhân dân huyện Quế Võ 200 tấn thóc giống và vận chuyển trong 2 ngày, kịp thời giúp nhân dân Quế Võ đảm bảo thời vụ.

Đoàn Thanh niên phát động phong trào thi đua kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đoàn; phát động phong trào đăng ký với hợp tác xã 100% đoàn viên thanh niên vượt mức khoán và giao nộp đủ sản phẩm. Năm 1981, Đoàn Thanh niên thực hiện 52 công trình tuổi trẻ trong nông nghiệp, 33 công trình tuổi trẻ trong công nghiệp, nhiều đơn vị Đoàn đảm nhiệm hoàn thành công việc trước thời hạn như: Xí nghiệp trung tu ô tô, Xí nghiệp Sứ Bến Tuần, Đoàn Thanh niên nông nghiệp... Năm 1982, Đoàn Thanh niên có 5 công trình cấp huyện, 372 công trình cấp chi đoàn, trị giá 820.000 đồng. Qua rèn luyện thử thách, đến hết tháng 6/1983, Đoàn kết nạp được 1.312 đoàn viên mới, bồi dưỡng cảm tình Đảng cho 556 đoàn viên ưu tú và 41 đồng chí được kết nạp vào Đảng.

Hội Phụ nữ góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội. Phong trào chăn nuôi trong hộ gia đình với khẩu hiệu “Mỗi người 5 con gà, mỗi nhà 2 con lợn”, phong trào trồng dâu nuôi tằm được đẩy mạnh. Hội Phụ nữ nhận đỡ đầu chăm sóc 352 con liệt sỹ, 124 bố mẹ liệt sỹ; đóng góp 280 ngày công lao động giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sỹ neo đơn.

Công đoàn huyện động viên các đơn vị sản xuất ký kết hợp đồng trách nhiệm. Trong phong trào thi đua lao động sản xuất, công nhân đã phát huy sáng kiến, tiết kiệm 2 tấn xăng dầu, 7 tấn than, 6 tấn sắt thép và hàng chục vạn đồng tiền vốn, hoàn thành hàng trăm công trình chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V...

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể phát động thi đua sản xuất, tiết kiệm, chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước; huy động hội viên giúp đỡ nhau về vốn, giống, đảm bảo cấy hết diện tích; phối hợp với các đoàn thể thực hiện tốt các phong trào giữ tiền tiết kiệm, tặng quà bộ đội, động viên hội viên làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Thành tựu nổi bật nhất về phát triển kinh tế của Lạng Giang trong những năm 1981- 1985 là từng bước chú trọng sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, cùng với cả nước tìm tòi, khảo nghiệm đổi mới cơ chế quản lý, trước hết trong kinh tế nông nghiệp, bước đầu làm chuyển biến diện mạo kinh tế huyện nhà. Đây là thời kỳ chuyển đổi từ cơ chế cũ dần sang cơ chế quản lý mới, dù có nhiều nỗ lực, cố gắng của toàn Đảng bộ và nhân dân, nhưng vẫn chưa thoát khỏi được những dấu hiệu trì trệ của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Đây cũng chính là những yêu cầu cấp thiết đặt ra cho Đảng bộ Lạng Giang nhiệm kỳ tiếp theo phải nỗ lực vượt qua.

(7) Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang cùng cả nước bước sang thời kỳ mới- lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng (1986- 1995)?

CHƯƠNG VII. ĐẢNG BỘ LẠNG GIANG CÙNG CẢ NƯỚC BƯỚC SANG THỜI KÌ MỚI- LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN CỦA ĐẢNG (1986- 1995)

I. QUÁN TRIỆT VÀ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 1990)

1. Từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế

Sau 10 năm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội (1976-1985), kinh tế xã hội cả nước đạt được những thành tựu quan trọng, tuy nhiên còn không ít khó khăn. Nền kinh tế lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, đời sống nhân dân khó khăn thiếu thốn... Trước tình hình trên, tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã họp, chỉ rõ nguyên nhân, ưu khuyết điểm và đề ra đường lối đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội, xác định những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn nhằm ổn định tình hình, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Đường lối đổi mới của Đảng đã mở ra bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Quán triệt tinh thần đổi mới toàn diện của Đảng. Tháng 9-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIV đã họp. Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt là thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Coi đây là chiến lược để phát triển nền kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Cùng cố quan hệ sản xuất, tích cực ứng dụng khoa học-kỹ thuật vào sản xuất... ổn định tình hình chính trị, kinh tế-xã hội, làm cơ sở vững chắc cho bước phát triển tiếp theo.

*** Lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội**

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế: Huyện uỷ coi trọng đổi mới cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp, lãnh đạo công tác củng cố quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, thực hiện khoán sản phẩm theo đơn giá, khuyến khích kinh tế hộ gia đình; kiện toàn tổ chức, số cán bộ trong ban quản lý hợp tác xã giảm 30 - 40%, thu nhập xã viên tăng lên, chế độ bao cấp dần được xoá bỏ.

Sản xuất nông nghiệp: do tình hình thời tiết phức tạp, ngay từ vụ đông-xuân 1986-1987, Huyện tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành, các hợp tác xã kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, tập trung lãnh đạo ba chương trình kinh tế lớn. Năm 1988, huyện ra chủ chương phá thế độc canh, tăng cường thâm canh, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học-kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ đó sản xuất được giữ vững và đẩy mạnh. Năm 1986, năng suất lúa đạt 27,85 tạ/ha; đến năm 1988, toàn huyện phấn đấu đạt sản lượng lương thực do Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV đề ra là 50.000 tấn.

Về lâm nghiệp: huyện quan tâm đẩy mạnh công tác trồng, bảo vệ và chăm sóc rừng, thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng. Từ 1985-1986, huyện hoàn thành phủ xanh đất trống đồi trọc, Năm 1987, diện tích trồng rừng được giữ vững, trồng mới thêm 238 ha rừng. Năm 1988, toàn huyện có 2.386 hộ xã viên nhận khoán 1.767 ha rừng và đất rừng.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: tập trung khắc phục khó khăn về thiếu vật tư, nguyên liệu, giá cả thị trường biến động trong sản xuất hàng tiêu dùng, đề ra phương án phát triển sản xuất... Năm 1986, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 34,86 triệu đồng, tăng 12,1% so với năm 1985.

Giao thông-thuỷ lợi được quan tâm phát triển với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện đầu tư vốn, vận động nhân dân tham gia làm đường giao thông nông thôn, xây dựng công trình thuỷ lợi như trạm bơm điện tiêu nước Dương Đức, Văn Sơn... Tạo điều kiện cho sản xuất phát triển và giao lưu kinh tế, văn hoá.

Sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu: với các biện pháp tích cực tìm kiếm thị trường, liên doanh, liên kết với nhiều đối tác, tranh thủ thời điểm thu mua...Giá trị thu mua hàng xuất khẩu năm 1987 đạt 28 triệu đồng, năm 1988 đạt gần 100 triệu đồng...

Việc thực hiện chương trình lương thực, thực phẩm đạt khá, vượt chỉ tiêu đề ra; nhưng ngành thương nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá cả. Kết quả thực hiện các chương trình hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu còn hạn chế.

2. Quán triệt ba chương trình kinh tế lớn phù hợp với đặc điểm địa phương

Để thực hiện thành công ba chương trình kinh tế lớn, cụ thể hoá những chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước vào tình hình thực tế địa phương trong việc xác định cơ cấu kinh tế hợp lý. Tháng 11-1988, Đại hội Đảng bộ lần thứ XV họp, kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XIV, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho nhiệm kỳ mới.

Đại hội chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm cần khắc phục, đề ra phương hướng nhiệm vụ tổng quát cho hai năm 1989-1990: thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế lớn, trước hết cần giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, nông sản xuất khẩu...Ổn định và bước đầu cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quan hệ sản xuất.

*** Kết quả thực hiện**

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: nhằm tiếp tục giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, nông sản xuất khẩu. Huyện tăng cường đầu tư công tác thuỷ lợi, đẩy mạnh áp dụng khoa học-kỹ thuật, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng vật nuôi và thực hiện khoán sản phẩm; đồng thời tăng cường dịch vụ sản xuất. Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp, sản xuất nông nghiệp đạt được những kết quả quan trọng. Năm 1989, năng suất lúa bình quân đạt 33,44 tạ/ha, là năm có sản lượng cao nhất so với nhiều năm trước; đến năm 1990, sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 51.000 tấn.

Cây công nghiệp ngắn ngày như đậu tương, thuốc lá được chú ý phát triển. Năm 1989 trồng được 1.180 ha, đến 1990 cây đậu tương tăng 4% so với kế hoạch, cây thuốc lá tăng 10% so với năm 1989.

Chăn nuôi có bước phát triển rõ rệt, đàn trâu bò, lợn và gia cầm tăng đều đặn hàng năm. Năm 1989, tổng đàn lợn là 58.941 con, đàn trâu 14.191 con, bò là 3.479 con. Đến năm 1990, tổng đàn lợn là 61.731 con, đàn trâu bò là 19.429 con.

Phong trào làm kinh tế gia đình được đẩy mạnh. Năm 1990, toàn huyện có 18.224 hộ làm kinh tế gia đình giỏi, góp phần tăng sản phẩm hàng hóa cho xã hội và thu nhập cho người lao động.

Sản xuất lâm nghiệp có nhiều đổi mới trong quản lý, đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Ngành lâm nghiệp còn chú trọng khai thác gỗ, củi phục vụ sản xuất và đời sống. Việc giao đất giao rừng cho từng hộ xã viên quản lý kinh doanh phát huy hiệu quả. Năm 1990, có thêm 1.500 hộ nhận khoán đất với diện tích 1.500 ha.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từng bước khắc phục được khó khăn, bắt đầu vươn lên sản xuất kinh doanh có lãi, tạo ra hàng hoá phong phú, đa dạng. Năm 1989, giá trị sản lượng đạt 123,5 triệu đồng, 1990 đạt 43 triệu đồng (sau đổi tiền). Bên cạnh đó vẫn

còn một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, sản xuất không ổn định, đời sống cán bộ công nhân gặp nhiều khó khăn.

Thương nghiệp-dịch vụ được mở rộng và phát triển, hàng hoá phong phú, đa dạng góp phần ổn định giá cả, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Hàng xuất khẩu: tuy gặp nhiều khó khăn về sản xuất, thị trường tiêu thụ, giá cả song vẫn đạt kết quả nhất định. Năm 1989, tổng giá trị thu nhập đạt 200.000 đô la; năm 1990, đạt khoảng 80.000 đô la, chủ yếu ớt, tỏi khô, lạc nhân, khoai tây...

Về giáo dục-đào tạo: huyện đầu tư trên 10 triệu đồng xây dựng, sửa chữa, làm mới trường học, bàn ghế phục vụ việc dạy và học. Phong trào thi đua dạy tốt học tốt được đẩy mạnh, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt từ 69 %-78%. Phong trào bỏ túc văn hóa và công tác xóa mù chữ tiếp tục được duy trì.

Công tác y tế, khám chữa bệnh: huyện quan tâm tổ chức công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; công tác dân số kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tích cực, giảm tỷ lệ tăng dân số.

Huyện uỷ còn quan tâm chỉ đạo công tác văn hoá, văn nghệ; thể dục, thể thao; thông tin tuyên truyền; công tác thương binh xã hội, quốc phòng an ninh, Đặc biệt là công tác xây dựng Đảng, chính quyền...Góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế-xã hội phát triển, giữ vững an ninh trật tự xã hội, nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp chính quyền. Tạo điều kiện thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng.

II. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, QUẢN TRIỆT CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG (1991-1995)

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng với tinh thần tiếp tục đổi mới. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI (10-1991) đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ 5 năm (1991-1995): Xác định cơ cấu kinh tế của huyện là Nông nghiệp-Lâm nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp-Dịch vụ với mục tiêu tổng quát "...Phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, tạo tiền đề đẩy nhanh sự phát triển trong giai đoạn tiếp theo".

Đại hội đề ra 5 mục tiêu cụ thể cho kế hoạch 5 năm 1991-1995.

(1) Xây dựng cơ cấu nông-lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kết hợp kinh tế gia đình là chủ yếu, phát triển kinh tế nhiều thành phần...Đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản, thực phẩm...(2) Khai thác triệt để nguồn thu, đảm bảo các nhu cầu chi tiêu phát triển sản xuất và cải thiện đời sống...(3) Tích cực giải quyết việc làm cho người lao động, phấn đấu giảm tỷ lệ tăng dân số đến năm 1995 còn dưới 2%. (4) Ổn định và cải thiện một bước đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân...từng bước nâng cao dân trí, thanh toán nạn mù chữ, thực hiện phổ cập cấp I trong toàn huyện...(5) Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đoàn kết bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo, làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội...

*** Lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội**

Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp: các hợp tác xã nông nghiệp chuyển phương thức hoạt động sang phục vụ sản xuất nông nghiệp và chuyển

giao khoa học-kỹ thuật. Bộ máy quản lý hợp tác xã gọn nhẹ, giảm 84% số các bộ so với trước; các hội nghề nghiệp được lập ra ở nhiều nơi.

Trong nông nghiệp: Huyện ủy chỉ đạo sản xuất theo hướng đẩy mạnh thâm canh, chuyên canh, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, kết hợp với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích lương thực, giao ruộng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân. Trong 5 năm (1991-1995) sản lượng lương thực bình quân là 58.000 tấn/năm; đến năm 1995 đạt 62.409 tấn, là năm có sản lượng lương thực cao vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVI đề ra 2.409 tấn. Bình quân đầu người đạt từ 320 đến 337 kg, tăng 30 kg so với năm 1990.

Phong trào V.A.C phát triển rộng khắp, chăn nuôi gia súc gia cầm được đẩy mạnh. Một số giống cây, giống con có giá trị kinh tế cao được đưa vào mở rộng và phát triển như nuôi cá lồng bè, Sind hoá đàn bò, trồng cam quýt, trồng dâu nuôi tằm...

Việc sắp xếp và củng cố các đơn vị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp quốc doanh: các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, giảm bớt các khâu trung gian, gọn nhẹ bộ máy quản lý. Hiện tượng quan liêu, bệnh thành tích được đấu tranh. Quy mô sản xuất được mở rộng, phù hợp với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

Hoạt động thương mại-dịch vụ phát triển cả về số lượng, chủng loại hàng hoá, chất lượng dịch vụ. Các loại hình dịch vụ sản xuất nông nghiệp như dịch vụ khuyến nông về giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ thực vật, thú y, vật tư kỹ thuật...phát triển mạnh.

Hoạt động tài chính, ngân hàng, kho bạc chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, huy động và cho vay vốn. Tổng số vốn cho vay trong 4 năm (1992-1995) là 67.382 triệu đồng, trong đó cho 9.489 lượt hộ sản xuất vay với tổng số vốn 58.855 triệu đồng; tăng 6,6 lần về doanh số so với năm 1991, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất phát triển.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình trong 5 năm (1991-1995) đạt 6,49%. Cơ cấu kinh tế từng bước có sự chuyển dịch: Nông-lâm nghiệp 79,8%, tiểu thủ công nghiệp-xây dựng cơ bản 9%, thương nghiệp-dịch vụ 11,2%.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, trong 5 năm (1991-1995) đầu tư gần 15 tỷ đồng xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, điện nông thôn...

Công tác thủy lợi: tập trung đào đắp, gia cố tuyến đê trung ương và địa phương quản lý, củng cố nâng cấp kênh mương cấp 2, 3 thuộc hệ thống thủy nông Cầu Sơn và các trạm tiêu nước đầu mối. Nhiều trạm bơm mới được xây dựng, năm 1991 xây mới 9 trạm bơm điện cho 5 xã Dương Đức, Quang Thịnh, Đại Lâm, Dĩnh Trì, Phi Mô.

Giáo dục-đào tạo: từng bước vượt qua khó khăn, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên; công tác xã hội hóa giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh. Hiện tượng tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục được chấn chỉnh. Tỷ lệ tăng dân số giảm: năm 1995 là 1,35% giảm 0,59% so với năm 1990. Huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nếp sống văn hoá, làng văn hoá, ngăn chặn và phê phán các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Trật tự an ninh-xã hội được giữ vững. Kết quả: Toàn huyện đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, thiếu lương thực triền miên trước đây. Hoạt động của các cấp chính quyền, đoàn thể có bước chuyển biến mạnh mẽ, tích cực.

(8) Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996- 2000)?

CHƯƠNG VIII. TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2000)

I. ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI THEO HƯỚNG HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kinh tế huyện tăng trưởng khá, nhất là sản xuất lương thực thực phẩm. Các thành phần kinh tế bắt đầu hình thành và phát triển. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành, bộ mặt nông thôn từng bước được đổi mới.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội. Tháng 1-1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII được tổ chức. Đề ra phương hướng và mục tiêu kinh tế - xã hội thời kì 1996-2000 “...Khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng phát triển sản xuất, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; thực hiện công bằng xã hội, xây dựng nếp sống mới, con người mới đi đôi với giải quyết việc làm cho người lao động...”.

*** Kết quả thực hiện**

Trong lĩnh vực kinh tế: Nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp, Huyện ủy quan tâm lãnh đạo công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá, mục tiêu là sản xuất hàng hoá, tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội.

Sau quá trình thực hiện, các vùng sản xuất chuyên canh hình thành: 8 xã phía Bắc huyện trồng thuốc lá, vùng trồng cây ăn quả và vành đai thực phẩm ở các xã ven sông Thương. Đến hết tháng 6-1999, toàn huyện chuyển dịch cơ cấu kinh tế được 2.263,93 ha. Đến năm 2000, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế cơ bản đạt kết quả tốt, toàn huyện có 712 trang trại. Tính chung, diện tích vùng cao đã chuyển dịch được 2.439 ha, đất bãi là 399.5 ha, đất vườn tạp là 1.103 ha. Các giống cây mới cho năng suất cao được đưa vào sản xuất góp phần nâng cao sản lượng lương thực. Năng suất lúa từ 35,45 tạ/ha (1996) tăng lên 42 tạ/ha (2000). Giá trị sản xuất tăng trung bình 4%/năm; từ 247 tỷ đồng năm 1996 lên 288 tỷ đồng năm 2000. Chăn nuôi phát triển mạnh, chuyển dần sang sản xuất hàng hoá. Nhiều mô hình chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp xuất hiện ở Xuân Hương, Dĩnh Trì, Mỹ Thái...

Về lâm nghiệp: thực hiện chủ trương xanh hoá đồi núi trọc, thực hiện các dự án PAM, 327, CARE...Đồng thời phát động nhân dân trồng cây, coi trọng việc giao đất lâm nghiệp. Trong 5 năm (1996-2000), huyện đã giao 3,265 ha đất lâm nghiệp cho 8.271 hộ gia đình; góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển trang trại và phủ xanh đất trọc, đồi trọc...

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp từng bước được khôi phục, phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có sự gắn kết với sản xuất nông nghiệp; chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, lâm sản, dịch vụ vận tải...

Sản xuất công nghiệp có bước tiến quan trọng, hợp tác xã cơ khí 2-9 chuyển đổi hoạt động theo mô hình hợp tác xã cổ phần; sản xuất kinh doanh của hợp tác xã ngày càng hiệu quả; năm 1995 doanh thu từ 450 triệu đồng tăng lên 1,2 tỷ đồng năm 2000.

Hoạt động thương mại-dịch vụ: thương nghiệp quốc doanh từng bước thích nghi với cơ chế thị trường, thương nghiệp ngoài quốc doanh tiếp tục phát triển, đảm bảo cung ứng một số mặt hàng chủ yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Năm 2000, tổng doanh thu thương mại ước đạt 43 tỷ đồng, tăng gấp 2,3 lần so với năm 1996.

Hoạt động tài chính, tín dụng, ngân hàng có nhiều đổi mới, công tác điều hành quản lý ngân sách được tiến hành theo hướng tăng các nguồn thu, tiết kiệm chi hành chính, tăng tỷ lệ đầu tư cho phát triển. Tổng thu ngân sách hàng năm đều đặn và có chiều hướng tăng; năm 1997 thu 10.083 tỷ đồng, đến năm 1999 là 11.719 tỷ đồng, năm 2000 đạt 14.080 tỷ đồng.

Trong xây dựng cơ bản: Huyện ủy tập trung chỉ đạo có trọng tâm với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trong 5 năm (1996-2000) tổng số vốn đầu tư là 46,2 tỷ đồng; 100% các xã, thị trấn có trạm y tế, 21/25 xã, thị trấn có trường học cao tầng, 90% số hộ dân có điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

Trong giao thông-thủy lợi: tập trung hoàn thành hệ thống kênh mương, sửa chữa cầu cống, các trạm bơm tưới tiêu cho đồng ruộng; kiên cố hóa kênh mương kết hợp với tu bổ, nâng cấp, làm đường giao thông nông thôn với phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Trong 5 năm, các xã đã làm được hàng chục kilômét đường bê tông. Riêng năm 2000, toàn huyện đã cứng hóa được 12 km đường giao thông nông thôn, đạt 108% kế hoạch.

Trong lĩnh vực văn hoá - giáo dục- y tế: Giáo dục và đào tạo; tiếp tục có chuyển biến tích cực, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên. Ngày 10-2-1999, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết số 427-QH/HU về lãnh đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) hoàn thành vào năm 2001. Toàn huyện có 25 trường mầm non, 27 trường tiểu học, 26 trường THCS, 2 trường trung học phổ thông...Công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ giáo viên được tổ chức thường xuyên.

Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và công tác kế hoạch hoá gia đình có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế được củng cố, kiện toàn và phát triển, đội ngũ y bác sĩ được bổ sung. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường. Tỷ lệ sinh giảm từ 1,56% năm 1996 xuống còn 1,32% năm 2000.

Công tác xây dựng đời sống văn hoá cơ sở: Đảng bộ xác định trọng tâm là xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển toàn diện có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc đổi mới làng xã và toàn huyện. Đến năm 2000, có 100% thôn, khu phố xây dựng triển khai quy ước làng văn hoá; 80 thôn, khu phố được công nhận làng văn hoá, các di tích lịch sử, văn hoá được tu bổ, tôn tạo. Hoạt động thể dục, thể thao được xã hội hoá, nhiều câu lạc bộ được hình thành như cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, cờ tướng...

Công tác thông tin, truyền thanh: thực hiện Chỉ thị số 02 (ngày 03-12-1991) của Huyện ủy về việc “Củng cố sự nghiệp tuyên truyền từ huyện đến cơ sở”. Mạng lưới đài truyền

thanh của huyện và cơ sở được củng cố và phát triển. Đến năm 2000, 16/25 xã, thị trấn có mạng lưới đài truyền thanh, tăng 8 đài so với thời kỳ 1991-1995. Chất lượng tin, bài và thời lượng phát sóng được nâng lên. Phục vụ đắc lực cho công tác phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

Việc thực hiện các chính sách xã hội như xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa luôn được chính quyền và các đoàn thể quan tâm thực hiện tốt.

Về quốc phòng-an ninh: Được chú trọng chỉ đạo, công an huyện tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo duy trì phong trào quần chúng bảo vệ Tổ quốc, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ở các cụm dân cư; đấu tranh chống các loại tội phạm xã hội.

Quản trị và thực hiện nghiêm túc quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ đảng viên, quần chúng nhân dân, lực lượng vũ trang về âm mưu “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Các cấp ủy Đảng và chính quyền các xã xây dựng củng cố các lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên, công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự. Bước đầu thực hiện 2 pháp lệnh về dân quân tự vệ và dự bị động viên. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân được quan tâm, nhiều xã đã có tủ sách pháp luật.

II. XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU THỜI KÌ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ

Huyện ủy tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương VI (Lần 2): về xây dựng chính đốn Đảng trong đó coi trọng công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức cán bộ.

Giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên và nhân dân.

Công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng: kịp thời củng cố, chấn chỉnh những đơn vị yếu kém, nội bộ có biểu hiện thiếu đoàn kết. Chất lượng cơ sở Đảng có chuyển biến rõ rệt. Năm 1995, có 37/70 chi, đảng bộ được công nhận trong sạch vững mạnh; đến năm 1999 là 51/71 chi, đảng bộ được công nhận trong sạch vững mạnh. Công tác phát triển Đảng được coi trọng. Trong 5 năm, Đảng bộ đã kết nạp được 864 đảng viên. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cùng công tác kiểm tra các cấp ủy từ huyện đến cơ sở được tiến hành thường xuyên.

2. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện

Công tác xây dựng chính quyền được quan tâm nhằm phát huy dân chủ, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân dân chủ hơn, việc chất vấn, trả lời chất vấn tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân được thực hiện nghiêm túc. Việc tiếp xúc cử tri tiến hành có nề nếp. Luôn quan tâm bồi dưỡng năng lực quản lý và phẩm chất cách mạng cho người đứng đầu các cơ quan chính quyền nhằm phát huy tốt trách nhiệm điều hành công việc của địa phương.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của chính quyền cơ sở (Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn), nhất là vấn đề thi hành pháp luật, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Phát hiện xử lý kịp thời các hành vi cửa quyền, quan liêu. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục đẩy mạnh hoạt động: Huyện ủy tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng, củng cố các tổ chức đoàn thể cơ sở, chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở...

Trong những năm 1996-2000, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của huyện là 6,6%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỷ trọng các ngành nông lâm, thủy sản giảm; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng. Giá trị bình quân đầu người của các ngành kinh tế chủ yếu từ 1,81 triệu đồng (1996) tăng lên 2,51 triệu đồng (2000).

(9) Lãnh đạo thực hiện đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện (2001- 2010)?

CHƯƠNG IX. LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (2001-2010)

I. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, TIẾP TỤC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ HIỆN ĐẠI HOÁ (2001 - 2005)

Qua 15 năm đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang đạt bước phát triển mới, tiềm năng đất đai, nguồn nhân lực của địa phương tiếp tục được khai thác, cơ cấu kinh tế và kết cấu hạ tầng có bước phát triển. Bên cạnh tiềm năng, thế mạnh, Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang phải đối mặt với nhiều khó khăn, nền kinh tế chủ yếu vẫn là sản xuất nông, lâm nghiệp, các chỉ tiêu kinh tế so với bình quân đầu người còn thấp... Nhằm phát huy sức mạnh toàn dân, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tháng 11- 2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII được triệu tập.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát cho những năm 2001-2005 là phát huy truyền thống đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, tranh thủ thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn thách thức, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội.

Xác định những mục tiêu chủ yếu năm 2005 là: nhịp độ phát triển các ngành kinh tế chủ yếu hàng năm 7,5%, giá trị sản xuất nông lâm nghiệp tăng 5%/năm, thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng 14,4%. Tỷ trọng cơ cấu kinh tế đến năm 2005 là: nông lâm thủy sản 70%, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản 12%, thương mại-dịch vụ 18%...

*** Kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ nhiệm kỳ 2001-2005**

Nền kinh tế liên tục tăng trưởng khá, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 10,2%; trong đó nông lâm nghiệp, thủy sản tăng 5,45%, thương mại và dịch vụ tăng 18%. Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu năm 2005 đạt 1,243 tỷ đồng, tăng 290,4% so với năm 2000.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, bình quân thu nhập đầu người đạt 5,2 triệu đồng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: sản phẩm ngày càng đa dạng, phong phú, chất lượng tốt, có sức cạnh tranh trên thị trường.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp năm 2005 đạt 250 tỷ đồng (vượt 57,2% mục tiêu đề ra)

Một số cơ sở công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh có hiệu quả như công ty cổ phần Tân Xuyên, công ty Xi măng Hương Sơn... Huyện hoàn thành quy hoạch cụm công nghiệp tập trung tại xã Tân Dĩnh, Phi Mô và thị trấn Vôi với tổng diện tích 19 ha.

Nông nghiệp: Huyện ủy chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương V (khóa IX) đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chỉ đạo phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Các giống cây, giống con có năng suất và giá trị kinh tế cao được đưa vào sản xuất, công tác khuyến nông được đẩy mạnh; diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả ngày càng được mở rộng phục vụ công nghiệp chế biến. Năm 2005, tổng sản lượng lương thực đạt 86.594 tấn, bình quân lương thực trên đầu người đạt 441 kg/người/năm. Diện tích và năng suất ngô, đậu tương, lạc vượt chỉ tiêu, diện tích rau màu lương thực tăng. Huyện đã hình thành các vùng chuyên canh rau, màu tập trung ở các xã Thái Đào, Tân Hưng, Tiên Lục...

Chăn nuôi phát triển theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, chiếm tỷ trọng cao trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu chăn nuôi theo hướng giảm đàn trâu, tăng đàn bò, lợn và gia cầm. Đến năm 2005, tổng đàn trâu, bò 26.000 con, đàn lợn 150.000 con, đàn gia cầm 1.500.000 con. Nuôi trồng thủy sản phát triển, năm 2005 tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản là 900 ha, tổng sản lượng đạt 3.260 tấn tăng 4 lần so với năm 2000. nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản hình thành như nuôi con đặc sản, lúa-cá kết hợp...

Trong sản xuất lâm nghiệp: toàn huyện trồng được 400.000 cây phân tán; 115 ha rừng tập trung, tiếp tục phủ xanh đất trống, đồi trọc.

Công tác dồn điền đổi thửa được chú trọng, đến năm 2005 hoàn thành công tác dồn điền đổi thửa.

Thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng, phong phú. Thị trường dịch vụ phát triển đảm bảo các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống.

Hoạt động xuất khẩu có bước phục hồi, tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 2,6 triệu USD.

Hệ thống thông tin, liên lạc phát triển mạnh. Năm 2005, 100% các xã, thị trấn được trang bị điện thoại, xây dựng bưu cục và điểm bưu điện văn hoá xã, đảm bảo thông tin thông suốt.

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có bước phát triển mới, các thành phần kinh tế được khuyến khích phát triển, đến năm 2005, toàn huyện có 29 doanh nghiệp, 30 hợp tác xã, 4 quỹ tín dụng nhân dân...

Xây dựng cơ bản được đẩy mạnh, tổng số vốn đầu tư trong 5 năm (2001-2005) đạt 141 tỷ đồng. Phong trào làm đường giao thông nông thôn, cứng hoá kênh mương tiếp tục được đầu tư phát triển. Đến năm 2005, toàn huyện cứng hoá được 324,82 km đường giao thông nông thôn với kinh phí đạt 46,68 tỷ đồng; 60 km kênh mương với tổng kinh phí

đạt trên 10 tỷ đồng, Các đơn vị có phong trào mạnh là Tân Hưng, Tân Dĩnh, Mỹ Hà, Thái Đào...

Về giáo dục: năm 2000 toàn huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, năm 2003 đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở. Ngoài ra, Huyện uỷ còn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, công tác văn hoá, thông tin, thể thao, công tác giải quyết việc làm cho người lao động, công tác quốc phòng-an ninh. Chú trọng hơn đến công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc...Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân.

II. NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN (2006-2010)

Sau gần 20 năm đổi mới, Lạng Giang đạt được những thành tựu to lớn, kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, Xây dựng cơ bản và thương mại dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông-lâm nghiệp...cơ sở vật chất-kỹ thuật, kết cấu hạ tầng-xã hội tiếp tục tăng cường. Sự nghiệp giáo dục, văn hoá xã hội có chuyển biến tiến bộ...Bên cạnh đó, Lạng Giang phải đối mặt với nhiều khó khăn đó là sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hoá chưa cao, nguồn nhân lực dồi dào nhưng phần lớn chưa được đào tạo, trình độ đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập...chưa đáp ứng được yêu cầu mới.

Trước tình hình đó, tháng 10-2005, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX đã họp. Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp phát triển của huyện trong những năm 2006-2010 là: "...Phát triển nội lực, thu hút nguồn đầu tư từ bên ngoài, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó chú trọng phát triển công nghiệp - thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn...". Và hoạch định những mục tiêu trên các lĩnh vực chủ yếu.

*** Kết quả thực hiện**

Kinh tế huyện có bước chuyển biến tích cực, đã cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm đạt 13,5%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, giảm dần tỷ trọng nông-lâm-ngư nghiệp.

Đảng bộ tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất hàng hoá và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh ứng dụng khoa học-kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, từng bước hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá. Hình thành một số mô hình sản xuất có hiệu quả như cà chua bi ở Quang Thịnh, rau sạch ở Thái Đào,...Góp phần đưa giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 39 triệu đồng/ha.

Triển khai có hiệu quả một số dự án như dự án nuôi cá thâm canh, Zêbu hoá cải tạo đàn bò, mở rộng diện tích lúa lai...

Năng suất lúa bình quân đạt 53,3 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 439 kg/người/năm.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp và chiếm tỉ trọng cao trong sản xuất công nghiệp.

Tiếp tục thực hiện chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá, huyện hỗ trợ các mô hình điểm về sản xuất nông nghiệp như Ba giảm ba tăng, trồng nấm ăn trong nhà lưới. Kết quả, năng suất cây trồng đều tăng so với phương pháp thông thường từ 20%-25%.

Công tác quản lý và bảo vệ môi trường được thực hiện đạt kết quả quan trọng, có 24/24 xã, thị trấn thành lập tổ tự quản về vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải...

Công tác thủy lợi và quản lý hợp tác xã: huyện chỉ đạo việc nạo vét kênh mương nội đồng, cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất; tu bổ đê, bờ vùng ở các xã Dương Đức, Tiên Lục, Xuân Hương... và duy trì công tác thường trực phòng chống lụt bão...Tổ chức kiểm tra các hợp tác xã nông nghiệp.

Công tác trồng và bảo vệ rừng tiếp tục được đẩy mạnh; thực hiện giao khoán, khoán nuôi, bảo vệ rừng tái sinh....

Huyện ủy tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị phục vụ phát triển kinh tế-xã hội. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy nội lực, tranh thủ huy động nguồn vốn, sự giúp đỡ của tỉnh, Trung ương và các nguồn vốn khác để đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Tập trung quy hoạch, phát triển thị trấn Vôi, Kép, các thị tứ khác trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, thương mại, dịch vụ.

Hỗ trợ 20% kinh phí kiên cố hoá trường lớp học, cứng hoá đường giao thông nông thôn, 60% kinh phí kiên cố hoá kênh mương... Phong trào làm đường giao thông nông thôn tiếp tục được đẩy mạnh với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Hoạt động tài chính, tiền tệ và thương mại-dịch vụ: đẩy mạnh các biện pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách...Tổng thu ngân sách trên địa bàn 5 năm đạt 384 tỷ đồng.

Thương mại-dịch vụ tiếp tục phát triển: hàng hoá ngày càng đa dạng, phong phú đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống.

Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển lĩnh vực văn hoá xã hội: đẩy mạnh phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Lãnh đạo phát triển văn hoá, thông tin, thể thao: thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” và phong trào “Toàn dân rèn luyện thể thao theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh.” một cách thiết thực. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội có chuyển biến, các hủ tục lạc hậu từng bước được đẩy lùi.

Đi đôi với tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội. Đảng bộ còn đặc biệt chú trọng tới việc nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân; chính sách xã hội, lao động việc làm; giữ vững an ninh quốc phòng, bảo đảm ổn định chính trị trật tự trị an; xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Qua 25 năm đổi mới (1986-2010), Đảng bộ và nhân dân Lạng Giang đạt được nhiều thành tựu to lớn. Từ một huyện kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, tình trạng thiếu lương thực trầm trọng và phổ biến, công nghiệp kém phát triển. Cơ cấu kinh tế Lạng Giang từng bước chuyển dịch hợp lý, thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Lạng Giang trở thành một địa phương trọng điểm của tỉnh. Đạt được những thành tựu to lớn trên là do Đảng bộ Lạng Giang đã thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

Quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng vào tình hình thực tế địa phương để đề ra chủ trương, biện pháp thích hợp, có hiệu quả.

Chăm lo xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng.

Phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất, yêu nước và cách mạng của cán bộ, Đảng viên và nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp xây dựng quê hương.

Chú trọng công tác vận động quần chúng, đẩy mạnh các phong trào quần chúng thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị.

(10) Kết quả nổi bật trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Lạng Giang giai đoạn từ năm 2010 đến nay?

Trích kết quả nổi bật trong: BÁO CÁO CHÍNH TRỊ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẠNG GIANG LẦN THỨ XXI NHIỆM KỲ 2015-2020.

Phần thứ nhất: Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ XX nhiệm kỳ 2010- 2015

I- Kinh tế của huyện tăng trưởng với tốc độ khá, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã cụ thể hoá tinh thần Nghị quyết thành 5 chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của huyện và các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để triển khai thực hiện, kết quả đạt được khá toàn diện. Kinh tế của huyện liên tục tăng trưởng khá; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu đạt 16,5% (vượt 2,5% MTĐH), trong đó nông- lâm nghiệp và thủy sản tăng 6% (vượt 0,5% MTĐH); công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng 23,3% (vượt 1,3% MTĐH); thương mại, dịch vụ tăng 22,5% (đạt MTĐH). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông- lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 37,5% năm 2010 xuống còn 26,5%, đạt MTĐH; công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và xây dựng tăng từ 31,5% lên 36,5%, vượt 0,5% MTĐH; thương mại, dịch vụ tăng từ 31% lên 37%, đạt MTĐH. Thu nhập bình quân đầu người đạt 29,5 triệu đồng/người, tăng 8,5 triệu đồng so với MTĐH;

đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cụ thể trên một số lĩnh vực kinh tế trọng tâm như sau:

1- Đầu tư trên địa bàn tăng nhanh; giá trị sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp tiếp tục tăng trưởng khá; các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp tục phát triển

Với các biện pháp chỉ đạo tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính; các thủ tục về đầu tư được thực hiện nhanh, gọn, nhất là các thủ tục về giao đất, cho thuê đất; quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Triển khai cho 150 lượt doanh nghiệp và trên 6.000 lượt hộ sản xuất kinh doanh vay hơn 700 tỷ đồng đầu tư sản xuất kinh doanh; thực hiện giãn, giảm trên 680 triệu đồng tiền thuế cho các doanh nghiệp; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động, hỗ trợ đổi mới công nghệ, với tổng kinh phí thực hiện hơn 1,4 tỷ đồng. Hoàn thành quy hoạch chi tiết 02 cụm công nghiệp Đại Lâm và Nghĩa Hoà, với diện tích 80 ha; nâng tổng số cụm công nghiệp trên địa bàn huyện lên 5 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 133,2 ha. Đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, với kinh phí là 6,9 tỷ đồng. Do đó thu hút đầu tư vào địa bàn tăng nhanh, kết quả đã có 85 dự án đầu tư (tăng 62 dự án so với đầu nhiệm kỳ), với tổng số vốn đăng ký 1.892 tỷ đồng (số vốn đã thực hiện 1.016,5 tỷ đồng). Một số dự án có vốn đăng ký đầu tư lớn như: Xí nghiệp may Lạng Giang 300 tỷ đồng; Nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà: 80 tỷ đồng; Nhà máy in thêu và sản xuất thùng carton 46 tỷ đồng,... Đến nay, có 35 dự án đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho 4.472 lao động, đóng góp vào ngân sách nhà nước trên 16,5 tỷ đồng.

Trong nhiệm kỳ qua, có 134 doanh nghiệp được thành lập mới, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 295 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 1.350 tỷ đồng. Các doanh nghiệp đã tạo việc làm mới cho hơn 6.000 lao động, đưa tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn lên 10.500 lao động; thu nhập bình quân đạt 3,8 triệu đồng/tháng, tăng 1,8-2,3 triệu đồng so với đầu nhiệm kỳ. Các doanh nghiệp trên địa bàn đã đóng góp vào ngân sách nhà nước 98,4 tỷ đồng (tốc độ tăng bình quân qua các năm đạt 31,3%). Toàn huyện có trên 5.600 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút gần 27.500 lao động; 37 hợp tác xã (trong đó có 26 hợp tác xã nông nghiệp), 05 quỹ tín dụng nhân dân. Một số hợp tác xã nông nghiệp từng bước phát huy vai trò trong việc cung cấp dịch vụ lợi, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng giống, phân bón,... phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp đạt 2.058 tỷ đồng (giá hiện hành), tăng 292,3% so với đầu nhiệm kỳ (trong đó: Giá trị sản xuất khu vực ngoài quốc doanh là 2.020 tỷ đồng, chiếm 98% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị sản xuất khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 38 tỷ đồng, chiếm 2%); tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 23,4%.

2- Sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung có chuyển biến rõ nét

Thực hiện Chương trình sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung giai đoạn 2011- 2015, UBND huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch như:

Sản xuất nấm, sản xuất lúa chất lượng...; hỗ trợ giá giống; công tác phòng trừ dịch bệnh cho đàn vật nuôi; tổ chức các lớp tập huấn, với tổng số kinh phí trên 18 tỷ đồng. Tập trung khai thác tối đa những tiềm năng trong phát triển sản xuất nông nghiệp để hình thành vùng sản xuất rau chế biến tập trung tại các xã: Quang Thịnh, Hương Sơn, Tân Thịnh, Tân Hưng; cây thuốc lá tại các xã: Tân Thịnh, Nghĩa Hưng, Đào Mỹ; sản xuất nấm tại các xã: Tiên Lục, Tân Thanh, Tân Đình, Phi Mô; trồng hoa tại các xã: Thái Đào, Tân Đình; chăn nuôi bò tại các xã: Xuân Hương, Dương Đức, Mỹ Hà, Tiên Lục; nuôi thủy sản tại các xã vùng trũng: Thái Đào, Đại Lâm.

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 23.810 ha (giảm 3,5% so với năm 2010); trong đó diện tích trồng lúa 14.750 ha; năng suất lúa bình quân đạt 59 tạ/ha (tăng 5,4 tạ/ha so với năm 2010). Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 91.342 tấn, đạt 100,4% MTĐH; bình quân lương thực đầu người đạt 466,7 kg (tăng 6,3% so với năm 2010). Toàn huyện trồng được 635 ha rau chế biến, rau an toàn, bình quân doanh thu từ 165-170 triệu đồng/ha/vụ; sản xuất 5.300 tấn nguyên liệu nấm, doanh thu trên 30 tỷ đồng. Quan tâm chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân và lựa chọn đưa những giống cây, con có năng suất, chất lượng vào sản xuất, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; xây dựng nhãn hiệu tập thể nấm Lạng Giang. Triển khai thực hiện dồn đổi được 695 ha đất nông nghiệp và xây dựng được 07 cánh đồng mẫu.

Chăn nuôi phát triển theo hướng tăng đàn bò, đàn lợn và đàn gia cầm. Áp dụng mô hình chăn nuôi theo phương pháp an toàn sinh học ở một số xã như: Tân Thanh, Tân Hưng, Xuân Hương, Tiên Lục, Hương Sơn, Xương Lâm.... Tổng đàn trâu, bò đạt 34.500 con, tăng 4,5%, trong đó đàn bò chiếm 75,4%; đàn lợn 250.000 con, tăng 24,9%; đàn gia cầm 2.250.000 con, tăng 38,5% so với đầu nhiệm kỳ. Diện tích nuôi cá được duy trì ổn định với 1.150 ha (trong đó diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh là 833 ha); sản lượng thủy sản đạt 4.900 tấn.

Thường xuyên chỉ đạo trồng cây phân tán và thực hiện tốt việc chăm sóc 1.116 ha rừng trồng, rừng tái sinh tự nhiên trên địa bàn. Nhiệm kỳ qua đã trồng được trên 645.000 cây phân tán; phát hiện, xử lý kịp thời các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

Giá trị ngành nông nghiệp đạt trên 2.500 tỷ đồng, trong đó giá trị ngành chăn nuôi chiếm 53,4%. Giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đất canh tác đạt 79 triệu đồng/năm (vượt 12,8% MTĐH).

3- Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực

Tập trung cao chỉ đạo, tuyên truyền vận động người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng nông thôn mới; huy động và sử dụng các nguồn lực đảm bảo công khai, dân chủ và có hiệu quả. Tổng kinh phí đã đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện là 290,2 tỷ đồng (trong đó: Ngân sách trung ương, tỉnh là 49,5 tỷ đồng; ngân sách huyện: 73,3 tỷ đồng; ngân sách xã: 70 tỷ đồng; huy động nhân dân, doanh nghiệp đóng góp và các nguồn vốn khác: 97,4 tỷ đồng). Tuyên truyền, vận động nhân dân hiến được 23,6 ha đất để làm đường giao thông, xây dựng kênh mương và các công trình công cộng. Dự kiến đến hết năm 2015 có thêm 4 xã đạt tiêu chí xây dựng nông thôn mới (đạt 100% MTĐH); các xã còn lại đều đạt từ

7-14 tiêu chí. Bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới và văn minh hơn; cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp; hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý hơn, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; môi trường sinh thái được quan tâm bảo vệ; sự nghiệp giáo dục, công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân được nâng lên; an ninh trật tự được giữ vững; thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao.

4- Quản lý tài nguyên ngày càng đi vào nề nếp; công tác bảo vệ môi trường được quan tâm

Công tác quản lý nhà nước về đất đai được quan tâm chỉ đạo, với nhiều biện pháp quyết liệt nên tình hình quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực. Chỉ đạo hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) cho 23 xã, thị trấn. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, nhất là việc xử lý cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tồn đọng được quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tích cực. Toàn huyện đã cấp được 39.800 giấy cho các hộ gia đình, cá nhân; 355 giấy cho các tổ chức trên địa bàn. Chỉ đạo hoàn thành việc đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính ở 23/23 xã, thị trấn. Việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng sang giao đất ở, thực hiện các dự án đầu tư và xây dựng các công trình công cộng trên địa bàn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý các trường hợp vi phạm Luật Đất đai được thực hiện thường xuyên nên đã hạn chế tình trạng giao đất trái thẩm quyền, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch và các vi phạm khác.

Công tác quản lý về môi trường được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Toàn huyện có 03 hợp tác xã làm dịch vụ vệ sinh môi trường; 20/23 xã, thị trấn thành lập tổ, đội tự quản về vệ sinh môi trường hoạt động tại các khu dân cư để thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; 17/23 xã, thị trấn có bãi xử lý rác thải tập trung. Các hoạt động hưởng ứng bảo vệ môi trường hàng năm đều được quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho nhân dân và đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Công tác quản lý về tài nguyên khoáng sản được chú trọng, đã tổ chức quy hoạch 11 điểm sử dụng làm bãi chứa cát, sỏi ven sông; 47 khu vực đất đồi làm nguyên liệu san lấp mặt bằng; 12 khu vực khai thác sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các trường hợp khai thác khoáng sản, nhất là khai thác đất trái phép trên địa bàn.

5- Thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển

Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển mạnh và ngày càng đa dạng, phong phú; các doanh nghiệp và hộ gia đình kinh doanh dịch vụ thương mại có hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm và đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Thực hiện đạt kết quả Đề án phát triển Trung tâm thương mại và hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn huyện. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại thị trấn Vôi, Siêu thị thị trấn Vôi, Cửa hàng thương mại quốc tế, với tổng số vốn trên 196 tỷ đồng.

Quan tâm đầu tư phát triển hệ thống chợ nông thôn, đến nay đã cải tạo, nâng cấp và xây mới 07 chợ, với tổng kinh phí 16,2 tỷ đồng.

Công tác xúc tiến thương mại được quan tâm, tham gia Hội chợ hàng Việt khu vực Đông Bắc- Bắc Giang; tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị tổ chức 06 hội chợ kích cầu tiêu dùng trên địa bàn. Tích cực tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, qua đó đã góp phần nâng cao ý thức người tiêu dùng về ưu tiên mua sắm hàng Việt Nam. Công tác quản lý thị trường; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng được quan tâm chỉ đạo với nhiều biện pháp quyết liệt, đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 675 vụ vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính nộp ngân sách nhà nước trên 6 tỷ đồng.

Toàn huyện có trên 6.300 hộ kinh doanh thương mại dịch vụ và trên 1.500 phương tiện dịch vụ vận tải, đảm bảo cung ứng các loại hàng hoá, dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Hệ thống thông tin liên lạc phát triển mạnh mẽ, hầu hết các hộ gia đình đều sử dụng dịch vụ điện thoại, qua đó cơ bản đáp ứng được cầu thông tin liên lạc thuận tiện. Toàn huyện có 4.520 thuê bao internet; trung bình có 2,26 thuê bao internet/100 dân.

Các ngân hàng và quỹ tín dụng nhân dân hoạt động hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu vốn vay cho các doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn. Tốc độ tăng tổng lượng tiền huy động bình quân đạt 24,7%; tốc độ tăng dư nợ cho vay bình quân đạt 9,8 %. Tổng dư nợ cho vay trên 1.200 tỷ đồng.

Giá trị thương mại, dịch vụ đạt 4.270 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thương mại, dịch vụ đạt 25,7%; cơ cấu ngành thương mại, dịch vụ chiếm 38,3%, vượt 0,3% so với MTĐH. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 38 triệu USD, vượt 230% mục tiêu đại hội.

6- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm đều vượt kế hoạch; chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương

Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách, khai thác triệt để các nguồn thu trên địa bàn như: Thu tiền sử dụng đất, thu thuế ngoài quốc doanh, thu phí, lệ phí; hàng năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch tỉnh giao. Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong 5 năm đạt 780 tỷ đồng, tăng bình quân 23%/năm, tăng 203% so với nhiệm kỳ trước (trong đó thu từ tiền sử dụng đất: 386,8 tỷ đồng bằng 49% tổng thu ngân sách trên địa bàn). Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ theo quy định, thực hiện khoán chi, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí. Tổng chi ngân sách 2.477,7 tỷ đồng, (bình quân hàng năm tăng 8,2%) trong đó chi đầu tư phát triển là 283,9 tỷ đồng, chiếm 11,4%; chi xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn gần 40 tỷ đồng chiếm 1,6% trong tổng chi ngân sách hàng năm. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 31% tổng chi ngân sách hàng năm của huyện. Công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách được tiến hành nghiêm túc, góp phần tích cực trong việc quản lý ngân sách theo đúng quy định của pháp luật.

7- Huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy nội lực, tranh thủ huy động các nguồn vốn của cấp trên để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống điện, đường, trường học, trạm y tế, kênh mương,..., góp phần thúc đẩy kinh tế- xã hội phát triển. Tổng số vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2011- 2015 đạt 8.045 tỷ đồng, đạt 128,1% MTĐH; đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa và làm mới 360km đường giao thông, trong đó có một số tuyến đường huyện như: Đường Vôi- Xương Lâm- Đại Lâm, Vôi- An Hà- Đào Mỹ, Tân Dĩnh- Mỹ Hà; cứng hoá 46,5km kênh mương nội đồng,...; nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; đầu tư sửa chữa, nâng cấp 23 trạm y tế xã, thị trấn; xây dựng mới nhiều phòng học, phòng chức năng các trường học,...

Công tác quy hoạch đô thị từng bước được quan tâm chú trọng, đã hoàn thành quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi và quy hoạch chung thị trấn Kép và các vùng phụ cận. Việc chỉnh trang đô thị được quan tâm đầu tư, triển khai việc đặt tên đường, đánh số nhà tại thị trấn Vôi; lắp đặt hệ thống đèn đường từ thành phố Bắc Giang đi Cầu Lường- Quang Thịnh và các tuyến: Kép- Nghĩa Hòa, Vôi- Tân Hưng, Vôi- Phi Mô và tuyến nội thị thị trấn Kép, thị trấn Vôi, với kinh phí gần 20 tỷ đồng. Triển khai dự án công trình cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Yên Mỹ- thị trấn Vôi, với tổng mức đầu tư khoảng 56,8 tỷ đồng. Đến nay dân số đô thị khoảng hơn 9.600 người, đạt 5% dân số toàn huyện; tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96%; tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt khoảng 10%.

II- Các lĩnh vực văn hoá- xã hội tiếp tục có chuyển biến tiến bộ

1- Công tác giáo dục- đào tạo, dạy nghề được duy trì và nâng cao chất lượng, kết quả đạt được khá toàn diện

Công tác giáo dục- đào tạo và dạy nghề tiếp tục được cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Duy trì ổn định hệ thống trường, lớp, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn. Tăng cường đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia, kiên cố hoá trường, lớp học. Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên, chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì ổn định; luôn xếp ở tốp đầu của tỉnh tại các kỳ thi học sinh giỏi các cấp; kết quả xét, thi tốt nghiệp các cấp học và thi tuyển sinh vào lớp 10 đều cao hơn mặt bằng chung của tỉnh. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng liên tục qua các năm; đến nay đạt tỷ lệ 350 sinh viên/vạn dân, tăng 130 sinh viên so với đầu nhiệm kỳ. 100% cán bộ, giáo viên ở các ngành học, bậc học có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên. Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên chiếm 85,8%, tăng 7,5% so với đầu nhiệm kỳ. Hoàn thành phổ cập giáo dục THCS; là huyện đầu tiên trong tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2; có website riêng của ngành giáo dục và áp dụng công nghệ trực tuyến trong công tác quản lý, chỉ đạo. Hiện nay toàn huyện có 76 trường học và 01 Trung

tâm Giáo dục thường xuyên- Dạy nghề, với trên 55.000 học sinh. Toàn huyện có 60 trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm 81,1%, vượt 1,1% MTĐH; tỷ lệ phòng học kiên cố ngành học phổ thông đạt 95%, tăng 9,8% so với đầu nhiệm kỳ. Công tác xã hội hoá giáo dục đạt kết quả tích cực; các trung tâm học tập cộng đồng đã phát huy được vai trò của các tổ chức, cá nhân trong việc tham gia đóng góp cho giáo dục; sự phối hợp hoạt động giữa hội đồng giáo dục với hội khuyến học, hội cựu giáo chức được tăng cường, đã xuất hiện nhiều gia đình hiếu học, dòng họ hiếu học góp phần chăm lo, xây dựng, phát triển xã hội học tập.

Trên địa bàn hiện có 05 cơ sở đào tạo nghề, hàng năm có trên 5.500 lao động được đào tạo và bồi dưỡng nghề, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện lên 51,5%, vượt 11,5% MTĐH. Chất lượng đào tạo nghề cơ bản đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; sau khi tốt nghiệp, có trên 70% số học sinh được tạo điều kiện giải quyết việc làm.

2- Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân có bước cải thiện; công tác dân số- kế hoạch hoá gia đình được quan tâm chỉ đạo.

Chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân có bước nâng lên; hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh đáp ứng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Toàn huyện có 43 cơ sở khám, chữa bệnh (25 cơ sở Nhà nước và 18 cơ sở tư nhân); 107 cơ sở bán thuốc, trung bình có 5,35 điểm bán thuốc/vạn dân. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đạt 19,5 cán bộ y tế/vạn dân, tăng 1,48 cán bộ; 4,3 bác sỹ/vạn dân, tăng 0,3 bác sỹ; 13,25 giường bệnh/vạn dân, tăng 0,85 giường; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 72,13%, tăng 17,13% so với năm 2010. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác khám và chữa bệnh được quan tâm đầu tư: Tại Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm Y tế có trên 90% các khu nhà bệnh nhân, phòng làm việc được kiên cố hóa, trang bị máy móc, thiết bị y tế cơ bản đảm bảo cho công tác khám, chữa bệnh. Đầu tư trên 10 tỷ đồng để tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất các trạm y tế; 100% xã, thị trấn được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Công tác quản lý hành nghề y dược tư nhân và vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm chỉ đạo, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, đình chỉ đối với các cơ sở không đủ điều kiện hành nghề; thường xuyên chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch bệnh ở người, gia súc, gia cầm, kịp thời xử lý không để dịch bệnh lây lan.

Công tác truyền thông về dân số- kế hoạch hóa gia đình được duy trì thường xuyên; tỷ lệ phát triển dân số hàng năm duy trì ổn định ở mức 1%, đạt MTĐH. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiếm 15,8%, giảm 3,3% so với đầu nhiệm kỳ. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 73,5 tuổi, tăng 1,8 tuổi so với năm 2010.

3- Văn hoá, thông tin, thể thao có nhiều mặt phát triển, góp phần nâng cao sức khoẻ và cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân.

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển văn hoá, thông tin và thể thao gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất

nước. Đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên, nhiều giá trị văn hóa truyền thống vật thể và phi vật thể của dân tộc được bảo tồn, phát huy. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được nhân dân hưởng ứng, từng bước đi vào chiều sâu. Toàn huyện có 88% hộ gia đình văn hoá, đạt MTĐH; 70% làng văn hoá cấp huyện, đạt MTĐH; 5 xã được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới” và 01 thị trấn được công nhận “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, đạt MTĐH. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và văn hoá công sở được tập trung chỉ đạo; các hủ tục lạc hậu có mặt được đẩy lùi; 100% các thôn, khu phố xây dựng được hương ước thôn, khu phố văn hoá. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dành cho các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao được tăng cường, đã đầu tư xây dựng một số công trình cấp huyện phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, xây mới 07 nhà văn hoá cấp xã và 16 nhà văn hoá thôn, với tổng kinh phí trên 40 tỷ đồng. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc được quan tâm chỉ đạo; toàn huyện, có 237 di tích, trong đó có 98/237 cơ sở được cấp bằng công nhận di tích cấp Bộ, cấp tỉnh; một số loại hình nghệ thuật ca múa, nhạc, lễ hội được khôi phục; đã đầu tư tu bổ, cải tạo, chống xuống cấp đối với 50/98 di tích được xếp hạng, với tổng kinh phí trên 35 tỷ đồng.

Hệ thống đài truyền thanh từ huyện tới cơ sở được đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng, thời lượng phát sóng các tin, bài; đảm bảo thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì phát triển cả bề rộng và chiều sâu, toàn huyện có 35,5% dân số tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, tăng 3,5% so với đầu nhiệm kỳ; chất lượng các môn thể thao mũi nhọn tiếp tục được nâng lên như: Việt dã, cầu lông, bóng đá nữ (môn Việt dã 32/33 lần tham dự đoạt cúp vô địch, Bóng đá nữ 5/7 lần tham gia đoạt cúp vô địch). Triển khai tốt công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá- thể thao, góp phần xây dựng, củng cố các thiết chế văn hoá; đến nay 284/284 thôn, khu phố có địa điểm sinh hoạt văn hoá và 1.060 sân thể thao phổ thông, tăng 510 sân thể thao so với đầu nhiệm kỳ.

4- Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân.

Tình hình đời sống nhân dân được cải thiện, chất lượng cuộc sống của đại bộ phận nhân dân được nâng lên, không có hộ đói. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,8%, đạt MTĐH. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, phát triển kinh tế, đã hỗ trợ 685 hộ nghèo cải thiện nhà ở, với kinh phí gần 10 tỷ đồng; hỗ trợ 700 triệu đồng cho hộ nghèo phát triển kinh tế; hỗ trợ sách giáo khoa cho 1.621 học sinh nghèo vượt khó với tổng số tiền trên 450 triệu đồng. Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo, chăm sóc giúp đỡ người có công phát triển sâu rộng, kịp thời động viên thăm hỏi, trợ cấp các gia đình chính sách, đối tượng khó khăn trên địa bàn; hàng năm đều phủ kín quà Tết đến các hộ nghèo. Thực hiện cấp 93.582 thẻ BHYT cho người nghèo, người cao tuổi; miễn học phí cho 12.567 con hộ nghèo, với tổng số tiền gần 4,3 tỷ đồng.

Công tác giải quyết việc làm thực hiện có kết quả tích cực; trong 5 năm, toàn huyện tạo việc làm mới cho trên 18.190 lao động, vượt 21,3% MTĐH, trong đó có 3.315 lao động xuất khẩu có thời hạn ở nước ngoài, vượt 32,6% MTĐH. Tổng nguồn tiền đi xuất khẩu lao động gửi về nước hàng năm từ 150-180 tỷ đồng.

III- Tăng cường công tác quốc phòng- an ninh; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 08- NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) về “Chiến lược an ninh quốc gia” và Nghị quyết Trung ương 8 (khoá XI) về “Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; bổ sung hoàn chỉnh các phương án chiến đấu; tổ chức luyện tập, diễn tập sát với phương án chiến đấu. Thông qua diễn tập khu vực phòng thủ, chiến đấu trị an, phòng chống lụt bão đã góp phần nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cho lực lượng quân sự địa phương. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh; hoàn thành việc xây dựng quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ của huyện giai đoạn 2012- 2020, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng- an ninh. Tập trung xây dựng đảm bảo doanh trại chính quy "Xanh, sạch, đẹp". Thực hiện tốt công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và công tác tuyển quân. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho những người tham gia kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, giúp bạn Lào, Campuchia.

Chỉ đạo lực lượng công an chủ động đẩy mạnh các biện pháp phòng ngừa và tấn công trấn áp các loại tội phạm. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; nhất là công tác phối hợp giữa cơ quan, ban, ngành đoàn thể với ngành công an trong công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh, đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội,... tỷ lệ điều tra, giải quyết án đạt từ 70-80%, trong đó trọng án đạt 100%. Triển khai tốt việc nắm tình hình, tuyên truyền vận động và xử lý có hiệu quả các vụ việc truyền đạo trái phép trên địa bàn.

Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 88/2012/NQ-CP ngày 24/8/2012 của Chính phủ về tăng cường thực hiện các giải pháp trọng tâm đảm bảo trật tự an toàn giao thông; lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư thị trấn Vôi, thị trấn Kép và Cầu Lường. Do đó, tình hình tai nạn giao thông trong những năm qua cơ bản đã được kiềm chế và giảm cả 03 tiêu chí (số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương) so với những năm trước.

IV- Đẩy mạnh cải cách tư pháp; chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên

Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã tích cực triển khai thực hiện công tác cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49- NQ/TW; Nghị quyết số 08- NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá IX) về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”. Bộ máy các cơ quan tư pháp thường xuyên được củng cố kiện toàn, chất lượng hoạt động có nhiều chuyển biến; phương pháp làm việc được đổi mới theo hướng gần dân hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết công việc; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong quá trình điều

tra, truy tố, xét xử và thi hành các bản án đã có hiệu lực pháp luật; bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. không để oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo sát sao với nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt. Tăng cường công tác hoà giải ngay từ cơ sở, khi mới phát sinh; tổ chức đối thoại trực tiếp, tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc, công khai kết quả giải quyết với công dân; vận dụng linh hoạt quan điểm, chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách của Nhà nước để giải quyết; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nên cơ bản các khiếu nại, tố cáo của công dân được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật; hạn chế thấp nhất tình trạng khiếu kiện vượt cấp; không có “điểm nóng” về đơn thư; tỷ lệ giải quyết đơn cấp huyện đạt trên 96%; cấp cơ sở đạt trên 94%.

V- Nhận thức của các cấp, các ngành về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có chuyển biến tích cực

Do có sự tập trung tuyên truyền, quán triệt đến cán bộ, đảng viên, nhân dân và tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản, hướng dẫn; nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng được nâng lên. Hàng năm, huyện đã chỉ đạo nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo quy định. Đây mạnh cải cách hành chính theo hướng nâng cao tính minh bạch, công khai, đơn giản hoá các thủ tục hành chính; công khai, minh bạch trong phân bổ và sử dụng ngân sách; mua sắm và sử dụng tài sản; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý đất đai;... Tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nhất là trong các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng; phát hiện và xử lý nghiêm minh các vi phạm. Trong nhiệm kỳ qua cơ quan điều tra đã khởi tố 01 vụ, 03 bị can có hành vi tham nhũng với số tiền 496 triệu đồng.

Thực hiện khoán chi hành chính và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp; tiết kiệm chi thường xuyên. Các cơ quan Nhà nước và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đã thực hiện tiết kiệm chi theo đúng hướng dẫn của cấp trên; tiết kiệm trong việc tổ chức các hội nghị, tiếp khách, mua sắm trang thiết bị làm việc; tổ chức kỷ niệm các ngày truyền thống, ngày thành lập ngành, cơ quan, đơn vị..., kết quả 05 năm qua đã tiết kiệm được số tiền hơn 20 tỷ đồng. Đồng thời tích cực vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và văn minh nơi công sở.

VI- Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên

1- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tạo sự đồng thuận trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Đề án số 01- ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về "Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng trong tình hình mới".. Đổi mới, nâng cao chất lượng việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đảng

các cấp và Nghị quyết Đại hội XI của Đảng; các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI), của Tỉnh uỷ và của Huyện uỷ. Xây dựng kế hoạch cụ thể, sát tình hình thực tiễn; tập trung truyền đạt và thảo luận những nội dung trọng tâm; thành lập tổ công tác dự theo dõi; tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, thông báo công khai kết quả nhận xét đối với báo cáo viên và kết quả viết thu hoạch...; tỷ lệ đảng viên tham gia nghiên cứu, học tập trung bình đạt trên 97%.

Tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền; tập trung tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, truyền thống quê hương, đất nước, tình hình thế giới, khu vực và trong nước với nhiều hình thức, biện pháp cụ thể, hiệu quả như: thông qua các bản tin nội bộ, trên hệ thống báo, đài, băng tin, băngzôn... Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các cấp, các ngành nhằm khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI). Duy trì nghiêm túc chế độ thông tin định kỳ hàng tháng, quý cho đội ngũ báo cáo viên và đảng viên ở các chi, đảng bộ cơ sở; quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng bản tin nội bộ; làm tốt công tác nắm tình hình, định hướng dư luận xã hội, kịp thời giải quyết những vấn đề nổi cộm phát sinh... nên trước các biến động của tình hình thế giới, khu vực, đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo đúng kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên và chủ động, sáng tạo trong triển khai thực hiện. Thành lập bộ phận giúp việc cấp uỷ các cấp; triển khai nghiêm túc việc học tập các chuyên đề hàng năm, các hoạt động kỷ niệm 45 năm thực hiện Di chúc của Bác; đưa nội dung học tập và làm theo Bác vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể; thực hiện đạt kết quả 10.372 việc đăng ký tập trung giải quyết của tập thể và 88.843 việc làm theo của cá nhân; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; định kỳ tổ chức sơ, tổng kết, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo Bác... Bước đầu việc học tập và làm theo Bác đã đi vào một số lĩnh vực của đời sống xã hội, trở thành việc làm thường xuyên, có sức lan tỏa góp phần hạn chế tiêu cực trong xã hội; xuất hiện những tấm gương, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác.

2- Hệ thống tổ chức đảng tiếp tục được củng cố, phát triển; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu có chuyển biến tiến bộ

Tập trung chỉ đạo nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố, kiện toàn, phát triển tổ chức đảng, khắc phục mặt hạn chế, yếu kém, tạo chuyển biến tích cực về chất lượng. Kịp thời chỉ đạo củng cố, kiện toàn các chi, đảng bộ cơ sở; đã thành lập 02 đảng bộ cơ sở khối cơ quan; giải thể 02 chi bộ cơ sở, chuyển giao 06 tổ chức cơ sở đảng; thành lập 06 chi bộ cơ quan xã, 01 chi bộ trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Thực hiện nghiêm túc chế độ, nguyên tắc sinh hoạt đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, chi bộ; định kỳ tổ chức sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề; duy trì việc dự sinh hoạt đảng với cấp uỷ, chi bộ của các đồng chí Thường vụ Huyện uỷ, Huyện uỷ viên, cán bộ, chuyên viên các ban xây dựng Đảng, đoàn thể huyện.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI), các tập thể, cá nhân trong Đảng bộ huyện đã tiến hành kiểm điểm nghiêm túc, với tinh thần thẳng thắn, trách nhiệm và đề ra kế hoạch, giải pháp cụ thể để khắc phục các khuyết điểm, hạn chế. Việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đến nay đã đạt được kết quả tích cực; nhiều nội dung thực hiện có nền nếp, hiệu quả, như: Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; nghiên cứu, học tập quán triệt nghị quyết của Đảng; tinh thần tự phê bình và phê bình được nâng lên. Công tác tổ chức, cán bộ được chú trọng hơn và có chuyển biến mạnh mẽ, nhất là công tác quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ; phương thức lãnh đạo được đổi mới, phát huy vai trò của người đứng đầu. Những vấn đề phát sinh được quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời, nhất là những vấn đề liên quan đến lĩnh vực đất đai, tài chính, xây dựng cơ bản và các vụ việc phức tạp... Do đó kỷ cương, kỷ luật của Đảng được giữ vững; ý thức trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên; cấp ủy đảng, chính quyền tạo được niềm tin đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Hàng năm, Huyện ủy chỉ đạo nghiêm túc việc kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; phát huy tính tự giác, trung thực trong kiểm điểm; thẩm định chặt chẽ kết quả đánh giá, phân loại. Do đó kết quả đánh giá đã sát hơn với chất lượng thực chất của tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ lãnh đạo quản lý. Năm 2014 toàn huyện có 50% số chi, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém; 99,4% đảng viên xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Các đảng bộ nhiều năm liên tục đạt trong sạch vững mạnh như: Yên Mỹ, An Hà, thị trấn Vôi...

Công tác phát triển đảng viên luôn được các cấp ủy đảng thực hiện đạt kết quả. Huyện ủy đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu cụ thể về số lượng, cơ cấu, thời gian cho các cơ sở đảng thực hiện; thường xuyên chỉ đạo các cơ sở đảng quan tâm tạo nguồn, giáo dục, bồi dưỡng quần chúng ưu tú, chú trọng khu vực nông thôn, phát triển đảng trong đội ngũ trưởng, phó thôn, công nhân trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước... Do đó công tác phát triển đảng viên hàng năm đều vượt kế hoạch, chất lượng được nâng lên; trung bình mỗi năm kết nạp được 205 đảng viên mới, vượt MTĐH; đảng viên khu vực nông nghiệp chiếm 42,3%, tỷ lệ trưởng thôn là đảng viên chiếm 65,8%; kết nạp được 02 chủ doanh nghiệp tư nhân và 16 công nhân vào Đảng. Chỉ đạo thực hiện tốt việc giới thiệu, tiếp nhận, chuyển sinh hoạt Đảng; thẩm định, xét đề nghị và tổ chức tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng; công tác phát triển đảng viên. Quan tâm chỉ đạo công tác quản lý, phân công nhiệm vụ đảng viên, tỷ lệ đảng viên được phân công nhiệm vụ đạt 100%. Hàng năm, các cấp ủy đảng từ huyện đến cơ sở đã làm tốt công tác thi đua, khen thưởng; động viên kịp thời các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác.

Chất lượng công tác quy hoạch cán bộ được nâng lên, đảm bảo cơ cấu 3 độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định. Việc điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy trình; luân chuyển cán bộ bước đầu đạt kết quả; quan tâm luân chuyển cán bộ giữa khối Đảng, đoàn thể và khối Nhà nước. Trong nhiệm kỳ qua, đã điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 79

trưởng, phó các phòng, ban, cơ quan huyện, trong đó thực hiện luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác 07 đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý, trong đó có 03 đồng chí luân chuyển từ huyện về cơ sở. Các đồng chí được luân chuyển, bổ nhiệm đã phát huy được năng lực công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở; đã chỉ đạo kiện toàn kiện toàn cấp ủy, bí thư, phó bí thư ở 48 chi, đảng bộ cơ sở; chỉ đạo chuyển đổi vị trí công tác 16 công chức cấp xã ở những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh sai phạm.

Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trong quy hoạch; đã cử 118 cán bộ tham gia các lớp học về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; phối hợp mở 116 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 10.300 lượt cán bộ, đảng viên; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho 120 cán bộ, công chức cấp xã tại các phòng, ban, cơ quan huyện; phối hợp mở 02 lớp đại học. Đến nay, 100% cán bộ cấp trưởng, phó các phòng, ban, cơ quan huyện có trình độ chuyên môn đại học, trên đại học, lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 50,4% cán bộ chủ chốt cấp xã có trình độ đại học.

Thường xuyên nắm chắc tình hình chính trị nội bộ ở cơ quan, đơn vị, tập trung khắc phục hạn chế, khuyết điểm, yếu kém, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh; thực hiện tốt việc thẩm định tiêu chuẩn chính trị, nhất là chính trị hiện nay phục vụ công tác cán bộ và kết nạp đảng viên; quản lý chặt chẽ đảng viên đi công tác, học tập và tham quan du lịch ở nước ngoài.

3- Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên một bước; kịp thời phát hiện, uốn nắn, xử lý các sai phạm; thi hành kỷ luật đồng bộ, nghiêm minh

Các cấp ủy đảng đã tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện các quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng. Ban hành và triển khai thực hiện tốt một số văn bản về công tác kiểm tra, giám sát như: Quy chế làm việc, Quy chế phối hợp, Quy định về quy trình giám sát và giải quyết tố cáo đối với đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý... Đồng thời tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cấp ủy viên và ủy viên UBKT cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức, chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng, duyệt kế hoạch theo quy định; tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; xác định nội dung trọng tâm là kiểm tra, giám sát những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, phân công các đồng chí cấp ủy chủ trì các cuộc kiểm tra, giám sát. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện các kết luận; định kỳ 06 tháng, 01 năm Ban Thường vụ Huyện ủy nghe và cho ý kiến chỉ đạo việc thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra. Duy trì thực hiện quy chế chất vấn trong Đảng tại các kỳ họp ban chấp hành đảng bộ các cấp.

Tập trung chỉ đạo thực hiện toàn diện và đạt kết quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; trong nhiệm kỳ qua, cấp ủy và UBKT các cấp đã kiểm tra 491 tổ chức đảng và 6.836 đảng viên (trong đó kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 69 tổ chức đảng và 238 đảng viên; tỷ lệ UBKT các cấp thực hiện được nhiệm vụ trọng tâm kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm trung bình hàng năm trên 80%). Qua kiểm tra đã khẳng định những kết quả, ưu điểm đạt được, chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm của

từng tổ chức đảng và đảng viên được kiểm tra; kết luận có 59 tổ chức đảng và 147 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, trong đó có 09 tổ chức đảng và 31 đảng viên vi phạm đến mức phải áp dụng hình thức kỷ luật, đã xem xét, quyết định thi hành kỷ luật theo thẩm quyền. Chỉ đạo UBKT các cấp giải quyết xong 45 đơn tố cáo đối với 45 đảng viên; kết luận 17 đảng viên có khuyết điểm, trong đó có 06 đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định.

Tăng cường chỉ đạo thực hiện công tác giám sát của cấp ủy và UBKT các cấp, đưa công tác giám sát từng bước có kết quả. Việc giám sát được thực hiện thông qua sinh hoạt cấp ủy thường kỳ; giao ban giữa Thường trực Huyện ủy với các ban xây dựng Đảng, MTTQ, các đoàn thể nhân dân và cấp ủy cơ sở hàng tháng; việc thực hiện chế độ dự sinh hoạt với cấp ủy, chi bộ cơ sở của các đồng chí cấp ủy viên. Cấp ủy và UBKT các cấp đã thực hiện giám sát đối với 235 tổ chức đảng và 3.338 đảng viên. Thông qua giám sát đã phát hiện 09 tổ chức và 113 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, đã chuyển sang kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 03 tổ chức và 06 đảng viên.

Chỉ đạo nghiêm túc việc xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, xử lý đồng bộ giữa kỷ luật về Đảng và chính quyền; áp dụng hình thức kỷ luật đúng với nội dung, tính chất, mức độ tác hại, nguyên nhân khuyết điểm và có tính giáo dục cao. Nhiệm kỳ qua, toàn Đảng bộ huyện thi hành kỷ luật 02 tổ chức đảng bằng hình thức khiển trách (giảm 03 tổ chức so với nhiệm kỳ trước); kỷ luật 229 đảng viên (tăng 22 đảng viên), bằng các hình thức: khiển trách 123, chiếm 53,7%; cảnh cáo 77, chiếm 33,6%; cách chức 06, chiếm 2,6% và khai trừ ra khỏi Đảng 23, chiếm 10,1%. Nội dung vi phạm chủ yếu là vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước chiếm 57,2%, vi phạm nguyên tắc tổ chức của Đảng chiếm 42,8%.

4- Duy trì nề nếp quy chế làm việc, bảo đảm lãnh đạo toàn diện các nhiệm vụ chính trị; dân chủ, kỷ cương trong sinh hoạt Đảng

Huyện ủy đã chỉ đạo duy trì và tổ chức thực hiện tốt quy chế làm việc và chương trình công tác của cấp ủy; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, xác định rõ trách nhiệm tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tăng cường tự phê bình và phê bình. Tiến hành sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và ban hành quy định về những nội dung Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy thảo luận, cho ý kiến thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội đảm bảo dân chủ, chặt chẽ, rõ trách nhiệm theo chức năng, quyền hạn của tập thể, cá nhân. Quy định về trách nhiệm nêu gương của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy. Xây dựng quy định về trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; thực hiện quy định về những điều đảng viên không được làm; về duy trì thực hiện quy chế làm việc... Qua đó đã có nhiều chuyển biến về phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy các cấp; tinh thần, thái độ và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao được nâng lên.

Thường xuyên sâu sát cơ sở, chỉ đạo cụ thể hoá các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên vào chương trình, kế hoạch hoạt động. Duy trì nghiêm túc việc dự sinh hoạt với cấp ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc, hàng tháng giao ban với thường trực cấp ủy, chủ tịch UBND các

xã, thị trấn; tổ chức giao ban với bí thư các chi bộ thôn, khu phố, trường học trên địa bàn... Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện theo chương trình, kế hoạch và chỉ đạo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí cấp ủy viên. Thường xuyên tiến hành thanh tra, kiểm tra, tổ chức các hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm, nhất là trong việc chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm đã đăng ký hàng năm.

Đổi mới, dân chủ, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết; chủ động, sáng tạo trong việc cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên vào tình hình thực tế của địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết. Thường xuyên nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ để đề ra các chủ trương, giải pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo.

VII- Năng lực quản lý, điều hành của chính quyền được nâng lên; cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực

Hoạt động của HĐND các cấp có nhiều đổi mới, phát huy dân chủ, nêu cao tinh thần trách nhiệm của đại biểu HĐND, kịp thời ban hành các nghị quyết sát, đúng góp phần tích cực hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn. Các kỳ họp HĐND huyện được tổ chức đảm bảo đúng quy định; chất lượng các hoạt động trước, trong và sau kỳ họp được nâng lên; dành nhiều thời gian cho thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn; đôn đốc, giám sát việc thực hiện lời hứa của các cơ quan tại các kỳ họp; thực hiện tốt việc truyền thanh trực tiếp và tuyên truyền nội dung kỳ họp đến với nhân dân. Các đại biểu HĐND đã kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; đổi mới công tác tiếp xúc cử tri theo hướng gần dân, tôn trọng và nghiêm túc tiếp thu ý kiến của nhân dân. Những vấn đề mà cử tri quan tâm đều được tiếp thu, phản ánh, tổ chức giám sát, đôn đốc các cơ quan có trách nhiệm giải quyết, trả lời.

Đội ngũ cán bộ quản lý từ huyện đến cơ sở đảm bảo đủ số lượng, chất lượng ngày càng được nâng lên. Tính năng động sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền các cấp được phát huy tốt hơn. Công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền đã bám sát hơn vào chủ trương lãnh đạo của cấp uỷ, kịp thời cụ thể hóa và triển khai có kết quả sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước. Kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi nhiệm vụ được chấn chỉnh, tăng cường. Hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước được nâng lên; chức năng, nhiệm vụ được phân công cụ thể; năng lực quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của chính quyền từ huyện đến cơ sở ngày càng tiến bộ, hiệu quả.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 04/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trên địa bàn. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời quy chế làm việc, quy chế phối hợp hoạt động giữa UBND huyện với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Triển khai một cửa điện tử tại UBND huyện và liên thông với 100%

các xã, thị trấn; tiếp tục duy trì việc ứng dụng hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện. Thực hiện có hiệu quả Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn và chủ tịch UBND các xã, thị trấn trong thi hành công vụ. Trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi công vụ, nhất là việc xử lý những vấn đề phức tạp được tăng cường. Qua đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và nhân dân đến liên hệ giải quyết công việc, hạn chế tình trạng tiêu cực và từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước của chính quyền.

VIII- Chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của cả hệ thống chính trị được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được củng cố, phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong tình hình mới; Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Nghị định của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ. Thường xuyên củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ từ huyện đến cơ sở. Chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng các nội dung công khai cho nhân dân biết theo quy định tại Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; thực hiện mở rộng dân chủ, giám sát cộng đồng. Đồng thời thường xuyên tiến hành kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở các xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, uốn nắn những thiếu sót, tồn tại. Khối dân vận các xã, thị trấn, tổ dân vận thôn, khu phố được quan tâm củng cố, kiện toàn, chất lượng hiệu quả hoạt động có nhiều chuyển biến tiến bộ. Tăng cường chỉ đạo công tác dân vận chính quyền; phong trào xây dựng mô hình "dân vận khéo" tham gia xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả thiết thực.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 59- NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm chỉ đạo củng cố tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở với nội dung đa dạng, phong phú hơn. Chất lượng đội ngũ cán bộ MTTQ và các đoàn thể nhân dân được nâng lên; tỷ lệ thu hút, tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt trong tổ chức hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Chú trọng tuyên truyền, giáo dục đoàn viên, hội viên nâng cao nhận thức, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động do MTTQ và các đoàn thể nhân dân phát động. Chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng đảng, xây dựng chính quyền. Các phong trào thi đua của MTTQ và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội- nghề nghiệp được đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tích cực hưởng ứng, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội, xây dựng nông thôn mới,

giảm nghèo; tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Điển hình là: MTTQ, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu giáo chức, Hội Sinh vật cảnh, Hội Khuyến học...

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện luôn đoàn kết thống nhất, phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu, hoàn thành và hoàn thành vượt mức 16/16 mục tiêu chủ yếu đã đề ra. Trong đó đã đạt được một số kết quả nổi bật là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm tăng khá. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội tiếp tục được tăng cường. Sự nghiệp văn hóa- xã hội, giáo dục, y tế có chuyển biến tiến bộ. Đời sống của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Chính trị ổn định, an ninh- quốc phòng được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố. Vai trò và hiệu lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cấp uỷ đảng, chính quyền tiếp tục được tăng cường; quyền làm chủ của nhân dân được phát huy. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Lạng Giang nhiều năm dẫn đầu phong trào thi đua khối huyện, thành phố tỉnh Bắc Giang; năm 2010 được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động; năm 2011 và 2013 được tặng Cờ thi đua của Chính phủ; năm 2012 được tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Nhì. Những kết quả đó đã tăng thêm niềm phấn khởi tự hào và lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, đồng thời làm tiền đề cho sự phát triển trong những năm tiếp theo.

Phần thứ hai: Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015- 2020

I- Phương hướng tổng quát

Tích cực huy động các nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương. Phát huy nội lực, thu hút các nguồn đầu tư để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế- xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó chú trọng phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá; phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường. Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội; phát triển đô thị. Tập trung lãnh đạo xây dựng và phát triển văn hoá- xã hội; đẩy mạnh giải quyết việc làm, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng; phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân trong sạch, vững mạnh; đủ năng lực lãnh đạo và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

II- Mục tiêu chủ yếu:

(1) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu bình quân giai đoạn 2015- 2020 (giá năm 2010) 19-20%; trong đó: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy

sản 5,5- 6%; Giá trị sản xuất công nghiệp, TTCN và xây dựng 22-23%; Giá trị dịch vụ, thương mại 21- 22%. **(2)** Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2020: Nông- lâm nghiệp, thủy sản chiếm 12- 13%; Công nghiệp- TTCN và xây dựng chiếm 44- 45%; Thương mại, dịch vụ chiếm 43- 44%. **(3)** Thu nhập bình quân đầu người/năm 65- 70 triệu đồng. **(4)** Thu ngân sách trên địa bàn bình quân hàng năm 100- 150 tỷ đồng. **(5)** Tổng huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 21.550 tỷ đồng. **(6)** Kim ngạch xuất khẩu đạt 60- 65 triệu USD/năm. **(7)** Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác đạt 90 triệu đồng/năm. **(8)** Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới 52,2%. **(9)** Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 82%. **(10)** Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bậc mầm non là 91,7%; tiểu học là 100%, THCS là 90,9%. Tỷ lệ sinh viên đại học, cao đẳng trên 1 vạn dân là 400 sinh viên. **(11)** Tỷ lệ hộ được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hoá" 90%; tỷ lệ làng, khu phố được công nhận danh hiệu "Làng văn hoá" 70%. **(12)** Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 1%. **(13)** Giải quyết việc làm mới bình quân mỗi năm 3.800 lao động; trong đó xuất khẩu lao động từ 480 - 510 lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 71,5%. **(14)** Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 0,28% (theo tiêu chí cũ), đến năm 2020 còn 2,2%. **(15)** Hằng năm 100% tổ chức đảng hoàn thành nhiệm vụ trở lên; trên 95% đảng viên xếp loại hoàn thành nhiệm vụ; kết nạp 180 đảng viên/năm.

Trích kết quả nổi bật trong: Báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ năm 2016.

I- NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1- Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng

1.1- Công tác chính trị, tư tưởng

Chỉ đạo tổ chức tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, các nhiệm vụ, kết quả phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực bằng nhiều hình thức phong phú, hiệu quả. Duy trì chế độ thông tin cho lãnh đạo chủ chốt, báo cáo viên, cộng tác viên dư luận xã hội của huyện và cơ sở. Chủ động trong công tác nắm tình hình, định hướng dư luận nên tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ổn định, trên địa bàn không phát sinh những vấn đề phức tạp, “điểm nóng”. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thông qua việc nâng cao chất lượng xây dựng báo cáo, tổ chức hội nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm và thảo luận đề ra giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; quán triệt các chỉ thị, nghị quyết, đề án, kết luận của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về thi hành Điều lệ Đảng; hội nghị trực tuyến nghiên cứu, quán triệt Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII). Qua nghiên cứu, học tập nghị quyết, cán bộ, đảng viên đã nhận thức sâu sắc về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết đề ra, tạo sự thống nhất nhận thức trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân.

Xây dựng, quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2016; triển khai kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đăng ký năm 2016; Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo hoàn thành 02 nhiệm vụ, đó là: (1) Tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng dự án đường cao tốc Bắc Giang- Lạng Sơn đoạn qua địa bàn huyện, bảo đảm đạt tiến độ theo kế hoạch; (2) Chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016- 2021. Đôn đốc các chi, đảng ủy cơ sở triển khai hoàn thành 96 việc tập trung giải quyết; 2.582 việc làm theo của tập thể và 8.055 việc làm theo của cán bộ, đảng viên. Chỉ đạo thực hiện tốt chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch; đã mở và duy trì 37 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 3.656 lượt cán bộ, đảng viên và quần chúng dự học, đạt 115,6 % KH năm.

1.2- Công tác tổ chức xây dựng Đảng

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án số 01-ĐA/HU, ngày 08/01/2016 của Huyện ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 74-NQ/TU ngày 10/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên giai đoạn 2016-2020. Duy trì nghiêm túc Quy chế làm việc. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên năm 2016 gắn với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI). Thường xuyên quan tâm chỉ đạo củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy chi bộ. Tăng cường sâu sát cơ sở; duy trì giao ban quý với bí thư đảng uỷ các xã, thị trấn; việc dự sinh hoạt với đảng uỷ, chi bộ theo quy chế làm việc. Tập trung chỉ đạo xây dựng Đảng bộ điểm tại xã Nghĩa Hưng; đôn đốc, hướng dẫn đảng ủy các xã, thị trấn xây dựng mô hình chi bộ điểm.

Huyện ủy tập trung chỉ đạo hoàn thành việc xây dựng 32 văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI. Thành lập 06 tổ, tiến hành kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện; tổ chức hội nghị kiểm điểm, rút kinh nghiệm, định hướng xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện; các xã, thị trấn đã tiếp thu, hoàn chỉnh, ban hành 377 văn bản thực hiện. Tiến hành rà soát các nội dung theo Chương trình hành động số 01-CTr/TU, ngày 07/12/2015 của Tỉnh ủy để bổ sung, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp trong lãnh đạo; đồng thời, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, đảng viên; đã ban hành, triển khai thực hiện 19 văn bản thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, bảo đảm theo đúng thời gian yêu cầu của tỉnh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành 10 nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 đăng ký với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình và đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên năm 2016 gắn với kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII), kết quả thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị. Ban Thường vụ Huyện ủy đã gợi ý kiểm điểm sâu đối với 10 tập thể và

21 cá nhân; thành lập 06 tổ công tác dự, thẩm định kết quả, do đó, việc kiểm điểm, đánh giá đảm bảo nghiêm túc, sát thực.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo, chú trọng kết nạp đảng viên khu vực nông nghiệp, đối tượng là trưởng, phó thôn, tổ dân phố, công nhân, chủ doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Năm 2016, Đảng bộ huyện kết nạp được 187 quần chúng ưu tú vào đảng, đạt 103,8% kế hoạch (*đến nay, tỷ lệ đảng viên khu vực nông thôn chiếm 46,3%, trưởng thôn đạt 72,2%*). Tăng cường chỉ đạo phân công nhiệm vụ, quản lý, giáo dục và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chỉ đạo thực hiện tốt việc giới thiệu và tiếp nhận chuyển sinh hoạt đảng; hoàn thành kiểm tra kỹ thuật thẻ đảng viên lần thứ 3; đơn đốc trao tặng Huy hiệu Đảng cho 416 đồng chí đảm bảo trang trọng, ý nghĩa.

Tiếp tục lãnh đạo thực hiện tốt công tác tổ chức, cán bộ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về lý luận và thực tiễn gắn với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động cán bộ. Tổ chức hội nghị bầu kiện toàn Bí thư Huyện ủy, nhiệm kỳ 2015-2020; chuẩn bị nhân sự diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý giới thiệu ứng cử đại biểu HĐND các cấp. Hoàn thành kiện toàn chức danh chủ chốt HĐND, UBND huyện và cơ sở, nhiệm kỳ 2016-2021; sắp xếp, bố trí công tác đối với 13 đồng chí phó chủ tịch UBND xã, thị trấn, nhiệm kỳ 2011-2016 không tham gia tái cử, nhiệm kỳ 2016-2021 theo Luật Chính quyền địa phương. Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế; năm 2016, toàn huyện đã tinh giản được 40 cán bộ công chức. Chỉ đạo, hướng dẫn làm tốt công tác quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, phòng, ban huyện, quy hoạch cấp ủy, các chức danh chủ chốt cấp ủy, HĐND-UBND các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo. Năm 2016, đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với 17 đồng chí; trong đó, luân chuyển 01 đồng chí chủ chốt cấp xã lên huyện, luân chuyển ngang 02 đồng chí bí thư đảng ủy xã, thị trấn; kiện toàn, bổ sung cấp ủy đối với 16 chi, đảng ủy cơ sở; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 23 cán bộ, công chức cấp xã tại các cơ quan, phòng, ban huyện; cử 04 đồng chí học cao cấp lý luận chính trị. Quan tâm chỉ đạo thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 18/8/2014 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay”.

1.3- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng

Tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khoá và năm 2016. Triển khai thực hiện và hoàn thành toàn diện công tác kiểm tra, giám sát theo kế hoạch, trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm; tập trung giải quyết đơn, thư khiếu nại tố cáo phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XIV và đại biểu HĐND các cấp.

Cấp ủy các cấp tiến hành kiểm tra đối với 87 tổ chức đảng và 1.299 đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 43 tổ chức đảng, 809 đảng viên. Chỉ đạo UBKT các cấp kiểm tra 88 tổ chức đảng về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, việc thực hiện chế độ thu, nộp, sử dụng đảng phí, tài chính đảng, việc thi hành kỷ luật đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 28 tổ chức đảng và 64 đảng viên; UBKT các cấp kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 21 tổ chức đảng, 41 đảng viên; kết luận 18 tổ chức đảng, 33 đảng viên có khuyết điểm vi

phạm, trong đó, phải áp dụng hình thức kỷ luật đối với 18 đảng viên. Chỉ đạo các ban xây dựng Đảng triển khai hoàn thành kế hoạch kiểm tra, giám sát năm.

Việc thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, bảo đảm đúng phương châm, nguyên tắc, quy trình; không có trường hợp khiếu nại kỷ luật. Năm 2016, đã thi hành kỷ luật 42 đảng viên (Khiển trách 32, chiếm 76,2%; Cảnh cáo 03, chiếm 7,1%; Cách chức 02, chiếm 4,8%; Khai trừ 05, chiếm 11,9%). Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư được chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng quy định; cấp ủy, UBKT các cấp tiếp nhận 49 đơn (TC: 19; ĐN: 25; KN: 05), đã xem xét, phân loại, chỉ đạo giải quyết 46/49 đơn (TC: 16, ĐN: 25; KN: 05); còn 03 đơn (TC) đang trong quá trình xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

1.4- Công tác dân vận

Huyện uỷ thường xuyên quan tâm lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dân vận; đẩy mạnh thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, quan tâm công tác dân vận của chính quyền, nhất là trong việc tiếp xúc, giải quyết các thủ tục hành chính với nhân dân. Xây dựng và nhân rộng các mô hình “Dân vận khéo”. Chủ động nắm tình hình trong nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động ngăn chặn hoạt động truyền đạo trái phép trên địa bàn. Tăng cường chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ ở xã, thị trấn, cơ quan doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, uốn nắn những thiếu sót, tồn tại... Tổ chức tốt hội nghị tọa đàm và biểu dương, khen thưởng mô hình “Dân vận khéo” tham gia xây dựng nông thôn mới năm 2016; hội nghị tiếp xúc, đối thoại của đồng chí Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch UBND huyện với nhân dân theo Quyết định số 1158-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

2- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh

Huyện uỷ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục khó khăn, đẩy mạnh phát triển kinh tế; thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Chính phủ, kế hoạch của UBND tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016. Kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục ổn định phát triển: Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 3.500 tỷ đồng; giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng 16%. Giá trị sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp đạt 2.228 tỷ đồng, đạt 155,8% KH (tăng 15,6% so với năm 2015). Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 598,2 tỷ đồng, đạt 118,3% KH và tăng 6% so với CKNT; thu ngân sách trên địa bàn đạt 159,7 tỷ đồng, đạt 121,4% KH.

Tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất đảm bảo đúng khung thời vụ; hỗ trợ sản xuất rau chế biến, rau an toàn, cây thuốc lá và trợ giá giống lúa, ngô cho nông dân với số tiền trên 3 tỷ đồng; năng suất lúa bình quân đạt 58,4 tạ/ha (tăng 2,1 tạ/ha so với năm 2015). Tiếp tục triển khai kế hoạch sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung gắn với xây dựng chuỗi giá trị trong liên kết sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 2016-2020; toàn huyện trồng được 210 ha rau chế biến, đạt 105%KH, doanh thu bình quân 160-170 triệu đồng/ha; triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

tại xã Quang Thịnh; sử dụng 6.500 tấn nguyên liệu để sản xuất năm, thu lãi trên 21 tỷ đồng. Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân đạt 96,5 triệu đồng/ha đất canh tác. Chỉ đạo hoàn thành chuyển đổi mô hình hoạt động hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

Tập trung chỉ đạo xã Quang Thịnh hoàn thành tiêu chí đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; 15 xã còn lại bình quân đạt 01 tiêu chí/xã. Hoàn thiện Đề án xây dựng huyện nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020, với tổng kinh phí thực hiện là: 602.397,67 triệu đồng (*Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh: 236.164,92 triệu đồng; nguồn ngân sách huyện, xã: 152.565,41 triệu đồng; nguồn vốn đóng góp từ cộng đồng: 143.847,34 triệu đồng; vốn khác: 69.820 triệu đồng*). Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch dồn điền, đổi thửa năm 2016; toàn huyện dồn, đổi được 223,4ha/215ha đất nông nghiệp, đạt 103,9% KH tỉnh giao. Triển khai xây dựng 7 cánh đồng mẫu ở 6 xã, với tổng diện tích 234,9 ha; năng suất lúa ở cánh đồng mẫu cao hơn sản xuất đại trà bình quân 10%.

Quan tâm chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân; năm 2016 cấp được 750 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, đạt 100% KH tỉnh giao; cấp đổi 1.800 giấy, đạt 180% KH tỉnh giao. Tập trung chỉ đạo công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm đầu tư trên địa bàn như: Dự án đường cao tốc Bắc Giang- Lạng Sơn, dự án nâng cấp, cải tạo đường Tỉnh 295 (đoạn Vôi đi Bến Tuấn); dự án khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, dự án đường từ Quốc lộ 1 đi ga Kép- trực chính và dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Đại Lâm. Tăng cường công tác quản lý đô thị; triển khai lập quy hoạch chi tiết khu đô thị thị trấn Kép. Công tác quản lý môi trường được quan tâm chỉ đạo; tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn; trong năm đã kiểm tra phát hiện xử lý 13 trường hợp vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính 117 triệu đồng.

Công tác giáo dục và đào tạo có nhiều đổi mới; chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên, chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì và có chuyển biến tích cực ở các cấp học; trong năm, có thêm 02 trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 63 trường, đạt 86,3%; 23/23 xã, thị trấn giữ vững đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 năm 2016. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh dạy và học tiếng Anh trong các nhà trường phổ thông trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020. Chỉ đạo tổ chức tốt Đại hội Hội Chữ thập đỏ huyện lần thứ VI, nhiệm kỳ 2016- 2021. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến nay đạt 82,1%. Công tác khám, chữa bệnh có chuyển biến tích cực; chất lượng khám chữa bệnh ở các trạm y tế được nâng lên, giữ vững 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020. Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao, phát thanh được chú trọng đầu tư, chất lượng từng bước được nâng lên. Công tác bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2016 được bảo đảm nghiêm túc, chất lượng; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển sâu rộng gắn với xây dựng nông thôn mới. Tổ chức tốt Liên hoan các nhà văn hoá tiêu biểu và Hội thi công chức văn hoá giỏi huyện lần thứ I năm 2016. Tình hình đời sống nhân dân

ổn định, không có hộ bị thiếu đói dịp giáp hạt; các chế độ, chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện tốt. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm; tổ chức 21 lớp dạy nghề ngắn hạn cho 630 lao động nông thôn, góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57,5%; toàn huyện có 3.700 lao động có việc làm mới, đạt 110,4% KH (trong đó, 725 lao động xuất khẩu có thời hạn ở nước ngoài, đạt 100,7% KH).

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm chỉ đạo với nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt. Trong năm, UBND huyện đã tổ chức 24 kỳ tiếp dân, tiếp 85 lượt người; UBND các xã, thị trấn tổ chức tiếp 230 lượt người (giảm 04 lượt người so với năm 2015). Tỷ lệ giải quyết đơn cấp huyện đạt 94,3%, cấp xã đạt 92,9%. Triển khai thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt nhằm kiềm chế tai nạn giao thông; năm 2016, toàn huyện xảy ra 11 vụ tai nạn giao thông, làm chết 13 người, bị thương 2 người, thiệt hại tài sản khoảng 65 triệu đồng; so với cùng kỳ năm 2015, giảm 03 vụ (11/14), giảm 2 người chết (13/15), giảm 1 người bị thương (2/3). Thường xuyên duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội. Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ, huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho đối tượng 4 và kiểm tra bắn đạn thật; tổ chức Lễ giao nhận quân năm 2016, đảm bảo đủ quân số theo quy định. Tổ chức tốt diễn tập chiến đấu phòng thủ tại 05 xã: Nghĩa Hòa, Tân Thanh, Phi Mô, Đại Lâm, Quang Thịnh. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, tấn công trấn áp các loại tội phạm. Công tác điều tra giải quyết án, bắt giữ đối tượng truy nã,... đạt kết quả tích cực.

3- Lãnh đạo hoạt động đối với HĐND, UBND

Chỉ đạo tổ chức tổng kết hoạt động của HĐND, UBND từ huyện đến cơ sở nhiệm kỳ 2011- 2016. Lãnh đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021; tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử đạt 99,34%; bầu đủ số lượng đại biểu được bầu theo quy định đối với đại biểu Quốc hội khóa XIV, đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII và đại biểu HĐND huyện khóa XIX; bầu được 664/687 đại biểu HĐND xã, thị trấn. Sau bầu cử đã kịp thời chỉ đạo kiện toàn các chức danh chủ chốt HĐND, UBND các cấp; xây dựng quy chế làm việc, quy chế phối hợp hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên,... Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND; các kỳ họp HĐND được tổ chức đảm bảo đúng quy định; chất lượng chất vấn, trả lời chất vấn được nâng lên, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhân dân; các ý kiến, kiến nghị của cử tri được tập hợp, giải quyết, trả lời đầy đủ, công khai. Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của thường trực HĐND, các ban HĐND huyện.

Quan tâm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường kiểm soát thủ tục hành chính trên các lĩnh vực, đề cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong giải quyết các thủ tục hành chính; chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường công tác quản lý, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với 13 cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn; tổ chức thi tuyển 04 cán bộ quản lý trường học

năm 2016-2017. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 14-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; quy định văn hoá công sở, quy định không uống rượu, bia vào buổi sáng, buổi trưa và trong giờ làm việc. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động tại bộ phận một cửa, một cửa điện tử của huyện, các xã, thị trấn trong giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế thấp nhất hồ sơ chậm, quá hạn. Tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4- Lãnh đạo hoạt động của MTTQ và đoàn thể chính trị- xã hội

Lãnh đạo MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội đẩy mạnh các phong trào thi đua; làm tốt công tác tuyên truyền, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực lao động sản xuất, tham gia xây dựng nông thôn mới, giám sát cộng đồng; tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo hiểm y tế, sản xuất kinh doanh nông nghiệp an toàn, thực hiện các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn; hiến máu nhân đạo; đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội...

MTTQ tập trung triển khai kế hoạch thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; triển khai hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết. Tuyên truyền vận động Tết vì người nghèo và ngày vì người nghèo năm 2016 đạt kết quả cao. Tập trung cao chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, nhiệm kỳ 2016-2021; triển khai kế hoạch tổ chức đại hội đoàn thanh niên, đại hội cựu chiến binh, nhiệm kỳ 2017-2022. Hội Phụ nữ tổ chức tốt hội nghị tọa đàm, trao đổi về bảo vệ môi trường; phối hợp tổ chức khám, tư vấn khám sức khỏe miễn phí cho trên 100 hội viên phụ nữ là thành viên quỹ TYM. Đoàn Thanh niên tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các công trình, phần việc thanh niên gắn với xây dựng nông thôn mới; các hoạt động, phong trào xung kích, tình nguyện, đồng hành với thanh niên lập thân lập nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Hội Nông dân tổ chức tốt Hội thi "Nhà nông đua tài" tỉnh Bắc Giang năm 2016; hội nghị biểu dương, khen thưởng nông dân sản xuất kinh doanh giỏi. Phối hợp với các ngân hàng tín chấp, ủy thác giúp hội viên nông dân vay vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cung ứng phân bón trả chậm cho hội viên nông dân đầu tư phát triển sản xuất. Liên đoàn Lao động huyện tập trung chỉ đạo triển khai kế hoạch củng cố, phát triển tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước trên địa bàn huyện giai đoạn 2016-2020. Hướng dẫn xây dựng, triển khai kế hoạch xây dựng mô hình "Nơi làm việc không khói thuốc lá"; rà soát, bình xét danh hiệu cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa năm 2016.

II- MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2017

(1) Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng 16,5%; trong đó, ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 7,0%; ngành công nghiệp - xây dựng tăng 19%; ngành dịch vụ tăng 21%. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 25,87%; công nghiệp - xây dựng 41,84%; dịch vụ 32,29%. (2) Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng. (3) Giá trị sản xuất công nghiệp- TTCN đạt 2.607 tỷ đồng. (4) Bình quân thu nhập/người/năm là 40 triệu đồng. (6) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 154,12 tỷ

đồng. (7) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 4.000 tỷ đồng. (8) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,17% (theo tiêu chí mới). (9) Xây dựng thêm 02 trường học đạt chuẩn quốc gia. (10) Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 60,5%. (11) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân trên 86,2%. (12) Giải quyết việc làm mới cho 3.750 lao động (trong đó xuất khẩu 730 lao động). (13) Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 98,85%. (14) Số hộ được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” là 89%; làng văn hoá 77%; 6 xã được công nhận “Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới” và 01 thị trấn được công nhận “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. (15) Chỉ đạo 02 xã: Nghĩa Hoà, Phi Mô hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các xã còn lại phấn đấu hoàn thành thêm từ 1-2 tiêu chí trở lên. (16) Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương. (17) Phấn đấu trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trên 85% đảng viên xếp loại đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 180 đảng viên mới trở lên. Hoàn thành toàn diện kế hoạch lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy và UBKT các cấp.

Trích kết quả nổi bật trong: Báo cáo kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy năm 2017.

I- NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1- Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng

1.1- Công tác chính trị, tư tưởng

Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 114-NQ/TU, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Tăng cường công tác tư tưởng ở Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020”. Làm tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, các nhiệm vụ, kết quả phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực bằng nhiều hình thức phong phú, hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của tỉnh. Tập trung chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị lần thứ 4, 5, 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 43-KL/TU, ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy... Định kỳ tổ chức thông tin thời sự đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; nội dung các hội nghị thông tin đảm bảo tính thời sự, gắn với những vấn đề thực tế đang đặt ra. Triển khai thực hiện tốt Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 21/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “tăng cường công tác điều tra, nắm bắt, định hướng dư luận xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020”; kiện toàn lại Tổ dư luận xã hội của huyện, chủ động nắm tình hình, định hướng dư luận. Năm 2017, tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ổn định, trên địa bàn không phát sinh những vấn đề phức tạp, “điểm nóng”.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của tập thể, cá nhân thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị;

lựa chọn đăng ký những việc bức xúc, nổi cộm, hạn chế, yếu kém để tập trung giải quyết trong năm 2017; đến nay các nhiệm vụ đăng ký đã cơ bản hoàn thành, đảm bảo tiến độ, lộ trình đề ra[1]. Tổ chức Hội thảo “Các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; ban hành quy định chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện. Triển khai kế hoạch giám sát, tự giám sát việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị. Chỉ đạo lựa chọn, xây dựng 86 tập thể, 74 cá nhân điển hình tiên tiến học tập và làm theo Bác; thực hiện tốt việc đánh giá, nhận diện các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ.

Chỉ đạo tăng cường nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; triển khai chương trình phối hợp tuyên truyền, phát hành báo Đảng giai đoạn 2017-2020. Huyện ủy đã chủ động sơ kết 01 năm triển khai thực hiện các chỉ thị, kế hoạch, đề án, chương trình thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020; chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Triển khai, tham gia tốt Cuộc thi “Tìm hiểu lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào”, Cuộc thi “Giảng viên lý luận chính trị giỏi” năm 2017. Thực hiện tốt chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch[2].

1.2- Công tác tổ chức xây dựng Đảng

Huyện ủy tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tổ chức xây dựng Đảng. Tiến hành sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của Huyện ủy khóa XXI, nhiệm kỳ 2015- 2020. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án số 01-ĐA/HU của Huyện ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 74-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt cấp ủy và chi bộ theo tinh thần Công văn số 624-CV/TU, ngày 01/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành 10 nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 đăng ký với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chủ động ban hành Kế hoạch số 63-KH/HU, ngày 23/8/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy về đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ giai đoạn 2017-2020. Tập trung chỉ đạo tổ chức đại hội chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở. Duy trì tốt việc dự sinh hoạt với Đảng ủy, chi bộ trực thuộc đảng ủy các xã, thị trấn, kịp thời nắm tình hình, giải quyết tốt những phát sinh ở cơ sở. Chỉ đạo quan tâm tạo nguồn phát triển đảng viên khu vực nông nghiệp, đối tượng là trưởng thôn, tổ dân phố, công nhân, chủ doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Năm 2017, Đảng bộ huyện kết nạp được 194 quần chúng ưu tú vào đảng (trong đó có 06 trưởng thôn), đạt 102,1% kế hoạch, nâng tổng số đảng viên trong Đảng bộ huyện lên 8.113 đảng viên. Tăng cường chỉ đạo phân công nhiệm vụ, quản

lý, giáo dục và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chỉ đạo thực hiện tốt việc giới thiệu và tiếp nhận chuyển sinh hoạt đảng; trao tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng cho 1.316 đồng chí đủ điều kiện đảm bảo trang trọng, ý nghĩa.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn các tổ chức Đảng, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, giảm đầu mối trực thuộc Huyện ủy và nâng cao chất lượng hoạt động. Thành lập 01 đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, 07 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở (*trong đó có 01 chi bộ trong doanh nghiệp ngoài nhà nước*); giải thể 02 chi bộ; chuyển 01 chi bộ trực thuộc Huyện ủy về trực thuộc đảng bộ cơ sở.

Tiếp tục lãnh đạo thực hiện tốt công tác tổ chức, cán bộ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cả về lý luận và thực tiễn gắn với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động cán bộ. Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban hành nghị quyết phê duyệt quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025 và các năm tiếp theo; Kế hoạch luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Quy định về trách nhiệm nêu gương của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy. Chỉ đạo hoàn thành việc kiểm điểm, đánh giá đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý và cán bộ trong quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý 6 tháng đầu năm 2017. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử đối với 30 đồng chí (*điều động 06, bổ nhiệm 02, bổ nhiệm lại 08, giới thiệu ứng cử 14*); luân chuyển 01 đồng chí từ huyện về xã; tiếp nhận 02 đồng chí vào biên chế khối Đảng, đoàn thể huyện; tuyển dụng 01 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP; đề nghị bổ nhiệm ngạch công chức 01 đồng chí. Chuẩn bị tốt nhân sự đại hội Đoàn thanh niên, cựu chiến binh, công đoàn. Thỏa thuận công tác cán bộ đối với 15 cơ quan cấp tỉnh. Quyết định cho thôi giữ chức Phó Bí thư, Chủ tịch UBND xã Thái Đào. Chỉ đạo kịp thời kiện toàn bổ sung cấp ủy viên, bí thư, phó bí thư, các chức danh UBKT cấp cơ sở đảm bảo đúng quy trình. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 33 cán bộ, công chức cấp xã tại các cơ quan, phòng, ban huyện; cử 06 đồng chí học cao cấp lý luận chính trị; 04 đồng chí học thạc sỹ.

Chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện; đã hướng dẫn, giải quyết chế độ nghỉ hưu theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ cho 52 cán bộ, công chức, viên chức của huyện. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; rà soát, thẩm định chặt chẽ về tiêu chuẩn chính trị đối với các đồng chí quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2020- 2025 và những nhiệm kỳ tiếp theo, cán bộ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử.

1.3- Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng

Huyện ủy luôn quan tâm lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát; chú trọng chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc kiểm tra, giám sát. Kịp thời chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp, nhiệm kỳ 2015- 2020; ban hành kế hoạch thực hiện Đề án số 01-ĐA/TU của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng công tác

kiểm tra, giám sát của cấp cơ sở trong Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quy trình tiến hành công tác kiểm tra, giám sát; xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật Đảng của Ban Thường vụ Huyện ủy; Quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý. Triển khai thực hiện và hoàn thành toàn diện kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2017; trọng tâm là kiểm tra việc tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm, kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm.

Ban Thường vụ Huyện ủy đã thực hiện hoàn thành 133% kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2017; trong đó, tiến hành 04 cuộc kiểm tra đối với 04 tổ chức, 12 cá nhân (*chi bộ và lãnh đạo phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Lao động- Thương binh và Xã hội; Đảng ủy, các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã Tân Thịnh và Quang Thịnh*); 03 cuộc giám sát theo kế hoạch đối với 03 tổ chức và 09 cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (*chi bộ, các đồng chí lãnh đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bảo hiểm xã hội huyện; Đảng ủy, các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã Nghĩa Hòa*); 01 cuộc giám sát đột xuất đối với 03 đảng ủy cơ sở về triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XII) và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (*Đảng ủy Mỹ Hà, Đại Lâm, Tân Thịnh*). Chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Huyện ủy hoàn thành kế hoạch kiểm tra, giám sát năm. Năm 2017, cấp ủy các cấp đã tiến hành kiểm tra đối với 109 tổ chức đảng và 1.515 đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 54 tổ chức đảng và 976 đảng viên. UBKT các cấp đã tiến hành kiểm tra 88 tổ chức đảng về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; 112 tổ chức đảng về thực hiện chế độ thu, nộp, sử dụng đảng phí, tài chính đảng và 06 tổ chức đảng về thi hành kỷ luật trong đảng; giám sát chuyên đề đối với 59 tổ chức đảng và 129 đảng viên; kiểm tra dấu hiệu vi phạm đối với 26 tổ chức đảng, 48 đảng viên (*tăng 05 tổ chức đảng và 07 đảng viên so với năm 2016*). Qua kiểm tra đã phát hiện 20 tổ chức đảng, 43 đảng viên có khuyết điểm vi phạm, trong đó có 01 tổ chức đảng và 27 đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã giúp các tổ chức đảng, đảng viên thấy rõ ưu điểm để phát huy, đồng thời phát hiện, ngăn chặn, khắc phục kịp thời những hạn chế, khuyết điểm.

Việc thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng phương châm, nguyên tắc và thẩm quyền; áp dụng hình thức kỷ luật nghiêm minh đúng người, đúng lỗi vi phạm. Năm 2017, đã thi hành kỷ luật 01 tổ chức đảng (*Khiển trách*) và 62 đảng viên (*Khiển trách 47; Cảnh cáo 13; Cách chức 01; Khai trừ 01*). Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư được chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng quy định; cấp ủy, UBKT các cấp tiếp nhận 55 đơn (*TC: 30; ĐN: 18; KN: 07*), đã xem xét, phân loại, chỉ đạo giải quyết 50/55 đơn (*TC: 27, ĐN: 17; KN: 06*); còn 05 đơn (*TC: 03, ĐN: 01, KN: 01*) đang trong quá trình xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

1.4- Công tác dân vận

Huyện ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dân vận; đẩy mạnh thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, quan tâm công tác dân vận của chính quyền, nhất là trong việc tiếp xúc, giải quyết các thủ tục hành chính với người dân. Chủ động nắm chắc tình hình nhân dân, nhất là nội dung liên

quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm của Trung ương, của tỉnh; các hoạt động truyền đạo trái pháp luật trên địa bàn. Chỉ đạo xây dựng và nhân rộng 528 mô hình "*Dân vận khéo*"; trong đó, tập trung chỉ đạo xây dựng 03 mô hình điểm về vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế toàn dân tại thị trấn Vôi, mô hình vệ sinh an toàn thực phẩm tại xã Quang Thịnh và vệ sinh môi trường tại xã Tân Đình; chỉ đạo thực hiện tốt việc xét công nhận các mô hình "*Dân vận khéo*" năm 2017; Ban Thường vụ Huyện ủy công nhận 22 điển hình "*Dân vận khéo*" cấp huyện năm 2017.

Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch phối hợp công tác dân vận năm 2017 với các cơ quan liên quan; đặc biệt là với các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn. Trong năm 2017, đã phối hợp với các đơn vị quân đội thực hiện 06 hoạt động lớn, như: san gạt mặt đường, cứng hóa 1,9km đường giao thông nông thôn, xây dựng mới 01 cây cầu, đầm nền và đổ bê tông 400m² sân trường, cứng hóa 350m kênh mương nội đồng; tổ chức thăm hỏi, tặng quà, khám bệnh, tư vấn, phát thuốc miễn phí cho hơn 300 đối tượng chính sách trên địa bàn huyện...; trị giá các hoạt động hàng trăm triệu đồng (*dự kiến trong tháng 12/2017, đơn vị Sư đoàn 3, Quân khu 1 tiếp tục phối hợp với Khối Dân vận xã Hương Sơn, Dương Đức tổ chức làm công tác dân vận, giúp nhân dân thực hiện các công trình phúc lợi công cộng*).

Chỉ đạo triển khai, tổ chức tốt các hoạt động "*Tháng dân vận*", kế hoạch tổ chức Hội thi "*dân vận khéo*" năm 2017, tham gia Hội thi cấp tỉnh đạt giải nhất. Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức 06 cuộc kiểm tra việc triển khai thực hiện đối với các xã, thị trấn, các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn. Tổ chức 01 hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của đồng chí Bí thư Huyện ủy, 03 hội nghị Chủ tịch UBND huyện với cán bộ hội viên phụ nữ, đoàn thanh niên và nhân dân. Chỉ đạo 23/23 xã, thị trấn tổ chức hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân của đồng chí bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND theo Quyết định số 1158-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh

Huyện ủy tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện toàn diện các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội theo Nghị quyết số 88-NQ/HU, ngày 26/12/2016 về phương hướng, nhiệm vụ năm 2017, gắn với thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020. Chủ động xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về các định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trọng tâm, tạo bước đột phá của huyện năm 2017 và những năm tiếp theo để triển khai thực hiện. Tăng cường tổ chức các hội nghị, giao ban chuyên đề của cấp ủy để bàn, cho ý kiến về những nội dung thuộc lĩnh vực kinh tế- xã hội.

Quan tâm xây dựng, triển khai thực hiện các quy hoạch của huyện như: quy hoạch giao thông vận tải giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2035, quy hoạch mở rộng địa giới hành chính thị trấn Vôi, quy hoạch vùng cây ăn quả có múi; quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch cây Dã Hương nghìn năm tuổi, gắn với đình, chùa xã Tiên Lục, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, quy hoạch các khu, cụm công nghiệp... làm cơ sở, tiền đề để phát triển

kinh tế- xã hội của huyện. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường thu ngân sách trên địa bàn nhất là thu từ tiền đất; huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới; quan tâm phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội; tập trung chỉ đạo công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, công tác giải phóng mặt bằng các dự án (*dự án khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, dự án Nhà máy nước sạch DNP- Bắc Giang, dự án đường cao tốc Bắc Giang- Lạng Sơn, đường lên cầu Đồng Sơn, dự án cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh 295, các dự án đấu giá quyền sử dụng đất*); thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Tập trung cao chỉ đạo phát triển đô thị; đơn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi (*giai đoạn 1, với diện tích 10,4ha*), đến nay tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng đạt khoảng 60%; triển khai khu dân cư thuộc quy hoạch thị trấn Kép mở rộng, khu dân cư Đồng Sở- thị trấn Vôi. Chỉ đạo triển khai thực hiện đầu tư tuyến đường Vôi- Xương Lâm, đường cụm công nghiệp Nghĩa Hòa đi thị trấn Kép mở rộng theo hình thức BT.

Quyết liệt chỉ đạo cụ thể hóa, triển khai thực hiện Kết luận số 43-KL/TU, ngày 11/5/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chủ động xây dựng Kế hoạch, tổ chức phát động và thực hiện tốt các hoạt động vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn. Chủ động hỗ trợ 100% xi măng cho 5 xã xây dựng nông thôn mới năm 2017 cứng hóa đường giao thông nông thôn; rà soát, đăng ký năm 2017 cứng hóa hơn 50,2 km đường trục thôn, liên thôn từ nguồn kinh phí hỗ trợ xi măng của tỉnh; hiện nay, đã thực hiện hỗ trợ xi măng cứng hóa được 33,7 km. Chỉ đạo rà soát, từng bước thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng quá tải ở bậc mầm non; năm học 2017- 2018 đã ký hợp đồng đối với 169 giáo viên mầm non, xây dựng mới, đưa vào sử dụng 26 phòng học; đang xây dựng 16 phòng học.

Năm 2017, kinh tế- xã hội của huyện đạt kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 4.050 tỷ đồng; giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng 16,6%, vượt mục tiêu đề ra. Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 733 tỷ đồng, đạt 122% KH; thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 221 tỷ đồng, đạt 143,4% KH, tăng 38,4% so với CKNT. Giá trị sản xuất công nghiệp- TTCN ước đạt 2.652 tỷ đồng, đạt 101,7% KH; giá trị ngành dịch vụ ước đạt 4.186 tỷ đồng, đạt 102% KH; kim ngạch xuất khẩu 55,5 triệu USD, đạt 100,9% KH. Toàn huyện, thu hút được 21 dự án đầu tư, với tổng số vốn đăng ký 1.644 tỷ đồng. Công tác dồn điền, đổi thửa, xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo, hiện nay, xã Phi Mô đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; các xã Nghĩa Hưng, Đại Lâm đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, chờ Tỉnh thẩm định; xã Nghĩa Hòa đạt 18/19 tiêu chí, xã Xương Lâm đạt 16/19 tiêu chí. Xây dựng được 03 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*mô hình rau tại xã Quang Thịnh; Hoa tại xã Thái Đào; Nấm tại xã Tiên Lục, Nghĩa Hưng*). Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ. Huyện xếp thứ nhì toàn tỉnh về thực hiện nhiệm vụ năm học 2016- 2017. Xây dựng thêm 02 trường học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 89%. Tổ chức tốt đại hội thể dục thể thao từ cơ sở đến huyện; tham gia Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh xếp thứ nhì toàn tỉnh. Hệ thống y tế cơ sở tiếp tục được tăng cường, giữ vững 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn

2011- 2020. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 94,5%, vượt 8,3% kế hoạch năm, tăng 18,2% so với CKNT. Các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm thực hiện; đã tạo việc làm mới cho 3.760 lao động, đạt 100,3% KH. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 6,01% (*giảm 1,46% so với năm 2016*). Thu nhập bình quân đầu người đạt 42 triệu đồng/người/năm. Đời sống nhân dân ổn định và ngày càng được cải thiện.

Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chỉ đạo tổ chức tốt diễn tập chiến đấu phòng thủ tại 03 xã: Tân Hưng, Tân Dĩnh, Yên Mỹ; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm 2017; hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho đối tượng 4 và kiểm tra bắn đạn thật. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 148-NQ/TU, ngày 20/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định, tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 59 vụ, thiệt hại tài sản khoảng 01 tỷ đồng (*giảm 02 vụ so với năm 2016*); toàn huyện xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, làm chết 10 người (*giảm 02 vụ, 03 người chết so với năm 2016*). Công tác tiếp công dân được duy trì nền nếp; các vụ việc khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, tỷ lệ giải quyết đơn cấp huyện đạt 91,8% (56/61 đơn), tỷ lệ giải quyết đơn cấp xã đạt 90%(226/251 đơn).

3- Lãnh đạo xây dựng chính quyền, MTTQ và các đoàn thể

Huyện ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đổi mới sự chỉ đạo, điều hành theo hướng chủ động, quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi công vụ; phân công, gắn trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ. Thành lập 02 tổ giám sát thường xuyên, đột xuất việc chấp hành quy chế làm việc và thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TU, ngày 04/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, phòng, ban huyện và các xã, thị trấn. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 136-NQ/TU, ngày 01/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016- 2020. Chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tại bộ phận một cửa, một cửa điện tử của huyện và các xã, thị trấn trong giải quyết thủ tục hành chính, hạn chế thấp nhất hồ sơ chậm, quá hạn. Tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội. Chỉ đạo tổ chức tốt đại hội, kiện toàn ban chấp hành, ban thường vụ, các chức danh chủ chốt của đoàn thanh niên, cựu chiến binh, công đoàn các cấp, nhiệm kỳ 2017-2022; triển khai kế hoạch đại hội Hội nông dân, nhiệm kỳ 2018-2023. Chỉ đạo thực hiện tốt Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với MTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội trong giai đoạn 2016-2020. Trong năm 2017, MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội huyện tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế- xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, xây dựng nếp sống văn hóa; nhất là trong vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, tham gia xây dựng nông thôn mới... qua đó góp phần tích cực cùng cấp ủy, chính quyền thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

II- MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

(1) Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng 17%; trong đó, ngành nông lâm nghiệp, thủy sản tăng 7,5%; ngành công nghiệp - xây dựng tăng 19,2%; ngành dịch vụ tăng 21,2%. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 22,8%; công nghiệp - xây dựng 42%; dịch vụ 35,2%. (2) Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp đạt 107 triệu đồng. (3) Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN đạt 3.150 tỷ đồng. (4) Bình quân thu nhập/người/năm là 42 triệu đồng. (5) Thu ngân sách trên địa bàn đạt 175 tỷ đồng. (6) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 4.100 tỷ đồng. (7) Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,41% (theo tiêu chí mới). (8) Xây dựng thêm 02 trường học đạt chuẩn quốc gia. (9) Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 64,7%. (10) Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân 97%. (11) Giải quyết việc làm mới cho 3.800 lao động (trong đó xuất khẩu lao động đạt 700 lao động). (12) Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 98,9%. (13) Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 88%; tỷ lệ làng văn hoá đạt 77%; phần đầu 6 xã được công nhận "Xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới" và 01 thị trấn được công nhận "Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị". (14) Chỉ đạo 05 xã: Đào Mỹ, Mỹ Hà, Mỹ Thái, Tiên Lục, Hương Lạc hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; các xã còn lại phần đầu hoàn thành thêm từ 1-2 tiêu chí trở lên. (15) Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thực hiện tốt công tác quốc phòng quân sự địa phương. (16) Phần đầu trên 90% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trên 85% đảng viên xếp loại đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 180 đảng viên mới trở lên. Hoàn thành toàn diện kế hoạch lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy và UBKT các cấp.

(Người dự thi lựa chọn một hoặc một số nội dung trong các nội dung trên để trả lời)

Câu 6: Nêu tên các tập thể trên địa bàn huyện Lạng Giang đã được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước? Đến nay Đảng bộ và nhân dân Huyện Lạng Giang đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng các loại Huân chương, Huy chương và cờ thưởng gì? Trải qua các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, Lạng Giang có bao nhiêu Liệt sỹ? Bao nhiêu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân? Bao nhiêu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng?

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN

- Cán bộ và nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được phong tặng danh hiệu: "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" (QĐ số 575/1978);

- Cán bộ và nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được phong tặng danh hiệu: "Anh hùng lực lượng công an nhân dân" (QĐ số 735/1985);

- Cán bộ và nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được phong tặng danh hiệu: "Anh hùng lao động" trong thời kỳ đổi mới (QĐ số 943/2010).

- Cán bộ và nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang từ năm 2002 đến 2015: Chính phủ tặng thưởng 12 Cờ thi đua đơn vị xuất sắc dẫn đầu, trong đó 8 năm liên tục (từ 2002- 2009) được nhận 8 Cờ thi đua xuất sắc; Chính phủ tặng thưởng 2 Cờ thi đua xuất sắc năm 2011 và năm 2013.

- Năm 2006 Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc dẫn đầu phong trào làm đường giao thông nông thôn.

- Năm 2015 Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.

- Năm 2012, 2014, 2015 nhận 3 Cờ Thi đua của UBND tỉnh Bắc Giang.

Được tặng thưởng 5 Huân chương, trong đó 3 Huân chương Lao động, 2 Huân chương Độc lập, cụ thể Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2008 (QĐ số 287/QĐ/CTN, ngày 14/3/2008), Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 2013 (QĐ số 1387/QĐ-CTN ngày 02/8/2013);

Có 9 xã, thị trấn được phong tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân": TT Kép, An Hà, Quang Thịnh, Tân Thanh, Mỹ Thái, Hương Sơn, Hương Lạc, Tân Thịnh, Tân Hưng .

Đến nay trên địa bàn huyện Lạng Giang có 2788 liệt sỹ. 192 Mẹ Việt Nam Anh Hùng, trong đó có 9 mẹ hiện còn sống.

Câu 7: Trên địa bàn Huyện Lạng Giang hiện nay có bao nhiêu di tích đã được xếp hạng? Kể tên các di tích đã được xếp hạng cấp Quốc gia, cấp tỉnh?

Trên địa bàn huyện Lạng Giang tính đến nay có 225 di tích. Trong đó có 104 di tích đã được xếp hạng với 19 di tích cấp Quốc gia và 85 di tích cấp tỉnh.

I. Di tích xếp hạng cấp Quốc gia: 19

Số TT	Tên di tích	xã, thị trấn	Năm xếp hạng	Ghi chú
1	Đình Phù Lão	Thôn Tây Lò, xã Đào Mỹ	QĐ số 147/QĐ-BVH, ngày 24/12/1982	

2	Đình Viễn Sơn	Thôn Giữa, xã Tiên Lục	QĐ số 100/QĐ-BVH ngày 21/01/1989	
3	Đình Thuận Hòa	Thôn Trong, xã Tiên Lục		
4	Chùa Phúc Quang	Thôn Giữa, xã Tiên Lục		
5	Đền Giữa	Thôn Giữa, xã Tiên Lục		
6	Cây Dã Hương	Thôn Giữa, xã Tiên Lục		
7	Mộ Phạm Văn Liêu	thôn chùa, xã Xuân Hương	QĐ số 34/QĐ-BVH ngày 09/01/1990	
8	Nhà thờ Phạm Văn Liêu			
9	Đình Chu Nguyên	Thôn Chu Nguyên - thị trấn Vôi	QĐ số 154/QĐ-BVH ngày 25/01/1991	
10	Đền Chu Nguyên			
11	Chùa Chu Nguyên			
12	Đình Sơn	Thôn Thị, xã Mỹ Hà	QĐ số 138/QĐ-BVH ngày 31/01/1992	
13	Đình Mỹ Lộc	Thôn Nhuận, xã Mỹ Hà	QĐ số 188/QĐ-BVH ngày 13/2/1995	
14	Đình Hà	Thôn Hà, xã An Hà	QĐ số 226/QĐ-BVH ngày 05/2/1994	
15	Chùa Hà			
16	Đền thờ Đặng Thế Công	Thôn Tân, xã Tân Thịnh	QĐ số 295/QĐ-BVH ngày 12/2/1994	
17	Chùa Thông	Thôn Chùa, xã Nghĩa Hòa	QĐ số 08/QĐ-BVH ngày 13/3/2001	
18	Đình Đảng	Thôn Đảng, xã Nghĩa Hòa	QĐ số 311/QĐ-BVH ngày 26/01/2011	
19	Đình Am	Thôn Am, xã Xuân Hương	QĐ số 3084/QĐ-BVH ngày 23/9/2014	

II. Di tích xếp hạng cấp tỉnh: 85 di tích

Số TT	Tên di tích	xã, thị trấn	Năm xếp hạng	Ghi chú
1	Đình Tráng Quán	Đào Mỹ	QĐ số 3084/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	

2	Đình Trùng Hà		QĐ số 1342/QĐ-UBND ngày 23/8/2010	
3	Chùa Ba Nước			
4	Chùa Phù Lão		QĐ số 2002/QĐ-UBND ngày 17/12/2012	
5	Đình Bến	Mỹ Hà	QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	
6	Chùa Bến			
7	Chùa Mỹ Lộc		QĐ số 1342/QĐ-UBND ngày 23/8/2010	
8	Đình Cây Mai	Xuân Hương	QĐ số 2163/QĐ-UBND ngày 19/12/2008	
9	Chùa Núi Đất		QĐ số 2169/QĐ-UBND ngày 29/12/2010	
10	Chùa Vĩnh An			
11	Đền Từ Mạn		QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	
12	Văn Chỉ Bằng	Nghĩa Hòa	QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 28/01/2003	
13	Chùa Am Sắn		QĐ số 86/ QĐ-UBND ngày 30/01/2004	
14	Nghè Sộp		QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 25/12/2006	
15	Đình Bình Yên	An Hà	QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 28/01/2003	
16	Chùa Thanh Đà		QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 28/01/2003	
17	Nghè Kép		QĐ số 2163/QĐ-UBND ngày 19/12/2008	
18	Chùa Tiên Linh		QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	
19	Chùa Long Vân		QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	
20	Nghè Mía		QĐ số 2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2012	
21	Đình Quất Lâm	Đại Lâm	QĐ số 08/QĐ-UBND ngày 27/5/1995	
22	Chùa Quất Lâm			
23	Đình Đại Giáp		QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2001	
24	Chùa Đại Giáp			
25	Đình Đại Phú	Phi Mô	QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2001	
26	Chùa Đại Phú			
27	Đình Phi Mô		QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	
28	Chùa Phi Mô			
29	Đình Quảng Mô		QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	

30	Chùa Quảng Mô			
31	Đình Hoành		QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	
32	Nghè Liên Xương	Xương Lâm	QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2001	
33	Đình Lễ Nhượng		QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 25/02/2006	
34	Chùa Lễ Nhượng			
35	Chùa Bi		QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	
36	Nghè Trung Phụ	Tân Hưng	QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2001	
37	Chùa Trung Phụ			
38	Chùa Từ Bi		QĐ số 2315/QĐ-UBND ngày 30/12/2005	
39	Đình Bo Giầu	Nghĩa Hưng	QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 28/01/2003	
40	Chùa Bo Giầu			
41	Đình Khoát Giã		QĐ số 172/QĐ-UBND ngày 02/02/2005	
42	Chùa Khoát Giã			
43	Đình Nù		QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 25/02/2006	
44	Chùa Nù			
45	Thành Cần Trạm	Hương Sơn	QĐ số 178/UBND ngày 28/01/2003	
46	Đền Cần		QĐ số 2087/UBND ngày 25/02/2006	
47	Nghè Trộn		QĐ số 1587/UBND ngày 17/9/2009	
48	Đình Cây		QĐ số 2181/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	
49	Chùa Cây		QĐ số 2181/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	
50	Chùa Phú Cầu	Mỹ Thái	QĐ số 86/QĐ-UBND ngày 30/01/2004	
51	Chùa Mỹ Thái		QĐ số 172/QĐ-UBND ngày 02/02/2005	
52	Đình Cò		QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 25/02/2006	
53	Chùa Cò			
54	Đình Chi Lễ		QĐ số 2163/QĐ-UBND ngày 19/12/2008	
55	Chùa Thanh Long			
56	Đình Bùng	Tân Thanh	QĐ số 172/QĐ-UBND ngày 02/02/2005	
57	Chùa Bùng			

58	Nghè Bùng			
59	chùa Am		QĐ số 2370/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	
60	Nghè Hơm		QĐ số 2087/QĐ-UBND ngày 25/02/2007	
61	Chùa Tân Linh	Tân Dĩnh	QĐ số 2315/QĐ-UBND ngày 30/12/2005	
62	Đình Tân Văn		QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	
63	Chùa Tân Văn			
64	Đình Tân Mới		QĐ số 2169/QĐ-UBND ngày 29/12/2010	
65	Chùa Tân Phúc			
66	Chùa Linh Quang Tự		QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	
67	Đình Dĩnh Lục			
68	Chùa Dĩnh Lục			
69	Chùa Dĩnh Cầu		QĐ số 2002/QĐ-UBND ngày 17/12/2012	
70	Đình Phan	Quang Thịnh	QĐ số 2402/QĐ-UBND ngày 31/12/2007	
71	Chùa Phan			
72	Đình Thanh Lương		QĐ số 2163/QĐ-UBND ngày 19/12/2008	
73	Đình Quang Hiễn		QĐ số 1342/QĐ-UBND ngày 23/8/2010	
74	Chùa Quang Hiễn			
75	Đình Bôi		QĐ số 1396/QĐ-UBND ngày 20/12/2013	
76	Chùa Quang Sơn	Hương Lạc	QĐ số 2402/QĐ-UBND ngày 31/12/2007	
77	Chùa Hưng Long		QĐ số 1040/QĐ-UBND ngày 29/7/2011	
78	Chùa Đại Lại			
79	Chùa Am Soi	Dương Đức	QĐ số 2402/QĐ-UBND ngày 31/12/2007	
80	Chùa Linh Sơn		QĐ số 1587/QĐ-UBND ngày 17/9/2009	
81	Chùa Đức Thọ		QĐ số 1987/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	
82	Đình Trung lập	Thái Đào	QĐ số 2181/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	
83	Chùa Long Quang	Thái Đào	QĐ số: 2402/UBND 31/12/2007	
84	Chùa Kép	Thị trấn Kép	QĐ số: 1587/UBND 17/9/2009	
85	Chùa Quang Hảo	Tân Thịnh	QĐ số: 2002/UBND 17/12/2012	

Câu 8: Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Lạng Giang lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015- 2020 đã đề ra mục tiêu chủ yếu, hãy nêu tên các mục tiêu chủ yếu ấy?

- Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015- 2020 được tiến hành từ 13 giờ 30 phút, ngày 24/6/2016 đến 16 giờ ngày 26/6/2015 tại Trung tâm Hội nghị huyện, với sự có mặt của 268 đại biểu tham dự.

Đại hội đã nhất trí cao thông qua Nghị quyết, đề ra 16 mục tiêu chủ yếu để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm kỳ 2015-2020, cụ thể như sau:

(1) Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng bình quân giai đoạn 2015- 2020 từ 17-18%/năm; trong đó: nông- lâm nghiệp, thủy sản tăng 7-7,5%; công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 19-20%; thương mại, dịch vụ 21-22%. (2) Cơ cấu giá trị sản xuất đến năm 2020: nông- lâm nghiệp, thủy sản chiếm 18- 19%; công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và xây dựng chiếm 44-45%; thương mại, dịch vụ chiếm 38-36%. (3) Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất canh tác đến năm 2020 đạt 120-130 triệu đồng. (4) Tổng huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm đạt 22.000 tỷ đồng. (5) Thu ngân sách trên địa bàn (không tính tiền sử dụng đất) tăng bình quân 12-15%/năm; thu tiền sử dụng đất bình quân 40-45 tỷ đồng/năm. (6) Tỷ lệ dân số đô thị 10%. Có 90,4% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 99% dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh. (7) Phần đầu đến năm 2020 đạt huyện nông thôn mới. (8) Tỷ lệ thu gom, xử lý đạt 75% tổng lượng chất thải rắn phát sinh; trong đó thu gom, xử lý đạt 78% tổng lượng rác thải phát sinh trên địa bàn. (9) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 là 93,2%. (10) Đến năm 2020, tỷ lệ hộ dân được công nhận danh hiệu "Gia đình văn hoá" đạt 90%; tỷ lệ làng, khu phố đạt danh hiệu "Làng văn hoá" đạt 70%. (11) Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2020 đạt 85%. (12) Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên bình quân hằng năm 1%. (13) Tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm 3.500-4.000 lao động; trong đó xuất khẩu lao động từ 500-600 lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 71,5%. (14) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân từ 1-2%/năm. (15) Hoàn thành 100% các nhiệm vụ quốc phòng- quân sự địa phương; giảm tai nạn giao thông và kiềm chế các loại tội phạm. (16) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trên 90%. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85% trở lên.

Câu 9: Ông (bà), anh (chị) hãy *viết về một tập thể, hoặc cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp trong đấu tranh cách mạng; trong xây dựng, phát triển kinh tế- xã hội của huyện* để huyện Lạng Giang ngày càng phát triển, giàu đẹp văn minh (Bài viết không quá năm nghìn từ).

DI TÍCH LỊCH SỬ, LỄ HỘI VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA TIÊU BIỂU Ở LẠNG GIANG

I. TỔNG QUÁT VỀ LỄ HỘI BẮC GIANG VÀ LẠNG GIANG

Lễ hội là sự kiện văn hóa được tổ chức mang tính cộng đồng của làng xã Việt Nam. Từ bao đời nay, lễ hội gắn liền với những phong tục, luật tục của làng xã, nhằm biểu hiện sự

tôn kính của con người với thần linh, phản ánh những ước mơ chính đáng của con người trước cuộc sống mà bản thân họ chưa có khả năng thực hiện.

Việt Nam là một quốc gia đã có hàng nghìn năm lịch sử. Cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam có một nền văn hóa mang bản sắc riêng. Chính những nét đó làm nên cốt cách, hình hài và bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Bắc Giang xưa nằm trong vùng Kinh Bắc. Nơi đây không chỉ nổi tiếng về truyền thống đấu tranh anh dũng, bất khuất chống giặc ngoại xâm, truyền thống hiếu học, khoa bảng mà còn nổi tiếng về những lễ hội dân gian. Nằm trong không gian đó, Lạng Giang là vùng đất giàu truyền thống văn hoá, lịch sử với nhiều lễ hội, với vị trí là cửa ngõ phía Đông Bắc. Theo thống kê của ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch, toàn tỉnh hiện có hơn 500 lễ hội, huyện Lạng Giang có đến 114 lễ hội. Trong đó lễ hội cấp huyện có 01, 12 lễ hội cấp xã, còn lại là cấp thôn. Lễ hội ở Lạng Giang có nhiều loại hình, gồm: hội đình, hội chùa, hội đền và chủ yếu diễn ra vào mùa xuân. Phương thức tổ chức và nội dung các lễ hội ở Lạng Giang đều có sự kết hợp giữa Lễ và Hội, đan xen giữa tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng phồn thực và tín ngưỡng thần hoàng làng... Các lễ hội truyền thống với sức sống mãnh liệt ăn sâu vào tiềm thức, trở thành nhu cầu, khát vọng không thể thiếu trong đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện Lạng Giang. Đó chính là hình ảnh hội tụ những phẩm chất cao đẹp nhất của con người. Giúp con người nhớ về nguồn cội, hướng thiện và nhằm tạo dựng một cuộc sống tốt lành, yên vui.

II. MỘT SỐ LỄ HỘI CỤ THỂ Ở LẠNG GIANG

1. Lễ hội Cần Trạm – Hố Cát: Lễ hội Cần Trạm – Hố Cát được mở ra ở Lạng Giang bắt đầu từ năm 2001 và được duy trì liên tục từ đó đến nay. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược cách đây gần 6 thế kỷ do Lê Lợi, Nguyễn Trãi lãnh đạo, quân và dân Lạng Giang đã cùng quân, dân cả nước làm nên chiến thắng Cần Trạm- Hố Cát vang dội. Cùng với thắng lợi ở Xương Giang- Chi Lăng, chiến công Cần Trạm- Hố Cát đã đập tan hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Minh, đất nước được giải phóng, nền độc lập dân tộc được giữ vững gần 4 thế kỷ. Chiến thắng đó mãi là niềm tự hào không chỉ với riêng quân, dân Lạng Giang mà còn là của cả dân tộc. Lễ hội được xây dựng trên cơ sở chiến thắng Cần Trạm – Hố Cát năm 1427 của quân dân Đại Việt chống lại 10 vạn quân xâm lược nhà Minh trong gần 01 tháng tại địa bàn Lạng Sơn và Bắc Giang ngày nay. Vì thế lễ hội Cần Trạm – Hố Cát là sự phản ánh lịch sử hào hùng chống xâm lăng của dân tộc ta, thông qua các hình tượng văn hóa ngay trên mảnh đất Cần Trạm – Hố Cát lịch sử.

Địa điểm chính để tổ chức khai hội là sân vận động Huyện. Hội được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng Giêng âm lịch. Trước ngày khai hội, tại Sân vận động, - nơi làm lễ khai hội được dựng một lễ đài lớn. Trên lễ đài trang trí những hàng chữ và biểu tượng phản ánh tinh thần chiến thắng Cần Trạm – Hố Cát đời đời bất diệt. Ngày khai hội đoàn rước của các xã trong huyện với xa giá, kiệu ngựa, trống chiêng rước đưa đội tượng trưng cho đức thánh cả Cao Sơn- Quý Minh.

Lễ dâng hương được long trọng tổ chức ở Đài Tưởng niệm Liệt sỹ huyện. Qua các tích chèo cổ, người dự hội được chứng kiến hình ảnh năm xưa quân, dân Lạng Giang bố trí trận địa mai phục, dụ giặc sa vào chôn thiên la, địa võng để tiêu diệt. Từ đây các đoàn cùng nhau rước tủa ra các tuyến đường chính của huyện. Sau lễ dâng hương các đoàn trở về làng mình làm lễ an vị, cờ kiệu được đóng tại đình, các trò vui được tổ chức đến hết ngày mùng 10 tháng giêng. Lễ hội Càn Trạm- Hố Cát chính là dịp để cán bộ và nhân dân Lạng Giang anh hùng ôn cố tri tân, khơi dậy truyền thống yêu nước, anh dũng chống quân xâm lược của ông cha trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước hôm nay. Lễ hội Càn Trạm – Hố Cát hiện nay, các năm chẵn do huyện tổ chức; các năm lẻ huyện giao cho thị trấn Vôi tổ chức.

2. Hội cổ Chu Nguyên: Làng Chu Nguyên còn gọi là làng Vôi thuộc thị trấn Vôi, kề ngay bên Quốc lộ 1A Hà Nội – Lạng Sơn. Làng này xưa thuộc xã Chu Nguyên, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, đạo Kinh Bắc, sau thuộc tỉnh Bắc Giang. Đây là một làng có từ lâu đời nằm trên trục đường “thiên sứ” cổ. Trong thế kỷ XV, nơi đây nằm trong trận địa Hố Cát của nghĩa quân Lam Sơn chống quân xâm lược nhà Minh. Đến thế kỷ XVI, nơi đây cũng là chỗ đóng quân của quân khởi nghĩa chống triều Lê của Trần Cao – Trần Cung. Hội xưa ở Chu Nguyên bắt đầu từ tối ngày mùng 5 đến ngày 15 tháng Giêng âm lịch. Tối ngày mùng 5 tháng Giêng gọi là đêm nhập tịch. Ngày 12 là ngày giã đám, từ ngày 13 đến ngày 15 tháng Giêng là việc ở nhà đền. Làng Chu Nguyên xưa có lệ khi vào hội làng không ngồi ở đình mà ngồi ở sau đình, trước chùa. Bãi hội là khoảng đất rộng, mỗi năm phải phát quang một lần trong khuôn đất hình chữ nhật. Hai bên bãi dựng rạp để các cụ, các quan viên ngồi dự. Hội cổ Chu Nguyên có các phần: Tế lễ, rước sách và vui chơi văn nghệ. Tế lễ tổ chức vào đêm trừ tịch, trong các giờ Ty, Ngọ của ngày. Mỗi ngày hội, làng quy định chỉ tế một lần. Trong lễ tế, thủ từ đóng vai chủ tế; cai đám đóng vai bồi tế và có hai trai hóa phục dịch đèn nhang. Trong phần tổ chức hội có các chương trình: Đu, leo cầu kiều, đáu đĩa, kéo chữ, tổ tôm điểm, tam cúc điểm, vật, hát cô đầu, hát nhà tơ và đập nôi đập niêu, bịt mắt bắt dê, cờ tướng...Hội kéo chữ ở Vôi là quan trọng nhất. Hội diễn ra trong bốn ngày, mỗi ngày kéo một chữ, bốn ngày kéo bốn chữ “thiên hạ thái bình”. Hội kéo chữ được tổ chức vào tầm 2 giờ chiều trở đi, do các trai làng đảm nhiệm. Ngày nay hội Chu Nguyên vẫn được duy trì nhưng hình thức nội dung có thay đổi. Năm 2001, hội Càn Trạm - Hố Cát của huyện mở ra, hội Chu Nguyên cũng bị tác động vì xu thế hoà nhập vào hội trên.

3. Hội Dương Quan Hạ: Làng Dương Quan Hạ thuộc xã Dương Đức, xưa làng thuộc xã Dương Quan, tổng Mỹ Thái, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang. Dân làng Dương Quan Hạ thờ thành hoàng và thờ phật. Người được thờ cúng ở đây là các vị: Minh Giang Đô Thống thượng đẳng tôn thần; Cao Sơn – Quý Minh thượng đẳng thần và hai vợ chồng công chúa nhà Lê, con gái của vua Lê Thánh Tông là Đệ bát hoàng nữ Lê Thị Ngọc Khanh. Đình Dương Quan Hạ nằm trên gò đồi cao trước chùa Dương Quan. Phía trước hướng ra sông Thương. Hàng năm vào ngày 10 tháng Giêng âm lịch, dân làng mở hội đầu xuân. Sau hội lệ 10/1 lại có lệ 18/1 âm lịch. Trong ngày này, những ai đến tuổi 50 phải làm một cỗ lễ lên đình. Sau tế lễ sẽ tổ chức vật. Ở đình có tổ chức hát ca trù. Ngày nay, hội ở Dương Quan Hạ dồn hai ngày làm một, tổ chức vào ngày 15 tháng Giêng, vẫn

tại khu đình, chùa Dương Quan. Xã Dương Đức ngày nay gồm 3 làng: Dương Quan Hạ, Dương Quan Thượng và Đức Thọ. Đức Thọ có hội vào 7 Giêng âm lịch; Dương Quan Thượng vào 14 Giêng âm lịch. Tuy thế, ngày 15 Giêng âm lịch, cả ba làng vẫn về cả khu Dương Quan Hạ làm hội vì nơi đây là trung tâm của xã, do đó, hội này cũng gọi là hội Dương Đức. Vật ở Dương Đức vẫn được duy trì.

4. Hội làng Đại Giáp: Đại Giáp là một thôn của xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang. Trước đây là làng Sần Cỏ của xã Phương Lạn, năm Duy Tân thứ nhất (1901) được nâng lên thành xã Đại Giáp, thuộc tổng Lan Mẫu, huyện Phượng Nhãn, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Làng Đại Giáp là một làng lớn và cũng là một làng cổ. Làng Đại Giáp hàng năm có hội đình và hội chùa. Hội đình mở vào mùng 7, 8 tháng Giêng. Ngoài ra còn có hai tiết lệ nữa ở đình vào ngày 03 tháng 5 và ngày 08 tháng 11. Hội chùa mở vào ngày 13 tháng 3 sau hội chính ở đình hơn 2 tháng. Ngôi đình này xưa đặt ở chỗ bằng phẳng, bốn bề làng xóm, núi non bao bọc. Ngôi đình được tạo nên để tôn thờ vị thành hoàng Cao Sơn – Quý Minh, Minh Giang – Đô đốc Đại vương, hai vị Cao Sơn – Quý Minh là những nhân vật có công giúp Hùng Duệ Vương giữ gìn xã tắc triều Hùng. Theo lệ, làng Đại Giáp mở hội xuân vào ngày mùng 7, mùng 8 tháng Giêng. Trong hai ngày ấy thì ngày mùng 7 làng tổ chức rước sắc, bài vị các thành hoàng ở Nghè Than, Nghè Bến về đình đóng đám, tế lễ.

Trong thời gian hội, làng có tổ chức các trò vui như đánh cầu, vật, chọi gà, tổ tôm, tam cúc điểm....và có ca hát mừng nhà thánh. Hội chùa Canh Bàu được làng tổ chức vào ngày 13/3 âm lịch. Nhân dân thập phương đến hội rất đông. Trong hội có tục thi bầu. Nếu bầu nhà nào to, đẹp thì được giải. Giải tuy bình thường nhưng ý nghĩa tốt đẹp, động viên được mọi người sản xuất tăng gia. Ngày nay làng Đại Giáp tổ chức cả ở một khu, việc tổ chức rước cũng hạn chế cho nên không gian lễ hội chủ yếu ở khu chùa Canh Bàu cũ. Các trò mới thay thế các trò cũ trong hội. Bóng đá, cầu lông thay thế cướp cầu. Tuy thế với không gian này chắc rằng hội làng Đại Giáp sẽ là điểm thu hút đông người đến dự.

Làng Đại Phú gọi chung cho hai thôn: Đại Phú 1 và Đại Phú 2 thuộc xã Phi Mô huyện Lạng Giang. Trước đây làng Đại Phú thuộc xã Phú Xuyên, tổng Phi Mô, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang. Đây là làng nằm trên trục đường thiên lý cổ nên các cuộc xâm lược của phong kiến phương bắc đối với Việt : **5. Hội làng Đại Phú** Nam đều tác động mạnh mẽ và ảnh hưởng tới nơi đây. Tuy nhiên trong quá trình lịch sử nhân loại đã cùng nhau xây dựng các công trình tín ngưỡng, văn hóa để tôn phụng những người có công với dân với nước và đó cũng là cơ sở mở hội làng hàng năm. Các công trình văn hóa tín ngưỡng gồm: Đình Đại Phú, chùa Trúc Sơn, đền Giếng. Đình Đại Phú là nơi thờ vị thành hoàng Cao Sơn – Quý Minh và Minh Giang đô thống. Đền Giếng là nơi thờ Bát Lân và Thanh Thiên. Tục truyền rằng hai bà đều là tướng lĩnh của Hai Bà Trưng. Hàng năm vào ngày 16 tháng Giêng làng Đại Phú mở hội – hội này là hội chính trong năm. Trong ngày này, làng tổ chức rước kiệu vào nhà sắc ở giữa làng để nghênh sắc ra đình thờ mấy hôm hội. Sau đó lại tổ chức rước ở đền Giếng, tế lễ và rước nước ở đền Giếng về đình. Ngoài việc tế lễ, rước sách, còn có các trò vui như vật, chọi gà, kéo co, diễn tích nhà phật, hát tuồng, chèo và hát mừng nhà thánh. Hội Đại Phú ngày nay không còn tổ chức rước sách nhưng

các trò vui vẫn còn và được bổ sung thêm một số trò mới. Đó là sự hài hòa về nếp sống văn hóa mới với yếu tố văn hóa cổ truyền để cho lễ hội Đại Phú có thêm sức sống.

6. Hội Nghĩa Hòa: Xã Nghĩa Hòa về cơ bản gồm các làng của hai xã Mỹ Hòa và Nghĩa Liệt của Tổng Thịnh Liệt, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang trước đây. Trên đất Nghĩa Hòa có các di tích: Đình Bằng, đình Heo, đình Sâu, đình Đảng, Văn chỉ hàng tổng, nghề Sộp, nghề Khảo Quan, chùa Thông, chùa Am, trong đó có khu đình Bằng (cũng là khu quán thánh, Văn chỉ hàng tổng). Do đó ở đây vừa có hội lệ của hội tư văn hàng tổng vào ngày 11/9, vừa có hội lệ làng Bằng vào ngày 1 tháng 9 âm lịch. Khu đình Heo, nghề Sộp là khu di tích của ba thôn: Hạ, Heo, Bằng. Đình Sâu là đình của thôn Sâu, đình Đảng còn gọi là đình Mỹ Hòa là ngôi đình hàng xã. Đình này của chung 3 xã Mỹ Hòa, Liệt Hạ, Khoát Dã (của tổng Đào Quán). Do trục trặc vì lý do gì đó, có thể là vấn đề hành chính nên ba xã này tách ra lập đình riêng. Do đó xã Mỹ Hòa đã theo hội lệ với hội chùa Thông của xã Nghĩa Liệt vào ngày mùng 10 tháng Giêng. Hội lệ ở khu đình Bằng: tổ chức làm hai lần vào mùng 1 và 11/9 âm lịch. Mùng 1 tháng 9 là hội lệ đình Bằng của xã Nghĩa Liệt; 11/9 là hội lệ của hội tư văn hàng tổng. Hội lệ xã Nghĩa Liệt mở vào ngày mùng 1 tháng 9 tại khu đình Bằng. Trong hội này không có rước sách và có năm tế năm không tế. Hội đình Bằng vào ngày 11/9 âm lịch là ngày hội lệ của hội tư văn tổng Thịnh Liệt. Hội đình Heo: Đình Heo là đình của ba thôn: Hạ, Heo, Bằng của hai giáp Thượng – Hạ. Hội lệ này mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch. Ngoài hội lệ ở đây còn có tục động thổ vào ngày 03 tháng Giêng tại đình Heo và nghề Sộp. Đình Heo xưa nằm ở phía sau nghề Sộp, bên cạnh đường làng, giáp ranh hai thôn Hạ và Heo. Nghề Sộp và đình Heo đều là nơi thờ ba vị thành hoàng là Đồng Dương Hương, Lan Dương Hương và Ma Dương Hương. Ngày mùng 3 tháng Giêng làng ra đình tập trung từ sớm tinh sương để làm lễ thành hoàng. Sau đó cho gõ chiêng, gõ trống âm âm ở đình khoảng 1 giờ đồng hồ, gọi là động thổ. Cũng trong ngày lễ động thổ, hai làng bàn việc mở hội 10/1 ở chùa Thông. Hội lệ đình Sâu: Cũng vào ngày 03/1 và ngày 20/8. Đình Sâu ở cạnh khu chùa Thông. Đây là nơi thờ vị thành hoàng Cao Sơn – Quý Minh.

Hội chùa Thông: Được mở vào ngày 10 tháng Giêng âm lịch do hai xã (cũ) Nghĩa Liệt và Mỹ Hòa tổ chức tại khu vực chùa Thông. Chùa Thông có tên chữ là Quang Minh, nằm trên sườn đồi thấp cạnh thôn Đảng và thôn Sâu. Trong khu vực này có nghề Khảo Quan ở phía trước chùa, là nơi thờ vị Cao Sơn – Quý Minh và Lâm Giang Đô Thống đại vương. Nơi đây là nơi sinh hoạt văn hóa tôn giáo của dân hàng xã. Do vậy ngày hội ở chùa Thông là ngày hội chính của xã Nghĩa Liệt, Mỹ Hòa xưa, và cũng là của Nghĩa Hòa ngày nay. Hội chùa Thông có tế và lễ. Tế diễn ra ở nghề Khảo Quan. Lễ tiến hành ở chùa. Ngày hội dân xã Mỹ Hòa (cũ) rước bài vị từ nghề cũ xuống nghề Khảo Quan vào sáng 10/1 để tế lễ. Còn dân xã Nghĩa Liệt thì rước bài vị Lâm Giang Đô Thống từ chùa Am về nghề Khảo Quan hợp tế với dân Mỹ Hòa. Đến chiều, dân xã Nghĩa Liệt lại rước bài vị từ nghề Khảo Quan về nghề chùa Thông. Còn dân xã Mỹ Hòa lại rước bài vị Lâm Giang Đô Thống về chùa Am, kết thúc cuộc hành lễ. Trong ngày này, ở khu vực chùa Thông diễn ra các trò: Giọng cầu, cướp cầu, kéo chữ, đu, vật, leo cầu kiêu... Hội Nghĩa Hòa là hội có tính chất liên kết hàng xã, hàng tổng ở Lạng Giang cũ. Sự liên kết này được thể hiện qua các nghi thức của hội. Đồng thời trong sự liên kết ấy cũng có những nét riêng của từng làng, từng thôn rõ nét.

Đây cũng là một hội rất đáng quan tâm trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Ngày nay hội lệ ở Nghĩa Hòa vẫn được duy trì nhưng do nhiều yếu tố mà hội bị mai một nên quy mô và hình thức đã thay đổi.

7. Hội Phù Lão: Làng Phù Lão thuộc xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang. Xưa kia làng thuộc xã Đào Quán, tổng Đào Quán, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đình Phù Lão là công trình kiến trúc nghệ thuật xây dựng vào thế kỷ XVIII. Đây là ngôi đình có nhiều mảng chạm khắc mang tính văn hóa dân gian xen các chủ đề “tứ linh” – “tứ quý”. Đó là những bức chạm các cô gái cưỡi trên mình rồng, trai gái tình tự, đấu võ, đấu gươm... Bên cạnh là các bức chạm rồng ổ, rồng mẹ, rồng con.... Chính vì các giá trị văn hóa này mà đình Phù Lão trở nên nổi tiếng trong và ngoài tỉnh. Làng Phù Lão có 6 xóm: Tây, Lò, Đông, Thấm, Núi, Dừa. Nay 6 xóm này gộp lại thành 3 thôn: Tây Lò, Đông Thấm, Núi Dừa. Hội làng Phù Lão mở vào ngày 14, 15 tháng 3 âm lịch. Tuy là hai ngày nhưng tới chiều ngày 14 dân làng mới ra chuẩn bị lễ vật, tối cũng nhập tịch cáo đức thành hoàng Cao Sơn – Quý Minh để vào hội. Sáng ngày 15, dân làng tổ chức rước kiệu từ đình qua miếu Thổ Kỳ ở đầu làng rồi đi quanh làng, sau đó về tế. Tế xong cho mở hội ở khu đình, chùa. Hội Phù Lão thường kéo co, vật, chọi gà, đu, kéo cóc, đánh cờ người. Hội làng Phù Lão ngày nay vẫn được duy trì. Trò vui kéo cóc vẫn được tổ chức. Nó đã góp phần làm cho khu di tích này vừa có giá trị văn hóa vật thể và làm tăng giá trị văn hóa phi vật thể một cách tích cực.

8. Hội Tiên Lục: Hội Tiên Lục là hội có tiếng trong vùng từ lâu. Người đi xem hội Tiên Lục không chỉ được xem các trò vui của lễ hội mà còn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của làng xóm nơi đây. Trong huyện Lạng Giang nếu nói về cảnh quan môi trường văn hóa thì Tiên Lục thuộc hàng nhất nhì. Nếu nói về di tích lịch sử văn hóa thì Tiên Lục có hệ thống di tích nguyên vẹn và đầy đủ nhất huyện. Làng Tiên Lục xưa thuộc tổng Đào Quán, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang. Về thăm hội Tiên Lục trong cảnh sắc mùa xuân, núi đồi xanh thắm nên thơ chắc không ai lại không ngạc nhiên vì nơi đây lại giữ được cây Dã hương ngàn tuổi bên mái đình Viễn Sơn (còn gọi là đình Cây Dã). Cây Dã cổ thụ không cao nhưng gốc to xù xì tới năm sáu người ôm mới hết. Cây Dã sống qua nhiều thế kỷ, ruột cây đã rỗng, trẻ em, người lớn còn chui vào đó được. Hội ở Tiên Lục diễn ra chủ yếu ở khu vực đình Cây Dã, đình Thuận Hòa và chùa Phúc Quang, đền Tiên Lục. Các di tích này chia làm ba khu: Khu đình Cây Dã thuộc xóm Giữa. Khu đình Thuận Hòa thuộc xóm Trong và xóm Giữa. Ở khu này còn có hai di tích nữa là đền Tiên Lục và Thảo xá. Hội Tiên Lục cũng là hội lớn trong vùng nên nói mừng chín chính hội thì phải có ngày mừng tám vào hội và ngày mừng mười giã hội. Trong ngày mừng tám, chủ yếu là công việc chuẩn bị của dân để vào hội. Ngày chính hội là mừng chín tháng Giêng âm lịch. Trong ngày này có tổ chức các chương trình như rước sách, cướp cầu, kéo chữ, cờ hỏi, chọi gà.... và mở cuộc thi cỗ. Lễ rước kiệu ở Tiên Lục khác ở các nơi là đoàn rước rất vui. Tất cả các trai làng được đảm nhiệm chân dẹp đường, cầm cờ, đánh chiêng, đánh trống, vác siêu đao, bát bửu... đều múa theo nhịp nhạc sinh tiền để đưa rước kiệu thánh. Ở đây giống như một ca khúc khai hoàn trở về vui hội cùng dân đầu xuân năm mới vậy. Từ hai hướng: Đông và Tây, hai đoàn tiến về phía đền rồi hòa vào nhau tập trung hạ kiệu trước cửa đền để các quan viên làm lễ tế thần Cao Sơn. Ngày nay, hội chùa Tiên Lục mở vào ngày 17,

18, 19 và 20 tháng 3 âm lịch. Hội làng diễn ra từng bước. Ngày 17 rước nước ở giếng xóm Trong làm xôi, nấu chè cúng Phật. Ngày 18 thi thầy: các thầy chùa các nơi về đây thi cúng. Ngày 19 ai giỏi thì ra sân chùa cúng đàn ngoại. Ngày 20 dân rước từ hai đình lên chùa tế và tổ chức đánh vật.

9. Hội Thái Đào: Thái Đào xưa là một xã của tổng Thái Đào, huyện Phượng Nhãn, phủ Lạng Giang. Nay Thái Đào thuộc huyện Lạng Giang tỉnh Bắc Giang. Hội của xã Thái Đào được mở vào ngày 9,10 tháng Giêng âm lịch. Đó là ngày hội chính, cũng gọi là hội xuân. Trong năm, Thái Đào còn có hai sự lệ nữa vào ngày 15 tháng 5 gọi là ngày Giỗ Thánh và ngày 23 tháng Chạp âm lịch, gọi là ngày “cắt keo”. Hội Thái Đào được tổ chức ở khu đình, đền, chùa Thái Đào. Địa thế khu này rất rộng, đẹp, thoáng đãng. Đó là một khu đồi có mạch chạy xuôi từ Tây Bắc xuống Đông Nam hướng về phía ngã ba Phượng Nhãn. Chùa Thái Đào xưa kia là một ngôi chùa lớn, có tên chữ là Long Quang Tự (chùa Long Quang). Trong chùa có quả chuông lớn cao 1m38, đường kính đáy 78 cm. Chuông được đúc vào năm 1693 niên hiệu Chính Hòa thứ 14. Theo lệ thì cứ ngày 23 tháng Chạp âm lịch năm trước, dân xã Thái Đào lên đình làm lễ “cắt keo” để xin chủ tế. Qua tết âm lịch, dân xã cho chuẩn bị vào hội từ ngày mùng 6 tháng Giêng. Sáng ngày mùng 9 tháng Giêng, giáp đương cai tổ chức rước kiệu thánh cùng các đồ nghi trượng....từ làng xóm mình lên đình, chùa. Kết thúc cuộc rước kiệu, kiệu được đóng tại sân đình. Làng sẽ tổ chức tế lễ ở thánh cung. Trong ngày này, trước đây Thái Đào có lệ thi cỗ. Cỗ thi do các gia đình làm rồi đem lên lễ đình để thi. Sau cuộc tế, buổi chiều mùng 9 tháng Giêng, quan chủ tế làm lễ tế cầu ở đình. Sau cuộc cướp cầu, làng mở hội vật, chọi gà, hát trò. Hội kéo dài cho đến hết ngày mùng 10 thì giã hội. Ngày nay hội Thái Đào tuy vẫn vui nhưng các hình thức đã thay đổi nhiều. Sân hội nay là khu trường học của xã nên không gian hẹp hơn trước. Đền không còn và cũng không tổ chức rước nước nữa. Các trò chơi mới như đá bóng, cầu lông....tuy vậy nhân dân xung quanh đến hội vẫn đông, vui.

10. Hội làng Trung Phụ: Làng Trung Phụ thuộc xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang. Trước kia làng là một xã thuộc tổng Cầu Đình, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang. Khi ấy xã Trung Phụ có hai thôn: Thôn Chung Dưới và thôn Chuông Vàng. Đến khi thuộc xã Tân Hưng thì lại có hai thôn: Trung Phụ Trong và Trung Phụ Ngoài. Dù là Trung Phụ Trong hay Trung Phụ Ngoài thì lễ hội ở đây vẫn là lễ hội chung của hai thôn. Mỗi năm ở Trung Phụ thường có các tiết lệ vào các ngày: Mùng 1 tháng Giêng lễ năm mới; Mùng 7 tháng Giêng mở hội xuân nghênh xuân; 13 tháng Giêng việc làng; 13 tháng tư làm lễ ra đình, nghề vào hạ; 13 tháng tám làm lễ mùa thu; 23 tháng chạp làm lễ tất niên.

Ở Trung Phụ trước đây có nghề, đình Trung Phụ và hai ngôi chùa: Chùa Kiếm và chùa Trọi. Chùa Kiếm thuộc khu Trung Phụ Ngoài nay đã mất. Còn chùa Trọi thì ở Rừng Chùa, sau di về bên làng vào trước năm 1975, trên một gò đồi cao. Lễ hội hàng năm của Trung Phụ được mở vào ngày mùng 7 tháng Giêng ở đình, nghề, chùa. Đình Trung Phụ xưa có 3 gian hai chái, quay mặt về hướng Nam, đã bị phá nay chỉ còn tên đất. Xưa kia đây là nơi thờ phụng hai vị thành hoàng là bộ tướng của Hùng Vương thứ 18 là Cao Sơn – Quý Minh. Hội Trung Phụ hay nhất là môn kéo chữ, vật, bịt mắt bắt dê. Ba môn trò này ngày nay các cụ và dân còn nhớ. Do đình không còn, nay làng tổ chức hội lệ ở nghề

và chùa. Cứ qua mỗi lần hội, dân lại họp bàn tu tạo cho hội tốt lên và cũng qua đó tu tạo cho khu đình, chùa, nghề thêm đẹp.

III. DI TÍCH: Lạng Giang có nhiều danh thắng, di tích với hàng trăm ngôi đình, đền, chùa lớn nhỏ. Nhiều làng cổ có lai lịch lâu đời nằm trên trục đường Thiên lý cổ, như Làng Chu Nguyên, làng Đại Phú...Nhiều di tích gắn với lịch sử chống giặc ngoại xâm, đặc biệt là các trận đánh như: Cần Trạm - Hồ Cát - Xương Giang...Trong hệ thống các di sản văn hóa vật thể phong phú đó đã có 16 công trình được xếp hạng di tích cấp Quốc gia và 75 công trình được xếp hạng di tích cấp tỉnh.

Đình Bùng trước là một ngôi đình cổ gồm tòa tiền đình năm gian, hai chái, tòa hậu cung gồm một gian thành hình chữ đình. Kết cấu của ngôi đình với đao cong, mái lượn mang đậm phong cách kiến trúc nghệ thuật của những ngôi đình cổ Việt : **1. Đình Bùng**Nam. Sàn đình và xung quanh đình được làm bằng gỗ lim. Hiện nay vẫn còn lại 07 chân tảng cột bằng đá xanh có đường kính 0,60m đến 0,82m. Đình thờ thần Cao Sơn, Quý Minh và Minh Giang Đô Thống. Hiện nay trong đình còn lưu giữ được 8 đạo sắc phong ở các thời: Thiệu Trị lục niên (1846) 6 đạo; Tự Đức tam niên (1850) 2 đạo. Các đạo sắc này phong cho thần Cao Sơn, Quý Minh và Minh Giang Đô Thống có công với dân, với nước. Trong đình còn lưu giữ được một số câu đối, hiện vật mang nhiều giá trị văn hóa, lịch sử, có 39 hiện vật chủ yếu làm bằng gỗ: Ngai, bài vị, giá đọc văn tế, mâm bồng...Di tích đình Bùng ngoài ý nghĩa lịch sử còn là trung tâm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân trong vùng. Lễ hội được tổ chức vào ngày 10-11 tháng Giêng hàng năm.

2. Cây Dã Hương: Cây Dã Hương thuộc xã Tiên Lục- huyện Lạng Giang- tỉnh Bắc Giang thuộc cụm di tích quốc gia gồm (cây Dã Hương, đình Viên Sơn, chùa Phúc Quang, đình Thuận Hòa, đền Thánh Cả) được Bộ Văn Hóa - Thông Tin (nay là Bộ Văn Hóa - Thể Thao và Du Lịch) xếp hạng là di tích cấp quốc gia vào ngày 21/01/1989. Cây Dã Hương là cây lớn thứ hai trên thế giới, (sau cây ở Ấn Độ). Thân cây to khoảng 8 người đang tay mới ôm hết. Thân cây chỗ to nhất 12,5m chỗ nhỏ nhất 8,3m; chiều cao của cây là 36m, lớp vỏ cây dày trung bình 15cm. Trên thân cây có những cành cây đã khô, trải qua sự khắc nghiệt của thời gian nhưng vẫn vững vàng không rời khỏi thân cây. Cây thuộc dòng họ long não, là loại cây quý, có thể sống hàng nghìn năm. Cây đã có hoa nhỏ màu vàng nhạt, nở vào cuối mùa xuân. Các bộ phận của thân cây có chứa tinh dầu thơm, gỗ đốt thơm như hương trầm. Đặc biệt rễ cây có chứa chất Safrol, thành phần rất có giá trị trong công nghệ chế biến dược phẩm, mỹ phẩm và trong công tác nghiên cứu khoa học. Ngay từ thời Vua Lê Cảnh Hưng (1740-1786) cây Dã Hương đã xuất hiện như một hiện tượng thiên nhiên kỳ lạ. Trong một lần đi vi hành đến xã Tiên Lục thấy một cây rất to, tán rộng phủ cả một góc trời có hương thơm rất nhẹ nhàng dễ chịu, nhà Vua không khỏi ngỡ ngàng bèn hỏi các cận thần đây là cây gì và đã được trả lời đó chính là cây Dã Hương. Nhà Vua đã sắc phong là “Quốc chúa đô mộc Dã Đại vương” (cây Dã Hương lớn nhất nước). Tuy nhiên do chiến tranh loạn lạc nên sắc phong nay không còn. Năm 2001, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển đa dạng sinh học đã có đề tài khoa học nghiên cứu về cây Dã Hương. Qua các nhận xét, đánh giá thì cây Dã Hương đã tồn tại khoảng 1000 năm, khẳng định đó là cây Dã Hương cổ thụ, quý hiếm trên thế giới. Đã được ghi tên, in ảnh trong cuốn từ điển bách khoa Larouse của nước Pháp giới thiệu ảnh tại Hội chợ

Marseille năm 1932. Cây đã đã được Trường Viễn Đông Bắc Cổ (nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam) xếp vào loại cây cổ thụ quý hiếm của Việt Nam cần đưa vào giữ gìn và bảo vệ. Cây Dã Hương ngự trên một khu đất rộng, đứng vươn mình sau ngôi đình Viễn Sơn xã Tiên Lục. Với dáng đứng bề thế cành lá xum xuê xanh tốt, cây Dã Hương như một biểu tượng cho sức mạnh của thiên nhiên, sự trường tồn vĩnh cửu thách thức với thời gian, là chỗ dựa tinh thần của người dân xã Tiên Lục. Nhận thấy được giá trị to lớn của cụm di tích cây Dã Hương, năm 2003 Bộ Văn Hoá Thông Tin (nay là Bộ VHTT&DL) đầu tư trên 2 tỷ đồng vào việc trùng tu tôn tạo và bảo tồn khu di tích. Cùng với đó, năm 2008 UBND Huyện Lạng Giang đã đầu tư trên 300 triệu đồng xây dựng khuôn viên, giá đỡ bê tông để bảo vệ cây Dã, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham quan của du khách, quảng bá sâu rộng hình ảnh, thu hút đầu tư và xây dựng các chương trình tour, các dịch vụ du lịch trên địa bàn.

3. Đình Phù Lão: Đình Phù Lão thuộc làng Phù Lão, xã Đào Mỹ, huyện Lạng Giang. Làng Phù Lão thuộc 6 xóm, ba thôn: Tây Lò, Đông Thẩm và Núi Dứa. Xưa kia Làng thuộc xã Đào Quán, tổng Đào Quán, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đình được xây dựng cuối thế kỷ XVII thời hậu Lê đến năm 1688 hoàn thành. Trải qua năm tháng chiến tranh, sự xuống cấp bởi thời gian qua nhiều lần tu bổ, đình Phù Lão vẫn giữ nguyên cho mình những nét cơ bản của ngôi đình cổ Việt Nam, nhất là về kiến trúc nghệ thuật. Bên trái Đình còn lưu giữ một tấm bia đá tứ diện, cao hơn 1m ghi công bà Đào Thị Hiền đã đóng góp tiền của xây dựng đình. Đình là nơi thờ thánh Cao Sơn - Quý Minh, ngoài ra còn thờ hai vợ chồng ông Hậu là những người có công tạo dựng ngôi đình. Đình có bốn tàu đao mái, mái đình được lợp bằng ngói mũi bèo. Tòa đại đình gồm bảy gian, dài 23m, rộng 12m, với 8 vì kèo 6 hàng cột, 48 cột. Các vì kèo kết cấu theo lối chông rường giá chiêng, kết hợp kẻ moi ở bốn góc. Bốn cột giữa có bốn bức cốn chạy dài gần cả gian tạo nên bốn bức tranh trang trí lớn. Trừ cột, rui và hoành, các cấu kiện trúc gỗ khác như đầu dư, cốn, ván nong, kẻ, đầu trụ... đều được chạm trổ nhiều hình ảnh phản ánh cảnh sinh hoạt làng xã. Các bức chạm trổ đều được trang trí hình rồng và cảnh sinh hoạt văn hóa đời sống phồn thực, có cảnh múa hát của nam và nữ hoặc biểu diễn xiếc, hình người cười rống, múa võ. Trên ván ở đầu bẩy, có chạm hình thiếu nữ không có xiêm y trên râu rồng, làn tóc dài uốn từ sau lên trước, cảnh trai gái tỏ tình, âu yếm, cảnh ỏ rồng có rồng mẹ và các rồng con, thể hiện một cách chân thực sinh động. Có những cảnh mà các nhà nghiên cứu khoa học chưa thể đọc được hết ý nghĩa của bức chạm khảm tinh tế sắc sảo đó. Với những giá trị kiến trúc - nghệ thuật điêu khắc gỗ độc đáo ấy, đình Phù Lão đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định công nhận xếp hạng là Di tích Kiến trúc - Nghệ thuật theo Quyết định số 147/BVH ngày 24/12/1982.

4. Đình Chi Lễ: Đình Chi Lễ thuộc xã Thanh Lễ, tổng Mỹ Thái, huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc. Xã Thanh Lễ gồm hai thôn: Khê Cầu và Chi Lễ. Nay đình Chi Lễ thuộc thôn Chi Lễ, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Đình Chi Lễ được khởi dựng từ thời Lê (thế kỷ 17) và được tu sửa lớn ở thời Nguyễn và các giai đoạn sau này. Các cấu kiện kiến trúc trong đình mang nét kiến trúc của thời Nguyễn. Trong khoảng thời gian dài, chịu sự tác động của tự nhiên, đình Chi Lễ không tránh khỏi bị

xuống cấp và hư hỏng. Qua nhiều lần tu sửa, tôn tạo, đình Chi Lễ vẫn khang trang tổ hảo giữ nguyên giá trị vốn có của ngôi đình cổ xưa. Đình là nơi thờ thánh Cao Sơn, Quý Minh, Minh Giang Đô Thống, Trung Vũ Dục Chính đại vương và Khai quốc công thần Phạm Văn Liêu, đã có nhiều công lao đánh giặc ngoại xâm bảo vệ tổ quốc. Đình Chi Lễ không to và đồ sộ, cảnh quan khu di tích đẹp, thoáng, gồm một quần thể di tích đình và chùa liên hoàn. Ngôi đình tọa lạc phía trước, cổng vào sân đình bai bên được bó bờ bằng những khối đá xanh thời Lê (thế kỷ 17). Đình Chi Lễ có kiến trúc theo kiểu hình chữ đình gồm tòa tiền đình 5 gian nối với tòa hậu cung 2 gian. Tòa tiền đình dài: 13m, rộng 6,5m. Các tài liệu, hiện vật còn lại là những chứng cứ có giá trị lịch sử khoa học như: Tấm bia đá thời Lê có niên đại năm Chính Hòa thứ 10 (1689), ngai thờ, bài vị thời Lê (thế kỷ 17), hệ thống chân tảng bằng đá xanh, những khối đá xanh đặt ở cổng vào di tích có niên đại thời Lê, cửa, cột tòa hậu cung chạm hình rồng thời Nguyễn, sắc phong thời Nguyễn, bát hương gốm Phù Lãng thế kỷ XIX. Với những giá trị kiến trúc-nghệ thuật độc đáo ấy, đình Chi Lễ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận xếp hạng là Di tích Lịch sử-Văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2163/QĐ- UBND ngày 19/12/2008.

5. Nghè Kép: Nghè Kép hay còn gọi là nghề Giáp Kéo thuộc xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nghè Kép được tu bổ, tôn tạo lại vào thời Nguyễn - khoảng nửa đầu thế kỷ XIX. Tổng thể nghề Kép gồm: sân nghề, tòa tiền tế và hậu cung. Trải qua thời gian, qua nhiều lần tu sửa ngôi nghề mới có dáng vẻ uy nghi, cổ kính như hiện nay. Nghè Kép có một cửa chính ra vào, chiều cao của cửa là 1,7 m, chiều rộng 2,8m, cửa làm bằng ván ghép sơn màu đỏ, hai gian bên cạnh tạo hai ô cửa sổ làm kiểu cửa chấn song ván ghép, phía cuối hai hồi có tạo hai ô cửa sổ tròn, trang trí hoa văn hình chữ thọ cách điệu. Tường bao của nghề được xây bằng gạch chỉ. Từ điểm cuối của hai hồi nghề có xây một bức tường gạch chỉ, phủ vữa chạy dài 2m nối tòa tiền tế với hai cột đồng trụ. Hai cột đồng trụ cao khoảng 5m, xây theo kiểu trụ biểu, trên đầu mỗi cột đồng trụ có đắp nổi hình hai con nghe châu, phần dưới các mặt của 4 ô vuông được trang trí hình tứ linh, tứ quý. Phần thân cột được quét ve màu đỏ, vàng, giữa lòng là các cặp câu đối chữ Hán được viết nổi màu đen, phần đế trụ được soi gờ, phủ vữa, quét ve màu đỏ. Mái nghề lợp ngói ta, bốn đầu đao của nghề đều đắp nổi hình đầu phượng hóa cách điệu, uốn lượn cong vút lên không trung, trên đỉnh nóc đình có đắp nổi hình "lưỡng long châu nhật - hai con rồng châu vào mặt trời."